

**ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ,  
DUY TRÌ TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG**

**Cập nhật Báo cáo Quan hệ đối tác**



**Báo cáo không chính thức**

**Hội nghị giữa kỳ Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam  
Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk, 8-9/6/2009**

## LỜI CẢM ƠN

Báo cáo này nhằm cập nhật thông tin cho báo cáo chính – *Ổn định kinh tế vĩ mô, Duy trì tiềm năng tăng trưởng* phát hành cho Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam tháng 12 năm 2008. Tài liệu này là sản phẩm của nỗ lực tập thể và quan hệ đối tác ở Việt Nam với sự đóng góp của nhiều nhóm đối tác giữa Chính phủ – Nhà tài trợ – Tổ chức phi Chính phủ (TCPCP). Tất cả các nhóm đối tác đã hợp tác nhằm giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển và cải thiện công tác điều phối và cung cấp Viện trợ Phát triển Chính thức (ODA). Tài liệu này không thể hoàn thành nếu không có sự hợp tác, đóng góp và hỗ trợ tích cực của rất nhiều các đối tác phát triển, bao gồm các cán bộ chính phủ, các nhà tài trợ và các TCPCP. Danh sách các đầu mối liên lạc chính (mặc dù không nhất thiết họ là trưởng nhóm) của các Nhóm được nêu lên trong báo cáo này được trình bày chi tiết dưới đây. Trường hợp các cơ quan, tổ chức không được nêu tên sau đây không có nghĩa là họ không đóng góp hoạt động trong nhóm đối tác.

Nhóm Công tác Xoá nghèo/Tổ công tác chống nghèo đói	Cao Việt Sinh (BKHDĐT) Martin Rama/Đoàn Hồng Quang (WB); Nguyễn Tiến Phong (UNDP)
Nhóm đối tác chương trình mục tiêu quốc gia	Nguyễn Hải Hữu/ Trần Phi Tước (Bộ Lao động)
Nhóm đối tác Hành động Giới	UB Vì sự PT của phụ nữ
Nhóm Môi trường	Trần thị Minh Hà (Bộ Tài nguyên Môi trường)
Nhóm Sự tham gia của người dân	Phạm Thúy Anh (C&D)
Nhóm Cải cách DNNN và CPH	Martin Rama (WB); Nguyễn Danh Hòa (IMF)
Nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân	Nguyễn Văn Trung (ASMED); Rie Vejs và Kjeldgaard (ILO); Trang Nguyễn (IFC)
Nhóm Khu vực tài chính	Lê Minh Hưng (Ngân hàng Nhà nước)
Nhóm Cải cách Thương mại	Martin Rama/Nguyễn Minh Đức (WB)
Nhóm Diễn đàn Doanh nghiệp	Sin Foong Wong (IFC)
Nhóm Giáo dục	Trần Bá Việt Dũng (Bộ GD-ĐT); Noala Skinner (UNICEF); Anouk Van-Neck (EC)
Nhóm Y tế	Bộ Y tế; WHO
Nhóm HIV/AIDS	UNAIDS
Đối Tác Hỗ Trợ Ngành Lâm Nghiệp	Nguyễn Tường Vân/ Nguyễn Bích Hằng/ Nguyễn Thanh Phương (FSSP)
Nhóm Giảm nhẹ Thiên tai	Nguyễn Sỹ Nuôi (Bộ NNTPT)
MARD-ISG	Lê Văn Minh (ISG-Bộ NNPTNT)
Nhóm QHĐT về Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn	Nguyễn Thị Tuyết Hoa (Bộ NNPTNT)/ Nguyễn Danh Soạn (RWSSP)
Nhóm Giao thông	Trương Tấn Viên (Bộ GTVT); Motonori Tsuno (JICA)
Diễn đàn Đô thị	Nguyễn Khánh Toàn (Bộ Xây dựng)
Nhóm Luật pháp	Nguyễn Minh Phương (Bộ Tư pháp)
Nhóm Quản lý Tài chính công	Nguyễn Bá Toàn (Bộ Tài chính)
Nhóm Cải cách hành chính	Bộ Nội Vụ
Nhóm đối tác nâng cao hiệu quả tài trợ	Hồ Quang Minh (Bộ KHĐT), Kerry Groves (AusAid)

Bồ Thị Hồng Mai (Ngân hàng Thế giới) phụ trách quá trình xây dựng tài liệu này và điều phối việc thu thập các báo cáo theo chủ đề từ các Nhóm Đối tác Phát triển.

Các phiên bản báo cáo này có thể được cung cấp tại Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam, Tầng trệt, 63 Lý Thái Tổ, và tại trang [www.worldbank.org.vn](http://www.worldbank.org.vn) và [www.vdic.org.vn](http://www.vdic.org.vn). Ảnh bìa: Chim Hút mật họng vàng (*Aethopuga gouldiae*), 1 loài chim sống cố định ở Tây Bắc và Nam Trung Bộ. Ảnh do Birdlife cung cấp.



## MUC LUC

ĐỐI TÁC HÀNH ĐỘNG GIỚI (GAP).....	5
NHÓM LÀM VIỆC VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN.....	19
NHÓM ĐỐI TÁC NGÀNH Y TẾ.....	24
NHÓM HỖ TRỢ MÔI TRƯỜNG.....	32
ĐỐI TÁC HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP (FSSP).....	41
ĐỐI TÁC GIẢM NHẸ THIÊN TAI .....	52
NHÓM ĐỐI TÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.....	56
NHÓM GIAO THÔNG.....	62

## TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
AFD	Cơ quan Phát triển Pháp
BCĐQG	Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phát triển và Cải cách Doanh nghiệp
BTP	Bộ Tư pháp
BTM	Bộ Thương mại
CEPT	Thuế ưu đãi có hiệu lực chung
CIDA	Tổ chức Phát triển quốc tế Canada
CIE	Trung tâm Kinh tế Quốc tế
CPNET	Mạng lưới thông tin chính phủ
CLTT&GN	Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo toàn diện
CPLAR	Chương trình Hợp tác về Cải cách công tác Quản lý Đất đai
DANIDA	Cơ quan phát triển Quốc tế Đan Mạch
ĐHQG	Trường Đại học quốc gia Việt Nam
EU	Liên minh Châu Âu
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản
JBIC	Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật bản
KfW	Ngân hàng Tái thiết Đức
LPTS	Trường Đào tạo Ngành luật
MDG	Mục tiêu Phát triển Thiên nhiên kỷ
NGO	Tổ chức Phi chính phủ
NORAD	Cơ quan phát triển Na-uy
NHCP	Ngân hàng cổ phần
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
NHT	Nhóm Hỗ trợ quốc tế (ISG)
ODA	Viện trợ Phát triển Chính thức
OSS	Chế độ một cửa
PPA	Đánh giá nghèo có sự tham gia của người dân
RPA	Đánh giá nghèo cấp Vùng
SDC	Hợp tác Phát triển Thụy sỹ
SIDA	Cơ quan Phát triển Quốc tế Thụy sỹ
TNT	Toà án Nhân dân tối cao
UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc
UNODC	Văn phòng Kiểm soát ma tuý Liên hợp quốc
VDG	Mục tiêu phát triển Việt Nam
VHLSS	Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam
VQLKTTW	Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM)
VPQH	Văn phòng Quốc hội
VKSNT	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

# ĐỐI TÁC HÀNH ĐỘNG GIỚI (GAP)

Tháng 6 năm 2009

Nhận thức vai trò quan trọng của bình đẳng giới trong công tác xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững, Đối tác Hành động Giới (GAP) đã được triển khai rất hiệu quả bởi các Bộ/ngành và các đơn vị thuộc Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác hành động vì bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Trong 12 tháng tới sẽ tiến hành đánh giá và tăng cường GAP và tổ chức sao cho có hiệu quả hơn những đóng góp cho cả cuộc họp Nhóm tư vấn cũng như các chương trình tín dụng hỗ trợ giảm nghèo (PRSC) và các hoạt động chính sách.

Hiện tại, Chính phủ Việt Nam đang triển khai Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về *Các biện pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới*, ký ngày 19 tháng 5 năm 2009, và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2009. Theo Nghị định, các Bộ, ngành chịu trách nhiệm ban hành các thông tư hướng dẫn để đảm bảo thực hiện có hiệu quả GEL. Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ đạo các Bộ, ban ngành thúc đẩy tăng cường sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới, bao gồm: tăng cường cơ cấu tổ chức vì sự tiến bộ của phụ nữ; tăng cường giám sát và đánh giá Chiến lược Quốc gia về sự Tiến bộ của Phụ nữ đến năm 2010; xây dựng số liệu tổng hợp về giới trong thống kê quốc gia; lập kế hoạch, đào tạo và bổ nhiệm các cán bộ là nữ; phân bổ ngân sách cho các hoạt động liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ; tăng cường truyền thông về sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Vì vậy, đây là thời điểm thích hợp để tăng cường các hoạt động bình đẳng giới ở Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan sẵn sàng tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật và những hỗ trợ khác để hoàn thành những nhiệm vụ được giao.

Là diễn đàn về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, GAP sẽ tiếp tục truyền tải thông tin về những thảo luận cấp cộng đồng và việc hoạch định chính sách. Cuộc họp gần đây ngày 21 tháng 5 năm 2009 cũng đồng quan điểm với báo cáo tóm tắt này trong việc giải quyết các khía cạnh về giới của bốn chủ đề chính tại cuộc họp giữa kỳ của Nhóm các nhà tài trợ vào tháng 6 năm 2009: tình hình kinh tế vĩ mô, tác động của suy thoái kinh tế, thay đổi khí hậu và hiệu quả vốn viện trợ. Báo cáo sẽ đặc biệt tập trung vào các chủ đề này vì hoạt động phân tích giới của các vấn đề này ở Việt Nam hiện nay chưa phát triển. Liên quan đến chủ đề thứ 5, quản trị, các khía cạnh giới về sự tham gia và đại diện đã được nghiên cứu và trao đổi kỹ lưỡng cho tới nay nhưng vẫn chưa có số liệu hỗ trợ cho việc phân tích sâu sắc về vấn đề giới và các khía cạnh khác liên quan đến quản trị.

Nội dung báo cáo gồm các tranh luận quốc tế và số liệu về bình đẳng giới liên quan đến bốn chủ đề dựa trên số liệu hạn chế tại Việt Nam. Mỗi phần bao gồm nhiều phản hồi và các hoạt động tiếp theo.

## 1. Tình hình kinh tế vĩ mô

Mặc dù đã có giả định từ lâu về việc những chính sách thương mại và kinh tế vĩ mô là những chính sách không mang tính bình đẳng giới nhưng thực tế giới là một yếu tố quan trọng trong mỗi giao liên của thương mại, phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo.

Chính sách kinh tế vĩ mô có những tác động khác nhau đến nam giới và nữ giới do vai trò xã hội, động lực về quyền lực giữa nữ giới và nam giới trong xã hội và sự tiếp cận không bình đẳng của nữ giới đối với nguồn lực kinh tế như đất đai, tín dụng và công nghệ. Việc phân tích giới trong các chính sách kinh tế vĩ mô là rất quan trọng nhìn từ khía cạnh hiệu quả vì sự bất bình đẳng giới trong kiểm soát tài nguyên như đất đai, tín dụng và kiến thức “sẽ làm hạn chế lượng đầu ra và vì vậy hạn chế năng lực xuất khẩu của cả nền kinh tế”.<sup>1</sup> Cơ quan thư ký UNCTAD nhận định “mối tương quan lớn giữa khác biệt giới, phát triển kinh tế và sự cạnh tranh của một quốc gia cho thấy tầm quan trọng phải lồng ghép bình đẳng giới vào quá trình ra quyết định”.<sup>2</sup>

Một số nghiên cứu cho thấy tự do hóa thương mại dẫn đến tăng cơ hội việc làm và sự tham gia thị trường lao động của phụ nữ ở nhiều quốc gia – đặc biệt các nền kinh tế bán công nghiệp và các ngành công nghiệp sản xuất phục vụ xuất khẩu như điện tử, dệt, may và da giày, tại đây phụ nữ chiếm số đông lao động. Điều này được làm rõ hơn thông qua kết quả điều tra năm 2008 của ILSSA và UNIFEM về những tác động xã hội của việc gia nhập WTO đối với phụ nữ nông thôn ở Hải Dương và Đồng Tháp.<sup>3</sup> Nói chung, nghiên cứu trên cho rằng phụ nữ nông thôn ở hai tỉnh này đã tìm thấy nhiều cơ hội trong thị trường lao động nhờ hội nhập WTO, đặc biệt những công việc lao động không cần chuyên sâu về kỹ năng chuyên môn (cho các nữ thanh niên), và trong các ngành dịch vụ và tiểu thương (cho các chị em độ tuổi trung niên). Những công việc này đem lại nhiều lợi ích cho phụ nữ trong việc gia tăng cơ hội và thu nhập, đặc biệt so với thu nhập từ các công việc đồng áng.

Những thay đổi về khả năng tạo thu nhập cũng góp phần nâng cao khả năng kiểm soát thu nhập và quyền quyết định của phụ nữ trong gia đình. Điều này mang nhiều ý nghĩa quan trọng đối với các gia đình vì phụ nữ thường chi tiêu phần lớn thu nhập của mình vào dinh dưỡng, sức khỏe và giáo dục cho gia đình hơn là nam giới.<sup>4</sup> Xu hướng toàn cầu này cũng lại được chứng minh bởi số liệu điều tra ở Việt Nam của ILSSA và UNIFEM, qua đó cho thấy trong hộ gia đình đã có những tiến bộ trong việc phân bổ lao động truyền thống theo giới và vai trò ngày càng tăng của phụ nữ trong hoạt động tạo thu nhập đã giúp họ trong một số trường hợp có vai trò đáng kể trong các quyết định của gia đình và từ đó nâng cao quyền bình đẳng giới.<sup>5</sup>

Tuy nhiên, các đặc điểm khác về cơ hội việc làm ngày càng tăng của phụ nữ cũng chưa đủ để làm giảm bất bình đẳng giới. Cơ hội việc làm cho phụ nữ thường kém chất lượng và tập trung vào các ngành không chính thức, đòi hỏi kỹ năng thấp và với khoảng cách về bậc lương theo giới và các hình thức phân tách theo giới. Các nhà nghiên cứu cho rằng trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và bãi bỏ các qui định, việc phân tách việc làm theo giới và mức lương thường thấp đối với công nhân nữ hiện trở thành các yếu tố quan trọng

<sup>1</sup> Çağatay, Nilüfer (2001) ‘Thương mại, Giới và Đói nghèo: Hãy lắng nghe nhu cầu của phụ nữ trong đàm phán thương mại’, New York: UNDP, p. 26.

<sup>2</sup> UNCTAD (2009) ‘Báo cáo tại Cuộc họp Chuyên gia về Lồng ghép giới vào Chính sách thương mại’, UNCTAD, TD/B/C.I/EM.2/4, Geneva, 10–11 tháng 3 năm 2009, p.1.

<sup>3</sup> ILSSA và UNIFEM ‘Tác động kinh tế xã hội của việc gia nhập WTO đối với phụ nữ nông thôn: Nghiên cứu định lượng ở Việt Nam’, Hà Nội: ILSSA và UNIFEM.

<sup>4</sup> Çağatay (2001), p. 26.

<sup>5</sup> ILSSA và UNIFEM.

để kéo phụ nữ vào các thị trường lao động.<sup>6</sup> Phụ nữ thường kiếm được việc làm ở các khu chế xuất xuất khẩu và các công việc này thường không được tính đến trong pháp lệnh lao động địa phương, tại đây công việc thường có những đặc điểm là làm nhiều giờ, không bảo đảm an toàn, lương thấp, rủi ro sức khỏe và bị quấy rối tình dục. Tương tự, do áp lực cạnh tranh trong hội nhập kinh tế, các doanh nghiệp có xu hướng sử dụng công nhân theo mùa vụ, công nhân làm việc theo sản phẩm và làm việc tại nhà nhiều hơn; phụ nữ có vẻ sẽ tham gia nhiều hơn vào các công việc như thế này với đặc điểm là điều kiện làm việc không an toàn và không ổn định.<sup>7</sup>

Những vấn đề này ở Việt Nam được chứng minh với thông tin phân tích giới chủ yếu từ các cuộc Tổng điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) do Ngân hàng thế giới và các đơn vị khác thực hiện. Khoảng cách giới trong thu nhập từ việc làm có thu nhập còn khá rõ, và có sự phân biệt giới trong nền kinh tế theo ngành và nghề nghiệp.<sup>8</sup> Theo số liệu Điều tra doanh nghiệp năm 2003, sự phân biệt này cản trở phụ nữ hơn là nam giới.<sup>9</sup> Số liệu VHLSS cũng cho thấy bất bình đẳng giới trong phân chia lao động theo chiều dọc, với nam giới chiếm đa phần ở vị trí tốt hơn và được trả lương cao hơn trong khi đó phụ nữ thường tập trung ở những công việc được trả lương thấp và không có vị thế trong công việc.<sup>10</sup>

Một cuộc nghiên cứu sâu hơn đã được thực hiện vào năm 2008 bởi Trung tâm Nghiên cứu Lao động nữ và Giới thuộc Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA), sử dụng các phương pháp định lượng để đánh giá và dự báo những tác động của việc Việt Nam gia nhập WTO đối với việc làm, thu nhập và đời sống của lao động nữ.<sup>11</sup> Nghiên cứu cho thấy trong khi khoảng cách lương nói chung giữa nam và nữ giảm từ năm 1998 đến 2006 nhưng lại có sự gia tăng khoảng cách lương giữa lao động nữ nông thôn và thành thị và giữa lao động nữ có tay nghề và không có tay nghề. Khoảng cách lương theo giới ở mức cao hơn trong các ngành chuyên xuất khẩu hơn là những ngành không chuyên về xuất khẩu, điều này cho thấy việc gia nhập kinh tế quốc tế làm tăng khoảng cách tiền lương theo giới. Hơn nữa, những ngành không chú trọng xuất khẩu có mức tăng cao nhất về lương trung bình, trong khi đó các ngành chú trọng xuất khẩu thì tỷ lệ tăng lương trung bình rất thấp, điều này cho thấy những ngành chú trọng xuất khẩu không làm cải thiện mức sống của lao động nữ.

Nghiên cứu định lượng do ILSSA và UNIFEM tiến hành còn cho thấy chất lượng các công việc trong sản xuất phục vụ xuất khẩu rất thấp, không bảo đảm và điều kiện làm việc tồi; những cơ hội này không đóng góp nhiều vào việc cải thiện bình đẳng giới. Nghiên cứu cho thấy ở Việt Nam, một số nhóm nữ giới đặc biệt rủi ro do tác động tiêu cực của việc tự do hóa thương mại và rủi ro cao bị rơi vào tình cảnh đói nghèo; các nhóm này bao gồm nữ ở độ tuổi trung niên, nữ lao động tay nghề thấp, nữ giới có đất đai thuộc

---

<sup>6</sup> Çağatay (2001), p. 23.

<sup>7</sup> Coche, Isabel (2004) 'Tự do hoá thương mại, giới và phát triển: Có những vấn đề gì và chúng ta nghĩ về chúng như thế nào?' Washington, D.C.: Tổ chức các Bang của Mỹ.

<sup>8</sup> Lee, Sunhwa (2008) 'Phân tích Giới năm 2006 - Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam: Tình hình của phụ nữ như thế nào trong Giáo dục, Việc làm và Y tế?' (bản thảo chưa xuất bản) Hà Nội: Ngân hàng Thế giới.

<sup>9</sup> Kabeer, Naila, Trần thị Vân Anh và Vũ Mạnh Lợi (2005) 'Chuẩn bị cho tương lai: Chiến lược hướng tới thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam' Hà Nội UNDP.

<sup>10</sup> Kabeer et al (2005), Lee (2008).

<sup>11</sup> Viện Khoa học lao động và xã hội (2008)



diện qui hoạch đô thị, phụ nữ đơn thân và tàn tật. Phụ nữ đi làm việc xa nhà, mặc dù cải thiện được thu nhập nhưng phải chịu vốn xã hội kém và rủi ro bị khai thác lạm dụng.<sup>12</sup>

Bên cạnh đó, chức năng sinh đẻ của phụ nữ trong “nền kinh tế chăm sóc” cũng cản trở sự tham gia của họ vào thị trường lao động, trong khi đó công việc được trả công của phụ nữ nhìn chung là tăng nhưng những công việc không công của họ ở nhà cũng không suy giảm, làm tăng “gấp đôi gánh nặng” cho phụ nữ. Nghiên cứu của ILSSA và UNIFEM ở Việt Nam cho thấy ‘vai trò kép’ của phụ nữ do phải thực hiện cả hai nhiệm vụ sản xuất và sinh đẻ làm cho họ thiếu thốn về thời gian và bị quá tải công việc.<sup>13</sup> Điều này đồng nghĩa với việc giảm thời gian chăm sóc ở nhà: Báo cáo Phát triển Con người năm 1999 xác định một mối tương quan giữa sự gia tăng cạnh tranh thương mại toàn cầu và sự suy giảm việc chăm sóc có hưởng lương và không hưởng lương<sup>14</sup>, với nhiều ý nghĩa quan trọng đối với phát triển con người. Việc giảm thời gian chăm sóc có thể tác động xấu đến trẻ em, đặc biệt ở những vùng nông thôn nơi mà lao động trẻ em có thể được sử dụng để giảm thiểu cú sốc kinh tế gia đình.

Theo số liệu và phân tích định lượng của ILSSA, một số dự báo được đề xuất cho giai đoạn 2008 - 2012.<sup>15</sup> Hội nhập kinh tế đem lại nhiều cơ hội việc làm tốt với thu nhập cao cho lao động nữ và góp phần giảm khoảng cách giới giữa nữ và nam trong công việc và lương bổng. Tuy nhiên, vì nữ giới bị hạn chế tham gia thị trường lao động nên nữ giới có vẻ hưởng lợi ít hơn nam giới từ việc tiếp cận những công việc có thù lao cao nhờ hội nhập WTO. Lao động nữ ít kỹ năng và bằng cấp (đặc biệt trong các ngành chú trọng xuất khẩu) sẽ có nhiều rủi ro thất nghiệp và dự báo sẽ bị giảm lương nhiều hơn nam giới. Những dự báo này cũng cho thấy những tác động của hội nhập kinh tế sẽ tiếp tục làm gia tăng khoảng cách giữa lương trung bình của các lao động nữ giữa khu vực nông thôn và thành thị và giữa lao động nữ có tay nghề và không có tay nghề. Ngoài ra, dự kiến số đông phụ nữ làm việc trong các ngành nghề không chính thức sẽ tiếp tục phải chịu rủi ro về sức khỏe, không được hưởng bảo trợ xã hội và nói chung bị ảnh hưởng tiêu cực do hội nhập kinh tế.

#### *Phản ứng chính sách và những phản ứng khác*

- Các nhà tài trợ và Chính phủ cần tiếp tục và không ngừng xem xét vấn đề giới trong mối tương quan với các vấn đề kinh tế vĩ mô, đặc biệt xung quanh chính sách thương mại và những tác động của hội nhập kinh tế. Vấn đề này bao gồm việc tập trung nghiên cứu và thu thập số liệu về khác biệt giới cũng như phân tích các vấn đề giới trong phát triển chính sách thương mại.
- Xây dựng chính sách khuyến khích nhằm thúc đẩy sự tiếp cận của phụ nữ trong các chương trình giáo dục và đào tạo nghề để giúp họ tiếp cận với cơ hội nghề nghiệp tốt hơn nhưng đòi hỏi năng lực chuyên môn cao hơn và nhận các mức lương cao hơn. Tương tự, tiếp tục triển khai các chương trình dạy nghề và nâng

---

<sup>12</sup> ILSSA và UNIFEM.

<sup>13</sup> ILSSA và UNIFEM .

<sup>14</sup> UNDP (1999) *Báo cáo Phát triển Con người*. New York: Oxford University Press.

<sup>15</sup> ILSSA (2008).

cao hiệu quả các chương trình cho phụ nữ nông thôn, đặc biệt những người sống ở các vùng đang trong quá trình đô thị hóa và những người bị nhà nước thu hồi đất.

- Xem xét triển khai các chương trình khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư, những đối tượng đáp ứng được tiêu chí để hỗ trợ và tăng cường tiếp cận của phụ nữ đối với những lợi ích của hội nhập WTO. Những khuyến khích này sẽ khích lệ các doanh nghiệp và nhà đầu tư giải quyết vấn đề bình đẳng giới và quyền của phụ nữ.
- Các bên tham gia cần xem xét xây dựng chương trình cấp quốc gia về “tăng cường bình đẳng giới để đảm bảo tất cả nam giới và nữ giới hưởng lợi công bằng từ việc gia nhập WTO”. Chương trình cần lồng ghép giáo dục cho nữ giới và nam giới về những chính sách và thể chế liên quan đến WTO; giám sát các thể chế về bình đẳng giới; nâng cao nhận thức của phụ nữ về các cơ hội và thách thức liên quan đến hội nhập WTO; và hướng dẫn cụ thể và hỗ trợ phụ nữ, đặc biệt nhóm phụ nữ chịu nhiều rủi ro để họ tiếp cận và đối mặt với những thách thức liên quan đến gia nhập WTO.

## 2. Suy giảm kinh tế

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu có những tác động khác nhau đối với nữ giới và nam giới theo sự bất bình đẳng giới đã tồn tại từ lâu. Nói rộng hơn thì phụ nữ ít khả năng thích nghi và vượt qua khủng hoảng hơn nam giới do hạn chế tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, do gánh nặng thời gian, và rủi ro trước bạo lực và hạn chế của nữ giới trong quyền quyết định.<sup>16</sup> Hơn nữa, công việc của nữ giới thường được trả lương thấp hơn và không được hưởng chế độ của hệ thống an sinh xã hội; ngược lại, nam giới thường có những công việc được trả lương cao hơn, nhiều tài sản hơn và thường được hưởng bảo hiểm thất nghiệp.<sup>17</sup>

Những bất lợi của thị trường lao động trước đây mà phụ nữ phải đối mặt bao gồm việc tập trung phần lớn công việc của phụ nữ ở khu vực công việc không an toàn, thuộc ngành nghề không chính thức và có sự phân biệt giới trong các ngành công nghiệp như đã trao đổi ở phần trước, điều này có nghĩa nữ giới thường là đối tượng bị mất việc làm trước tiên. Ví dụ, tỉ lệ thất nghiệp là nữ giới dự kiến sẽ “tăng không cân xứng khi ngân sách cho các ngành công cộng bị cắt giảm vì nữ giới chiếm tỉ lệ cao trong các ngành giáo dục, y tế và dịch vụ xã hội”.<sup>18</sup>

Ở những quốc gia nơi phụ nữ thường làm việc tập trung trong các ngành công nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi khủng hoảng tài chính như sản xuất xuất khẩu, may mặc, điện tử và giày dép, thì ảnh hưởng đối với phụ nữ lớn hơn nhiều so với nam giới.<sup>19</sup> Phụ nữ chiếm khoảng 60-80% lực lượng lao động trong sản xuất phục vụ xuất khẩu ở các nước đang phát

<sup>16</sup> Quisumbing, Agnes, Ruth Meinzen-Dick và Lucy Bassett (2008) ‘Giúp phụ nữ thích nghi với Khủng hoảng giá lương thực toàn cầu’, IFPRI Báo cáo tóm tắt chính sách, 7 tháng 10 năm 2008.

<sup>17</sup> Seguino, Stephanie (2009) ‘Vấn đề giới trong khủng hoảng tài chính’, New York, tháng 3 2009, p. 3.

<sup>18</sup> Seguino (2009), p. 3-4.

<sup>19</sup> Seguino (2009), p. 3.

triển<sup>20</sup> – một ngành mà Ngân hàng Thế giới nhận định sẽ suy giảm mạnh trong khủng hoảng.<sup>21</sup> Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) dự báo cuộc khủng hoảng kinh tế hiện tại sẽ đẩy thêm 22 triệu phụ nữ vào cảnh thất nghiệp và sẽ làm tăng tỷ lệ thất nghiệp của phụ nữ so với nam giới, đặc biệt ở các nước đang phát triển.<sup>22</sup> Những vấn đề toàn cầu này có ảnh hưởng mạnh tới Việt Nam vì phụ nữ ở Việt Nam cũng tập trung làm việc ở các ngành nghề này.<sup>23</sup> Xu hướng suy giảm của ngành may mặc và giày dép đã được ghi nhận ở Việt Nam,<sup>24</sup> tiềm ẩn những hậu quả đối với lao động nữ.

Hơn nữa, nghiên cứu cũng cho thấy trong suy giảm kinh tế thì lao động nhập cư, cả lao động nam và nữ, sẽ là những đối tượng đầu tiên bị mất việc. Nữ giới chiếm gần một nửa lao động nhập cư trên thế giới và chiếm 2/3 luồng di cư lao động ở Châu Á và Tiểu sa mạc Sa-ha-ra ở châu Phi.<sup>25</sup> Trong năm 2008, kiều hối chuyển về các nước đang phát triển là \$350 tỷ đô la Mỹ trên toàn thế giới,<sup>26</sup> và như vậy lương của phụ nữ thông qua kiều hối là một nguồn thu nhập rất quan trọng đối với nhiều gia đình. Một lần nữa cho thấy, lao động nữ nhập cư thường chịu rủi ro hơn nhiều trong khủng hoảng kinh tế hơn lao động nam nhập cư và ít được tiếp cận những lợi ích, không được bảo vệ quyền lợi, kỹ năng thấp và trình độ giáo dục thấp. Số liệu mất việc của lao động nữ nhập cư gần đây trên thế giới cho thấy “nguồn kiều hối sẽ giảm và như vậy gia đình, chủ yếu nữ giới và trẻ em, sẽ phải gánh chịu việc mất một nguồn thu gia đình quan trọng và mất sự bảo vệ xã hội”.<sup>27</sup> Nghiên cứu ở Việt Nam cũng khẳng định tầm quan trọng của kiều hối gửi về từ những lao động di cư trong việc giảm rủi ro và hỗ trợ cho gia đình,<sup>28</sup> và các số liệu khác cũng cho thấy lao động nữ di cư chiếm đại đa số trong các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu có nhiều rủi ro,<sup>29</sup> vì vậy những vấn đề toàn cầu này cần được quan tâm ở mức độ nào đó tại Việt Nam.

Một yếu tố quan trọng khác do ảnh hưởng suy giảm kinh tế là an ninh lương thực. Những hộ gia đình nghèo thường dùng hầu hết thu nhập – 75% - để mua thức ăn. Phụ nữ và các nhóm khác như dân tộc thiểu số thường nằm trong đối tượng nghèo, vì vậy sẽ là những đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do tác động của khủng hoảng lương thực; phụ nữ và bé gái hiện tại chiếm 70% số người thiếu thức ăn trên thế giới.<sup>30</sup> Do giá thực phẩm tăng, các hộ gia đình sẽ cắt giảm cả về lượng và chất các loại thực phẩm, sẽ làm giảm các dinh dưỡng mà phụ nữ và bé gái – và đặc biệt là phụ nữ mang thai và cho con bú - cần phải có.<sup>31</sup> Phụ nữ thường giảm chi tiêu của mình để tăng khẩu phần thực phẩm cho các thành viên

<sup>20</sup> Emmett, Bethan (2009) ‘Trả giá cho Khủng hoảng kinh tế’, Báo cáo trao đổi quốc tế Oxfam, tháng 3 2009.

<sup>21</sup> Ngân hàng Thế giới (2009) ‘Ngân hàng TG kêu gọi tạo cơ hội kinh tế cho phụ nữ khi khủng hoảng kinh tế toàn cầu vẫn tiếp diễn’, Thông cáo báo chí 29 /1/ 2009.

<sup>22</sup> ILO (2009) ‘Xu hướng việc làm toàn cầu cho phụ nữ: tháng 3/2009’, Geneva: ILO, pp. 26-31.

<sup>23</sup> Kabeer, Naila và Tran Thi Van Anh (2006) ‘Toàn cầu hoá, Giới và công việc trong bối cảnh chuyển dịch nền kinh tế: trường hợp Việt Nam’, UNDP Viet Nam Policy Dialogue Paper 2006/2, Hanoi: UNDP.

<sup>24</sup> World Bank (2009) ‘Tranh đấu với các thể lực suy giảm toàn cầu’, Cập nhật tình hình kinh tế đồng nam á và thái bình dương, tháng 4/ 2009.

<sup>25</sup> UNIFEM (????) ‘Tác động của suy giảm toàn cầu đối với phụ nữ ở các nước đang phát triển: những người hoạt động về bình đẳng giới có thể làm gì?’ 2009

<sup>26</sup> World Bank (2009) ‘Phụ nữ ở 33 quốc gia chịu rủi ro cao do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính toàn cầu’, thông cáo báo chí, tháng 3 ngày 6 năm 2009.

<sup>27</sup> UNDP (2009) ‘Toạ đàm trực tuyến về tác động khủng hoảng tài chính và kinh tế đối với bình đẳng giới’ chưa xuất bản.

<sup>28</sup> Niimi, Yoko, Thai Hung Pham và Barry Reilly (2008) Yếu tố quyết định kiều hối: những số liệu thực tế về di cư nội địa ở Việt Nam’ Báo cáo Nghiên cứu chính sách của Ngân hàng Thế giới WPS4586, Hanoi: The World Bank.

<sup>29</sup> Kabeer, Naila, Tran Thi Van Anh and Vu Manh Loi (2005).

<sup>30</sup> Keating, Adriana (2008) ‘Giới và an toàn lương thực’, AusAID T6 2008, p. 1.

<sup>31</sup> Quisumbing, Meinzen-Dick and Bassett (2008), p. 1.

khác trong gia đình. Hơn nữa, chi tiêu cho năng lượng của phụ nữ và gánh nặng thời gian ngày càng tăng khi họ phải bỏ nhiều thời gian hơn để tìm mua và chế biến các loại đồ ăn rẻ tiền, thay vì bỏ thời gian cho các hoạt động sản xuất và tái sản xuất khác.<sup>32</sup>

Mặc dù nghiên cứu về các vấn đề này tại Việt Nam còn hạn chế, nhưng những nghiên cứu định lượng gần đây cũng phần nào phản ánh những phát hiện này. Ví dụ, nghiên cứu được tiến hành vào cuối năm 2008 do UNIFEM và ILSSA cho thấy nhu cầu chi tiêu của nữ giới bao gồm thực phẩm thường đứng sau những thành viên khác trong gia đình trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, với một nữ giới trong nhóm mục tiêu tham gia có nhận định “đinh dưỡng của chúng tôi càng ngày càng tồi, nhưng đôi khi chúng tôi vẫn mua thức ăn ngon cho con trẻ và rượu cho chồng. Tôi thường chỉ ăn cơm với rau”.<sup>33</sup> Những phát hiện này cũng được phản ánh trong nghiên cứu năm 2008 của Oxfam và Action Aid, nghiên cứu này cũng cho thấy sự tăng giá có ảnh hưởng nhiều hơn đến phụ nữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam: nam giới có kiểm soát nhiều hơn đối với nguồn lực gia đình, vì họ biết tiếng Kinh và kỹ năng nhiều hơn, trong khi “phụ nữ phải đi làm nương nhiều hơn và còn phải nấu nướng và chăm trẻ với nguồn ngân sách gia đình hạn hẹp”.<sup>34</sup>

Với ngày càng nhiều nam giới và nữ giới mất việc, giảm lương kiểu hối, giá cả tăng và chi tiêu công có thể đang chịu nhiều áp lực, phụ nữ đang phải đối mặt với vai trò chăm sóc gia đình với nguồn thu nhập suy giảm và có nhiều khả năng có những tác động đến sức khỏe và giáo dục. Ngân hàng Thế giới ghi nhận phụ nữ ở 33 quốc gia có rủi ro cao do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, dự đoán tỷ lệ tử vong trẻ em và trẻ sơ sinh tăng, giảm số bé gái đến trường và giảm thu nhập.<sup>35</sup> Hơn nữa, theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Phát triển thuộc 5 quốc gia cho thấy sự gia tăng xung đột và bạo lực trong các gia đình nghèo do khủng hoảng tài chính, nhiên liệu và thực phẩm.<sup>36</sup>

#### *Phản hồi chính sách và một số phản hồi khác*

- Phản ứng chính sách đối với suy giảm tài chính phải tránh những bất lợi cho phụ nữ và cần kết hợp xem xét tài chính trong công bằng giới trong bất kỳ gói chính sách phản hồi nào. Ví dụ, các cơ quan giám sát tài khoá phải có số phụ nữ đại diện cân bằng có thể giúp giám sát chi tiêu và tư vấn về chính sách để đảm bảo các gói kích cầu có được những cân bằng về giới.
- Các gói kích cầu phải đảm bảo rằng chi tiêu phải đảm bảo cân bằng giới trong tạo việc làm, xem xét những bất lợi của thị trường lao động mà nữ giới phải đối mặt. Chính sách kích thích kinh tế trong ngành xây dựng và hạ tầng cơ sở thường đem lợi ích cho lao động nam nhiều hơn là nữ giới, cho dù nó được dùng để giảm bớt tình trạng mất việc trong ngành chế xuất mà phụ nữ chiếm đa phần. Vì vậy, cần cân nhắc kỹ lưỡng những mục tiêu tăng trưởng việc làm cụ thể cho nữ giới.

<sup>32</sup> Quisumbing, Meinzen-Dick and Bassett (2008), p. 1.

<sup>33</sup> ILSSA and UNIFEM (forthcoming) Hanoi: ILSSA and UNIFEM.

<sup>34</sup> Oxfam and Action Aid (2008) ‘Tác động giá đối với đời sống và sinh kế của người nghèo ở Việt Nam’, Hanoi: Oxfam và Action Aid.

<sup>35</sup> World Bank (2009)

<sup>36</sup> Viện nghiên cứu Phát triển (2009) Accounts of Crisis: Người nghèo trải qua khủng hoảng tài chính, lương thực và nhiên liệu ở 5 quốc gia”, IDS: Anh, tháng 3/2009

- Thêm vào đó, phản hồi chính sách cần xem xét đầu tư vào các dự án hạ tầng xã hội ở những lĩnh vực như sức khỏe cộng đồng, giáo dục, chăm sóc trẻ em và các dịch vụ xã hội khác. Các dự án hạ tầng xã hội không chỉ giúp tạo việc làm cho phụ nữ, vì phụ nữ thường chiếm số đông trong các lĩnh vực này, mà còn góp phần giảm gánh nặng về các công việc chăm sóc và không công cho phụ nữ.
- Những phản ứng chính sách đối với tình hình tài chính cần xem xét vấn đề con người cũng như các khía cạnh tài chính của khủng hoảng. Bây giờ là thời điểm quan trọng hơn bao giờ hết để duy trì cam kết đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, bao gồm mục tiêu tăng cường công bằng giới.

### 3. Thay đổi khí hậu

Nghiên cứu trên thế giới cho thấy sự mất công bằng giới hiện tại trong xã hội –bao gồm một số vai trò của giới, phân tách giới trong lao động và tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và thông tin được trao đổi ở phần trước của báo cáo này – có thể làm tăng thêm những tác động về thay đổi khí hậu đối với phụ nữ. Đồng thời, những tác động thay đổi khí hậu có thể làm trầm trọng thêm vấn đề bất bình đẳng giới hiện tại.

Ví dụ rõ ràng nhất liên quan đến tỷ lệ tử vong trong thiên tai do thay đổi khí hậu. Nghiên cứu gần đây cho thấy phụ nữ và trẻ em có nguy cơ tử vong cao gấp 14 lần so với nam giới trong những trường hợp thiên tai.<sup>37</sup> Ví dụ, nữ giới chiếm 90% trong tổng số 140,000 người chết trong thảm họa lở đất xoáy ở Băng-La-Đét năm 1999,<sup>38</sup> Sóng thần ở Châu Á năm 2004 có 70-80% số người tử vong là phụ nữ,<sup>39</sup> và trong năm 2006 sóng thần ở In-đô-nê-xi-a và Sờ-ri-lan-ka, số người sống sót là nam giới đông hơn nhiều so với nữ giới với tỷ lệ ba hoặc bốn nam trên một nữ.<sup>40</sup> Một điển hình tương tự cũng được ghi nhận ở Việt Nam; nghiên cứu của Oxfam cho thấy phụ nữ chết nhiều hơn nam giới ở trận lụt kinh hoàng ở Hải Lãng năm 1999.<sup>41</sup>

Rủi ro tử vong ở nữ giới và bé gái từ thiên tai liên quan đến thay đổi khí hậu có mối liên hệ đến sự bất bình đẳng giới hiện tại. Ví dụ, nam giới có cơ hội nghe thông tin về tình hình thiên tai ở những nơi công cộng nơi họ làm việc; họ cũng thường nhận được mức độ chữa trị cao hơn trong cứu trợ và những nỗ lực phục hồi.<sup>42</sup> Những khác biệt về xã hội hoá có nghĩa những bé gái không được trang bị những kỹ năng tương tự như anh trai của chúng như trèo cây hay bơi lội;<sup>43</sup> đây được cho là yếu tố chính ở Việt Nam, nơi mà nhiều

<sup>37</sup> Aguilar, Lorena (2008) "Am hiểu mối liên kết: Giới và thay đổi khí hậu." Báo cáo về các khía cạnh xã hội tại Hội nghị Thay đổi khí hậu, Ngân hàng thế giới, Washington, D.C., 3/ 2008.

<sup>38</sup> Aguilar, Lorena (2004) 'Thay đổi khí hậu và Giảm thiểu thiên tai', Thuyết trình: IUCN.

<sup>39</sup> Rooke, Anna (2009) 'Gấp đôi thiệt hại: Quỹ đầu tư khí hậu của NHTG suy giảm Công bằng giới và khí hậu,' Washington, D.C.: Hành động giới.

<sup>40</sup> Davis, Ian, et al. (2005) 'Bão thần, Giới và Phục hồi', Vấn đề đặc biệt Ngày quốc tế về phòng chống thiên tai, chủ đề 6, 10/ 2005.

<sup>41</sup> Oxfam (2008) *Viet Nam: Thay đổi khí hậu, thích nghi và người nghèo*, Hà Nội: Oxfam International.

<sup>42</sup> Neumayer, Eric and Thomas Pluemper (2007) Bản chất Giới của Thiên tai: Tác động của Thiên tai đối với khoảng cách về giới trong cuộc sống, 1981-2002, *Annals of the Association of American Geographers*, 97 (3): 551-566.

<sup>43</sup> Demetriades, Justina and Emily Espen (2008) 'Giới và Thay đổi khí hậu: Lập liên kết,' Nghiên cứu phạm vi cho DFID, BRIDGE, Viện nghiên cứu Phát triển.

phụ nữ không biết bơi hơn nam giới.<sup>44</sup> Những hạn chế về tính di chuyển của phụ nữ ở những nơi công cộng cũng là điều rất quan trọng; ở những trận lụt ở Băng-la-đét, nhiều phụ nữ tử vong do chờ đợi người thân trở về nhà và đưa họ tới những nơi an toàn.<sup>45</sup>

Đời sống phụ nữ đặc biệt chịu rủi ro với thay đổi khí hậu. Nông dân là nữ giới thường “là đối tượng đầu tiên mất việc ở những cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thay đổi khí hậu và là người cuối cùng tìm được việc làm mới ở những ngành chính thức”.<sup>46</sup> Do sự phân biệt giới trong lao động, nữ giới chiếm 70-80% số lao động ngành nông nghiệp trên thế giới,<sup>47</sup> và thường chịu trách nhiệm về chợ búa, vườn rau và gia súc gia cầm, ngược lại với nam giới thường chịu trách nhiệm về những cây trồng tạo thu nhập và đàn gia súc lớn. Như vậy, sự gia tăng lụt lội và hạn hán do thay đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến loại cây trồng và gia súc mà phụ nữ đảm nhiệm và họ thiếu quyền sở hữu đất và tiếp cận tới nguồn lực như tín dụng, điều này có nghĩa họ ít có cơ hội tiếp cận với những nguồn hỗ trợ và sinh kế thay thế khác.<sup>48</sup>

Những vấn đề này được xác nhận ở Việt Nam, nơi mà phụ thuộc nhiều vào đất đai và tài nguyên thiên nhiên cho sinh kế của họ sẽ làm cho phụ nữ chịu rủi ro nhiều hơn do ảnh hưởng của thay đổi khí hậu. Ở Việt Nam, khu vực nông thôn có nhiều phụ nữ hơn nam giới tham gia vào sản xuất nông nghiệp, nghĩa là phụ nữ phải đối mặt với rủi ro mất mát từ hạn hán và các kiểu mưa bất thường.<sup>49</sup> Thay đổi khí hậu làm cho mất an ninh về nước, do đó làm tăng khối lượng công việc của phụ nữ trong việc tham gia duy trì đồng ruộng do họ phải bỏ nhiều thời gian và công sức để làm đất và tưới tiêu cho hoa màu.<sup>50</sup>

Ngoài ra, phụ nữ thường chịu trách nhiệm đi lấy nước sạch và củi đun, cả hai công việc này đều chịu ảnh hưởng mạnh bởi thay đổi khí hậu, vì thế họ mất nhiều thời gian hơn để duy trì đảm bảo các nguồn lực này và có ít thời gian hơn để tham gia vào các hoạt động được trả lương khác.<sup>51</sup> Nghiên cứu của Oxfam ở Việt Nam cũng cho thấy phụ nữ thường bỏ nhiều thời gian kiếm củi đun và nước sạch sau những trận lũ lụt.<sup>52</sup>

Thay đổi khí hậu cũng làm tăng công việc chăm sóc của phụ nữ; phụ nữ vẫn chịu trách nhiệm về sức khỏe và chăm sóc cho người bệnh và người già và cung cấp thức ăn ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Như vậy ‘thay đổi khí hậu làm trầm trọng thêm tình trạng ốm đau và thương tật do nước bẩn, đói và thiên tai, dẫn đến công việc chăm sóc của phụ nữ tăng theo cấp số nhân’<sup>53</sup>, điều này góp phần làm cho phụ nữ ngày càng có ít thời gian tham gia các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Những số liệu cho thấy Việt Nam cũng vậy, sự phân biệt giới trong lao động làm cho phụ nữ phải đảm nhiệm phần lớn công việc về thực phẩm và chăm sóc con cái,<sup>54</sup> và các tác động của thay đổi khí hậu làm phụ nữ

---

<sup>44</sup> Oxfam (2008).

<sup>45</sup> Rohr, Ulrike (2005) ‘Giới và thay đổi khí hậu *Tiempo: Tạp chí thay đổi khí hậu*, UEA, SEI and IIED.

<sup>46</sup> Rooke, Anna (2009).

<sup>47</sup> Rooke, Anna (2009).

<sup>48</sup> Demetriades and Espen (2008).

<sup>49</sup> Le Cong Than (2008) ‘Nguy cơ đối với phụ nữ và Khung chính sách cho thích ứng với thay đổi khí hậu’, Báo cáo tại Hội nghị toàn cầu lần 3 về Phụ nữ trong chính trị và quản lý, Manila, 10/ 2008.

<sup>50</sup> Thanh (2008).

<sup>51</sup> Rooke, Anna (2009).

<sup>52</sup> Oxfam (2008), p. 42.

<sup>53</sup> Rooke, Anna (2009).

<sup>54</sup> VASS (2008) ‘Công bằng giới ở VN’, Hanoi: VASS.

phải bỏ thêm nhiều thời gian hơn cho những việc chăm sóc người ốm và người già, vì thế làm giảm thời gian cần có để giáo dục bé gái và các hoạt động tạo thu nhập khác mà họ có thể tham gia.<sup>55</sup>

Những kiến thức của phụ nữ thường xuyên không được sử dụng khi xây dựng những chiến lược giảm thiểu và thích nghi với thay đổi khí hậu. Nam giới và nữ giới được tiếp cận với các loại tri thức khác nhau về thể giới xung quanh và về tài nguyên thiên nhiên do sự phân định theo giới về lao động và như vậy kiến thức của nam giới thường được ưu tiên hơn là những thông tin và kinh nghiệm của nữ giới. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp các quá trình ra quyết định ở cấp cao về chiến lược giảm thiểu thay đổi khí hậu; ví dụ, tại Hội nghị các Đảng (COP7) tổ chức tại Ma-ra-khét (Marrakech), tỷ lệ các chuyên gia nam giới đối với nữ giới về những quyết định trong các dự án năng lượng và lâm nghiệp là 11 - 1.<sup>56</sup> Tuy nhiên, sự tham gia của nữ giới trong các chiến lược giảm thiểu có thể đem lại những kết quả thành công. Ví dụ, chỉ một cộng đồng bị ảnh hưởng bởi trận bão Mitch năm 1998 được báo là không có tử vong; điều này có được là do cơ quan phòng chống thiên tai đã đào tạo về giới và các hoạt động quản lý thiên tai và nữ giới chịu trách nhiệm giám sát hệ thống cảnh báo sớm và đã kịp thời di tản mọi người trước khi cơn bão ập đến.<sup>57</sup>

Về sự thích nghi, phụ nữ thường ít khả năng thích nghi với thay đổi khí hậu hơn nam giới do họ ít được giáo dục, có thu nhập thấp hơn, ít quyền sở hữu tài sản và ít được tiếp cận nguồn tín dụng, tất cả những điều này làm cản trở khả năng thích nghi của họ.<sup>58</sup> Dù sao, cũng có nhiều trường hợp nổi bật về khả năng thích nghi của phụ nữ đối với thay đổi khí hậu. Trong các nghiên cứu, nơi mà lụt lội là một vấn đề thì chiến lược thích nghi của phụ nữ bao gồm việc di chuyển đến những nơi an toàn, bảo đảm tài sản, thích nghi ăn uống, tiết kiệm năng lượng, thích nghi với các tập tục canh tác nông nghiệp và các hoạt động tổ chức và tập thể.<sup>59</sup>

Ở Việt Nam, dù phụ nữ chịu nhiều cản trở xã hội để vượt qua và để tham gia quá trình lãnh đạo cộng đồng và giảm thiểu thiên tai, Oxfam đã hỗ trợ nam giới và nữ giới ở Hải Lăng chuẩn bị và thích ứng với mùa lũ lụt, bao gồm phân phối thiết bị, cất trữ những vật phẩm cần thiết và duy trì hệ thống cảnh báo sớm; phụ nữ đặc biệt được khuyến khích tham gia và một số nhóm tự nguyện đã đạt được mức tham gia trên 50% là nữ giới.<sup>60</sup> Tuy nhiên, ở một số trường hợp khác, phụ nữ phải đấu tranh để được tham gia vào các quá trình ra quyết định cả ở cấp độ cộng đồng và cấp quốc gia. Ví dụ, sự tham gia của phụ nữ ở các Ủy ban phòng chống lụt bão địa phương chỉ hạn chế ở việc chăm sóc trẻ em và phân phát thức ăn hơn là tham gia vào các vai trò quyết định.<sup>61</sup>

### *Phản hồi chính sách và những phản ứng khác*

---

<sup>55</sup> Oxfam (2008), Thanh (2008).

<sup>56</sup> Aguilar, Lorena, Ariana Araujo and Andrea Quesada-Aguilar (2008) 'Giới và thay đổi khí hậu', IUCN.

<sup>57</sup> Aguilar (2004).

<sup>58</sup> Lambrou, Yianna and Grazia Piana (2006) *Giới: bộ phận còn thiếu để ứng thích với thay đổi khí hậu*, Rome: FAO.

<sup>59</sup> Dankelman, Irene, et al. (2008) 'Giới, Thay đổi khí hậu và an ninh con người: Bài học từ Băng-la-đét, Ga-na và Sê-nê-gan', New York: WEDO.

<sup>60</sup> Oxfam (2008).

<sup>61</sup> Thanh (2008).

- Số liệu cụ thể về giới và độ nhạy giới đối với những tác động của thay đổi khí hậu, rủi ro và thích nghi cần được thu thập và phân tích, tập trung vào năng lực của nam giới và nữ giới trong việc thích ứng và giảm thiểu thay đổi khí hậu và đánh giá những tác động chính sách và chương trình về nam giới và nữ giới. Một nghiên cứu mới đây của UNDP về giới và thay đổi khí hậu sẽ giải quyết vấn đề này qua việc phân tích độc lập những khía cạnh giới trong thay đổi khí hậu ở Việt Nam, bao gồm các khía cạnh giới về rủi ro và thích ứng với những tác động thay đổi khí hậu và những khía cạnh giới trong những hành động giảm thiểu khí nhà kính.
- Những chiến lược phân tích giới, lồng ghép giới và độ nhạy về giới cần được lồng ghép vào việc hoạch định chính sách, luật pháp và kế hoạch quốc gia. Ở Việt Nam, Chương trình mục tiêu Quốc gia về thích ứng với thay đổi khí hậu đã công nhận bình đẳng giới là nguyên tắc chủ đạo và phụ nữ được xác định là nhóm đặc biệt rủi ro, tuy nhiên những vai trò, trách nhiệm khác nhau và vai trò quyết định giữa nam giới và nữ giới chưa được công nhận.<sup>62</sup> Những phân tích trong nghiên cứu của UNDP sẽ giải quyết vấn đề này thông qua thông báo về lập kế hoạch quản lý thay đổi khí hậu trong tương lai và các quá trình ra quyết định.
- Điều quan trọng nữa là phụ nữ cần được công nhận là tác nhân cho sự thay đổi và các chiến lược được triển khai nhằm hỗ trợ nữ giới và các chuyên gia về giới trong các vai trò ra quyết định xung quanh các quá trình lập kế hoạch về thay đổi khí hậu, quá trình giảm thiểu và thích ứng với thay đổi khí hậu. Ví dụ, phụ nữ tham gia vào xây dựng NTP cho đến nay vẫn còn rất hạn chế; cần có những biện pháp để hỗ trợ năng lực phụ nữ để họ đóng góp ở cấp độ cộng đồng và đảm bảo phụ nữ được tham gia các quá trình ra quyết định ở cấp quốc gia.

#### 4. Hiệu quả viện trợ

Chương trình nghị sự về hiệu quả viện trợ - trong khuôn khổ Tuyên bố Paris về Hiệu quả viện trợ và, ở Việt Nam là Tuyên bố Hà Nội về Hiệu quả Viện trợ - có mối liên quan mật thiết với công bằng giới, được thể hiện trong phần 42 của Tuyên bố Paris. Bình đẳng giới và quyền của phụ nữ là những yếu tố cơ bản để đạt được những kết quả phát triển và mục tiêu chung về hiệu quả viện trợ, mất cân bằng giới làm cản trở hiệu quả phát triển: “Viện trợ chỉ có hiệu quả nếu đạt được những kết quả phát triển tốt và những kết quả phát triển tốt sẽ không bao giờ có nếu vẫn tồn tại bất bình đẳng giới...”.<sup>63</sup> Tuy nhiên, vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau về những kinh nghiệm đưa vấn đề giới vào các quá trình hiệu quả viện trợ.

Về *quyền sở hữu*, chú ý đến bình đẳng giới và quyền của phụ nữ trong phân tích, phân bổ nguồn lực, xây dựng và triển khai chính sách có thể “góp phần đảm bảo các chiến lược xoá đói giảm nghèo và các chiến lược phát triển khác được vận hành hiệu quả hơn và

<sup>62</sup> UNDP (2009) ‘Nghiên cứu về Thay đổi khí hậu và Giới của UNDP, Việt Nam’, Draft program document, May 2009.

<sup>63</sup> Mary Robinson, quoted in OECD (2008a) ‘Bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và Tuyên bố Paris về Hiệu quả Viện trợ: Tóm tắt vấn đề 1 – Tạo liên kết’, Mạng lưới DAC về bình đẳng giới, OECD, 7/ 2008.



theo hướng đạt được kết quả”.<sup>64</sup> Tuy nhiên, một nghiên cứu ở 12 quốc gia cho thấy các kế hoạch phát triển quốc gia và các chiến lược giảm nghèo vẫn rất ít quan tâm đến các mục tiêu bình đẳng giới và ít lồng ghép các kế hoạch hành động giới, và khi những ưu tiên về bình đẳng giới được lồng ghép thì vấn đề này vẫn không được tính đến khi đến giai đoạn lập kế hoạch theo ngành và phân bổ nguồn lực.<sup>65</sup> Điều này thể hiện một phần về năng lực hạn chế của nhiều bộ tài chính và kế hoạch, các bộ ngành và các bộ phụ nữ để thực hiện phân tích giới trong các khung chính sách. Ở Việt Nam, Chương trình Kết hợp của Liên hợp quốc về Bình đẳng Giới được triển khai ở các cơ quan đối tác chính phủ và 12 đơn vị UN để giải quyết vấn đề này, góp phần điều phối và hỗ trợ kỹ thuật đa ngành cho các bộ ngành để thực hiện triển khai Luật Bình đẳng Giới và lồng ghép vào các quá trình lập kế hoạch của Chính phủ.<sup>66</sup>

Về vấn đề *liên kết*, nghiên cứu cũng cho thấy những cam kết của chính phủ và nhà tài trợ đối với bình đẳng giới còn chưa được thực hiện đầy đủ khi nói về sắp xếp và cấp ngân sách cho những ưu tiên bình đẳng giới.<sup>67</sup> Liên quan đến vấn đề này, việc thiếu những mục tiêu và tiêu chí về giới để giám sát các kết quả phát triển cũng được xác định là lỗ hổng chính trong phân định nguồn lực cho bình đẳng giới; vì vậy, lập ngân sách theo yếu tố giới được coi là điểm quan trọng trong việc tăng cường giám sát và phân định nguồn lực và chi tiêu cho bình đẳng giới của các Chính phủ và các nhà tài trợ.<sup>68</sup>

Một yếu tố khác của quá trình liên kết là các cơ chế hỗ trợ chính sách như quá trình Tín dụng Hỗ trợ Xoá đói giảm nghèo (PRSC) ở Việt Nam. Trong khi những ghi nhận về lồng ghép các vấn đề giới vào PRSC trước đây có những ý kiến khác nhau, thì các nhà tài trợ trong năm 2009 đã có những nỗ lực đáng kể để tăng cường sự cam kết về vấn đề giới trong quá trình PRSC, phân tích quy trình cho tới nay và xây dựng một chiến lược cho cam kết sau này tập trung hỗ trợ các cơ quan đối tác chính phủ và liên kết các vấn đề liên quan đến giới và các hành động chính sách với những ưu tiên về giới cấp quốc gia hiện tại.<sup>69</sup>

Những nỗ lực đối với *hài hoà hoá* trên thế giới cũng đạt được những thành công đáng kể với sự gia tăng các công việc phân tích chung giữa nhà tài trợ và chính phủ và lập kế hoạch hài hoà hoá xung quanh bình đẳng giới, mặc dù tác động của các quá trình này thể hiện ở những mức độ khác nhau.<sup>70</sup> Các nhóm làm việc về bình đẳng giới hoặc các nhóm hợp tác đối tác là những yếu tố chủ đạo của quá trình này và thường yêu cầu sự hỗ trợ thường xuyên từ các nhà tài trợ và một chương trình nghị sự hướng đến tương lai nếu các nhóm này vẫn còn hoạt động.<sup>71</sup> Một số ví dụ thành công là kiểm toán hài hoà giới trong các hệ thống tổ chức ở Ru-wan-đa và hoạt động “phân định lao động” ở Tan-za-ni-a, tại

---

<sup>64</sup> OECD (2008a).

<sup>65</sup> Chiwara, Letty and Maria Karadenizli (2008) ‘Liên kết Hiệu quả viện trợ và Bình đẳng giới: Global Findings,’ New York: UNIFEM.

<sup>66</sup> See UNIFEM (2007) ‘Thúc đẩy bình đẳng giới trong Hiệu quả viện trợ ở Châu á Thái Bình Dương: Thực hiện những Nguyên tắc trong Tuyên bố Paris,’ Tài liệu trao đổi UNIFEM , 11/ 2007.

<sup>67</sup> Chiwara and Karadenizli (2008).

<sup>68</sup> Chiwara and Karadenizli (2008).

<sup>69</sup> Moser, Annalise (2009) ‘Phân tích giới và Quá trình tín dụng hỗ trợ xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam’, Báo cáo do UNIFEM và được uỷ quyền của AusAID và AECID, Hanoi, 4/ 2009.

<sup>70</sup> Chiwara và Karadenizli (2008).

<sup>71</sup> OECD (2008a).

đây các đơn vị tài trợ được bổ nhiệm là các đầu mối về giới trong các nhóm làm việc theo ngành.<sup>72</sup>

Ở Việt Nam, cơ chế chủ yếu để hài hoà hoá xung quanh bình đẳng giới là thông qua Nhóm Đối tác Hành động Giới (GAP), bao gồm các thành viên chính phủ, nhà tài trợ, các cơ quan UN và các tổ chức xã hội dân sự làm việc về giới. Trong khi hoạt động của GAP hạn chế trong 12 tháng vừa qua do việc tái cơ cấu bộ máy bình đẳng giới quốc gia và thiết lập một Vụ Bình đẳng giới mới, các nhà tài trợ và chính phủ vẫn cam kết duy trì và tăng cường cho nhóm này.

Trong xu thế hướng đến *quản lý để đạt được các mục tiêu phát triển*, điều quan trọng là phải đảm bảo được những kết quả dài hạn – như bình đẳng giới – không bị trở thành thứ yếu trong nỗ lực xác định các kết quả có thể nhanh chóng đạt được và dễ dàng định lượng được. Việc tăng cường tập trung quản lý để đạt kết quả đã được triển khai ở nhiều quốc gia trong quá trình tăng cường các số liệu về phân biệt giới ở cấp quốc gia, mặc dù nó vẫn chưa được sử dụng một cách hệ thống để thông tin về quá trình ra quyết định hoặc giám sát đầu ra và kết quả.<sup>73</sup> Một số cơ chế khác được xây dựng góp phần theo dõi các kết quả về bình đẳng giới, như cơ chế DAC để ghi nhận chính sách về bình đẳng giới. Công cụ ghi nhận này xác định các hoạt động tập trung trước nhất vào việc đạt được bình đẳng giới và tăng quyền cho phụ nữ; 16 trong 23 quốc gia thành viên DAC báo cáo về các ghi nhận bình đẳng giới để phân bổ viện trợ cho giai đoạn 2005-2006.<sup>74</sup>

Cuối cùng, về *trách nhiệm giải trình đôi bên*, các nhà tài trợ và đối tác phát triển có thể sử dụng các hiệp định và thoả thuận quốc tế về bình đẳng giới làm cơ sở toạ đàm chính sách và sử dụng như một biện pháp trách nhiệm giải trình trước dân chúng,<sup>75</sup> bao gồm CEDAW, Cương lĩnh Bắc Kinh về Hành động và Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Ngoài ra, có một số ý kiến là cải cách hiệu quả viện trợ, trong khi có thể tăng cường hợp tác giữa các nhà tài trợ và các chính phủ, cũng có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ của nhà tài trợ với xã hội dân sự; như vậy, cần tăng cường những nỗ lực để làm việc với và hỗ trợ các tổ chức xã hội dân sự phụ nữ vì cả hai bên đều có trách nhiệm giải trình.<sup>76</sup> Điều này sẽ là một thử thách lớn ở Việt Nam do bản chất mới mẻ và hạn chế của xã hội dân sự.<sup>77</sup>

#### *Phản hồi chính sách và các phản hồi khác*

- Các nhà tài trợ, UN và đối tác chính phủ sẽ điều phối những hỗ trợ của họ để xây dựng năng lực cho các nhân sự chủ chốt của chính phủ để họ chịu trách nhiệm về bình đẳng giới, bao gồm những cán bộ ở Cơ quan Bình đẳng Giới cũng như các cán bộ chủ chốt ở các bộ ngành liên quan. Xây dựng năng lực nhằm tăng cường khả năng của các cán bộ này trong việc phân tích và liên kết hiệu quả các vấn đề bình đẳng giới trong các chương trình và kế hoạch quốc gia, bao gồm phân tích

<sup>72</sup> Cited in OECD (2008a).

<sup>73</sup> Chiwara và Karadenizli (2008).

<sup>74</sup> OECD (2008b) Viện trợ trong hỗ trợ bình đẳng giới và tăng quyền cho phụ nữ 2005-2006, OECD, 2/ 2008.

<sup>75</sup> OECD (2008a).

<sup>76</sup> OECD (2008a).

<sup>77</sup> Eyben, Rosalind (2007) 'Bình đẳng giới và Những cơ hội và thách thức trong hiệu quả viện trợ cho các thông lệ quốc tế: Bài học từ Đông Nam Á', Báo cáo tại Hội thảo do DFID, UNIFEM và Ngân hàng Thế giới tổ chức tháng 4/2007.

Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới sắp ra cho giai đoạn 2010-2020 mà sẽ trở thành một công cụ chính đối với các quá trình hiệu quả viện trợ sau này xung quanh vấn đề giới. Điều này bao gồm việc đảm bảo các vấn đề chính về giới được phản ánh và các chỉ số đưa ra phải cụ thể và đo lường được. Chương trình chung của UN về Bình đẳng Giới đang được triển khai trong các đơn vị của UN và các đối tác chính phủ để hỗ trợ nâng cao năng lực về lĩnh vực này.

- Chính phủ và các đối tác tài trợ cần phối hợp thực hiện để triển khai các cơ chế trách nhiệm giải trình góp phần giám sát một cách hệ thống tiến độ các mục tiêu bình đẳng giới đề ra trong các cam kết và chiến lược phát triển trong nước và quốc tế. Điều này bao gồm các chỉ số về độ nhạy giới trong các khung đánh giá thực hiện để giám sát các kết quả hỗ trợ phát triển, cũng như tăng cường năng lực quốc gia trong việc thu thập và sử dụng các số liệu về phân biệt giới để làm đầu vào cho việc xây dựng và giám sát các chiến lược và chính sách quốc gia.
- Quản lý tài chính công theo yếu tố giới (PFM) và các sáng kiến lập ngân sách theo giới sẽ hỗ trợ cho các quá trình hiệu quả viện trợ, đặc biệt liên quan đến giám sát phân bổ nguồn lực và chi tiêu và giám sát thay đổi để quản lý kết quả. Lập ngân sách theo giới phải phù hợp với những cải cách quản lý tài chính công, và các nhà tài trợ hỗ trợ cải cách tài chính công nên đưa ra yêu cầu là phải có chuyên môn về giới trong Điều khoản tham chiếu trong các hỗ trợ kỹ thuật.
- Với tư cách là một trong những cơ chế chủ đạo trong điều phối các nỗ lực bình đẳng giới ở Việt Nam, Nhóm Đối tác Hành động Giới cần tăng cường nhiệm vụ, vai trò và quá trình của mình để tăng cường khả năng của nhóm trong việc đưa các khía cạnh bình đẳng giới vào chương trình nghị sự hiệu quả viện trợ trong nước.

# NHÓM CÔNG TÁC VÌ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

*Báo cáo đối tác  
Hà Nội, tháng 5 năm 2009*

Nhóm công tác về sự tham gia của người dân (PPWG) được thành lập vào năm 1999, như một phần của mạng lưới các nhóm đối tác phát triển theo chủ đề. Với tư cách là một nhóm cộng tác, PPWG cung cấp thông tin/dữ liệu cho các cuộc họp của Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt nam được tổ chức nửa năm một lần giữa chính phủ và cộng đồng tài trợ. PPWG là một mạng lưới và diễn đàn không chính thức cho các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ (NGOs), nhân viên chính phủ, các nhà tài trợ, các nhà quản lý dự án, các nhà tư vấn và nghiên cứu, v.v. gặp gỡ và trao đổi thông tin, ý kiến về những vấn đề có liên quan đến sự tham gia của người dân, dân chủ nhân dân và xã hội dân sự. Nhóm được mở rộng cho tất cả các đối tượng mong muốn tham gia và đóng góp vào việc chia sẻ thông tin và thực hiện những mục tiêu chung.

PPWG được cấu thành bởi một Ban chỉ đạo, và một ban đại diện của những bên liên quan. Hiện tại, đã có 279 tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia vào danh sách nhận thư của PPWG, trong đó có nhiều tổ chức/cá nhân trực tiếp tham gia vào các hoạt động của PPWG do Ban chỉ đạo của PPWG tổ chức. Ban chỉ đạo hiện nay có 20 thành viên trong đó có cả đại diện của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và quốc tế, đại diện của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Ngân hàng Thế giới, Đại sứ quán Phần lan, và các tổ chức khác. Các thành viên trong Ban chỉ đạo thường xuyên gặp nhau để tổ chức các hoạt động khác nhau như các nhóm làm việc theo chủ đề, hội thảo, và các sự kiện khác. Chủ tịch hiện tại là bà Phạm Thuý Anh, Giám đốc Trung tâm Hợp tác và Phát triển Nguồn Nhân lực (C&D), một tổ chức phi chính phủ của Việt Nam.

## ***Sứ mệnh của PPWG***

Sứ mệnh của PPWG là đóng vai trò như một diễn đàn để nhân dân và các tổ chức xã hội có cơ hội trao đổi thông tin, cũng như tham gia và đóng góp vào quá trình phát triển, và xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam.

## **1. Cập nhật những hoạt động chính của PPWG trong năm 2009**

### ***1.1. Các nhóm làm việc PPWG***

Đầu năm 2009, Ban chỉ đạo PPWG đã đồng ý tiếp tục những phần việc của một số nhóm làm việc từ năm 2008 và thiết lập một số nhóm làm việc mới. Cho đến năm 2009, những nhóm làm việc của Ban chỉ đạo PPWG bao gồm:

- Nhóm làm việc 151 về các Tổ hợp tác
- Nhóm làm việc về thay đổi khuôn khổ pháp lý vì sự tham gia của nhân dân và xã hội dân sự (Nhóm làm việc CS)
- Nhóm làm việc về Luật truy cập thông tin
- Nhóm làm việc về Chống tham nhũng
- Nhóm làm việc về Quản lý nhà nước ở cấp địa phương

### **1.2. Các hoạt động của Nhóm làm việc PPWG trong năm 2009**

### ***Nhóm làm việc 151 về các Tổ hợp tác***

Trong năm 2009, PPWG tiếp tục hỗ trợ việc thực hiện Nghị định 151/2007/ND-CP về việc tổ chức và điều hành các tổ hợp tác ở cấp cơ sở. Mặc dù Nghị định đã được phê duyệt vào ngày 10/10/2007 và Bộ Kế hoạch Đầu tư (MPI) đã phát hành Thông tư Hướng dẫn 04/2008/TT-BKH vào tháng 7/2008, việc thực hiện Nghị định được báo cáo là vẫn còn rất hạn chế. Phần lớn các nhóm mục tiêu thậm chí còn không biết đến sự tồn tại của Nghị định này.

Trong quý 1 năm 2009, một vài tổ chức thành viên của PPWG đã thực hiện đánh giá nhanh việc thực hiện Nghị định 151 tại những khu vực dự án của họ bao gồm: nghiên cứu của CARE ở Hoà Bình, Bắc Cạn, và Thanh Hoá; nghiên cứu của Oxfam Anh ở Ninh Thuận và Lào Cai; và nghiên cứu của SRD ở Phú Thọ. Kết quả nghiên cứu của những cuộc đánh giá nhanh này gặp nhau ở những điểm sau đây:

- Thông tin về Nghị định 151 chưa đến được với tầng lớp cơ sở và những nhóm đối tượng chính của Nghị định
- Việc phổ biến Nghị định cũng như Thông tư hướng dẫn chỉ được thực hiện hạn chế ở cấp tỉnh và quận/huyện
- Phương thức phổ biến rất nghèo nàn (không phát hành tài liệu, không có hướng dẫn cụ thể) khiến cho các nhóm đối tượng mục tiêu không thể hiểu và ứng dụng Nghị định vào thực tế
- Không có kế hoạch nào đang được thực hiện để đảm bảo các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm trong việc phổ biến các văn bản pháp luật

Vào ngày 24 tháng 3, PPWG và MPI đồng tổ chức hội thảo “Nghị định Các Tổ hợp tác trong thực tế và cách thức thúc đẩy việc thực thi Nghị định”. Hội thảo đã đưa ra cơ hội cho các thành viên của PPWG chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực thi Nghị định ở các địa phương khác nhau. Nhìn chung, hầu hết những người tham gia đều đồng ý với kết luận từ đợt khảo sát nhanh là việc thực thi Nghị định 151 không hiệu quả. Tuy nhiên, phản hồi từ một số Tổ hợp tác ở phía Nam (tại hội thảo đào tạo của PPWG vào tháng 8/2008) cho thấy Nghị định 151 đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển và hoạt động của các Nhóm nông cốt/ Nhóm cộng đồng (CG/CBO) ở cấp cơ sở. Một vài người tham gia hội thảo cũng chia sẻ kinh nghiệm trong cách thức mà các đối tác ở cấp cơ sở của họ đã áp dụng hiệu quả Nghị định 151 để thiết lập lên các CBOs về quản lý vùng duyên hải/cây đước. Tại hội thảo, Bộ Kế hoạch Đầu tư cũng đã thuyết trình trước các thành viên của PPWG về “Kế hoạch thực hiện để phổ biến và thúc đẩy việc ứng dụng Nghị định 151”, để đảm bảo Nghị định có hiệu lực và mang đến những kết quả như dự tính. Kế hoạch này có những kết quả mong muốn sau:

- Quy trình phổ biến Nghị định và Thông tư hướng dẫn được thiết kế và phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, và truyền hình
- Xây dựng sách hướng dẫn về các Tổ hợp tác và phân phát cho các khu vực địa phương, trong đó bao gồm tất cả những nội dung sau: giới thiệu về các Tổ hợp tác, vai trò của nhóm trong xã hội, lợi thế của các Tổ hợp tác trong việc hợp tác, việc thiết lập và các hoạt động; tư cách pháp lý, các hợp đồng hợp tác, sự hỗ trợ của chính phủ, v.v...

- Chính quyền địa phương các cấp và đại diện các Tổ hợp tác cùng có những hiểu biết cơ bản về những nội dung chính của Nghị định và Thông tư hướng dẫn.

Sau hội thảo, nhóm làm việc của PPWG (do Oxfam Anh chủ trì), đã hỗ trợ MPI để hoàn thành bản kế hoạch và phát triển lên thành một bản đề xuất nhằm tiếp cận các nhà tài trợ và kêu gọi hỗ trợ. PPWG đã kêu gọi tất cả các thành viên hỗ trợ dưới mọi hình thức nhằm giúp Bộ Kế hoạch Đầu tư thực hiện kế hoạch đã đề ra. Thay mặt cho PPWG, Oxfam Anh đã ký kết một biên bản hỗ trợ tài chính với MPI để thực hiện kế hoạch này. Cho đến nay, đã có một vài tổ chức phi chính phủ quốc tế (Oxfam Anh, CARE, Oxfam Mỹ) cam kết hỗ trợ cho MPI cả về mặt tài chính và kỹ thuật. Ngoài ra, các thành viên khác của PPWG (RDSC, SRD, VECO, DED, AAV, CODE, v.v...) cũng đã cam kết sẽ giúp lan rộng kế hoạch này tại các khu vực dự án của họ.

Hiện nay, MPI đã bắt đầu thiết kế các hoạt động truyền bá trên các phương tiện thông tin đại chúng với sự hỗ trợ kỹ thuật của nhóm làm việc PPWG. Đồng thời, MPI sẽ thiết kế một cuốn sổ tay và phát triển giáo trình đào tạo/học liệu trong vòng 6 tháng. Các nhóm làm việc cùng với MPI cũng đang tìm kiếm các nhà tài trợ khác để có tiền chi trả chi phí in ấn sổ tay cũng như các chi phí tổ chức đào tạo tại một số cộng đồng mục tiêu (nghèo).

### **Nhóm làm việc về Luật tiếp cận thông tin**

Bộ Tư pháp (MOJ) được chính phủ giao cho vai trò phụ trách việc phác thảo Luật truy cập thông tin. Cho đến nay, bản thảo luật đã được hình thành. Trong quá trình phác thảo, MOJ đã thực hiện nghiên cứu để tìm hiểu quan điểm của nhân viên chính phủ (cấp trung ương và địa phương) về nhu cầu truy cập thông tin.

Tuy nhiên, để đảm bảo luật sẽ phản ánh đúng hơn nhu cầu của người dân và cũng để đảm bảo sự công bằng trong việc truy cập thông tin đối với mọi công dân và các tổ chức xã hội dân sự (CSOs), MOJ cần tìm hiểu thêm về nhu cầu và thực trạng truy cập thông tin của 2 nhóm đối tượng này. MOJ vì thế, đã gợi ý và hoan nghênh sự hợp tác, hỗ trợ của PPWG trong việc nghiên cứu và thu thập những thông tin cần thiết cho quá trình phác thảo luật, đặc biệt trong những việc liên quan đến người dân và CSOs.

Trước lời đề nghị của MOJ, một vài tổ chức thành viên và đối tác (dưới hình thức một nhóm làm việc) của PPWG đã phát triển một kế hoạch hợp tác về vấn đề này, trong đó bao gồm một cuộc nghiên cứu về việc truy cập thông tin từ quan điểm của người dân và/hoặc CSOs trong các khu vực dự án của các thành viên PPWG.

Vào tháng 5/2009, một nhóm làm việc của PPWG do Oxfam Anh chủ trì đã được hình thành, trong đó bao gồm Oxfam Anh, AAV, DED, iSEE, CODE, và TT. Nhóm làm việc đã thiết lập lên một kế hoạch làm việc cụ thể nêu rõ sự phân chia công việc, thời gian, người phụ trách, v.v... Các thành viên của nhóm đã cam kết sự hỗ trợ (cả về tài chính và kỹ thuật) cho sáng kiến này. Ngân hàng Thế giới và một số nhà tài trợ khác đã bày tỏ mong muốn cùng tham gia với nhóm trong quá trình hình thành luật bằng cách đóng góp cả về tài chính và kỹ thuật.

Nhóm phác thảo luật của MOJ và nhóm làm việc của PPWG đã đồng ý kết hợp chặt chẽ với nhau trong việc nghiên cứu và lấy thông tin trong quá trình phác thảo luật. Đội của MOJ cũng sẽ cung cấp thông tin cho nghiên cứu (Bản mô tả, thiết kế nghiên cứu, v.v.), cử người tham dự khảo sát tại hiện trường, và cùng tổ chức các hội thảo tư vấn. Khảo sát

tại hiện trường sẽ được thực hiện ở một số tỉnh mà các thành viên của PPWG đã và đang thực hiện các dự án của họ.

Hiện tại, bản mô tả nghiên cứu (mục đích, phạm vi thực hiện, thời gian, v.v...) đã được hoàn thành và công bố. Theo dự tính, nghiên cứu sẽ được thực hiện vào tháng 6/7. Hội thảo trình bày các kết quả nghiên cứu và đề nghị ý kiến đóng góp/phản hồi sẽ được tổ chức vào khoảng giữa tháng 8. Báo cáo cuối cùng sẽ được hoàn thành vào cuối tháng 8 và sẽ được sử dụng như một dữ liệu cơ bản để phác thảo luật trước khi luật được hoàn thành và trình lên Quốc hội vào tháng 9/2009. Cũng theo kế hoạch, PPWG sẽ tìm hiểu cơ hội để truyền tải những thông tin nghiên cứu được tới các nhà làm luật cũng như các đại biểu Quốc hội trong suốt quá trình này.

### **1.3. Các hoạt động khác trong năm 2009**

#### **Buổi giao lưu chia sẻ giữa các thành viên: Những thay đổi gần đây trong khuôn khổ pháp lý liên quan đến việc tham gia của người dân và xã hội dân sự.**

Để tạo thêm nhiều cơ hội trao đổi trong mạng lưới các thành viên rộng lớn của mình, PPWG đã tổ chức một hình thức họp mặt giao lưu chia sẻ vào ngày 24/4. Đây là một cuộc họp không chính thức tập trung vào một chủ đề nhất định và được tổ chức sau giờ làm việc trong đó đồ ăn nhẹ và đồ uống được phục vụ. Tiêu điểm của buổi họp mặt 24/4 là “Những thay đổi gần đây trong khuôn khổ pháp lý liên quan đến việc tham gia của người dân và xã hội dân sự”, và được xây dựng trên sự quan tâm lâu dài và hoạt động của PPWG trong việc phát triển pháp lý trong lĩnh vực xã hội dân sự. Tại buổi họp, một bài thuyết trình chủ chốt về những thay đổi gần đây trong khuôn khổ pháp lý, bao gồm cả những thay đổi trong quá trình phát triển đã được trình bày. Bài thuyết trình này đã tạo nền tảng cho phần thảo luận của những người tham dự.

Trong bài thuyết trình này, người thuyết trình đã giới thiệu những văn bản luật cơ bản liên quan đến các tổ chức xã hội dân sự (các tổ chức xã hội) trong 5 nhóm: i) những chính sách chung của nhà nước về sự phát triển của CSOs (ví dụ các Nghị quyết đại hội Đảng), ii) các văn bản quy định quyền cơ bản trong cộng tác, thiết lập, và điều hành của CSOs (ví dụ Hiến pháp, dân pháp, Luật/Nghị định 52, nghị định về hiệp hội, nghị định về các quỹ từ thiện và xã hội); iii) các văn bản quy định việc thiết lập những dạng CSOs cụ thể (ví dụ: Luật về thanh thiếu niên, nghị định dành cho các tổ chức khoa học và công nghệ, nghị định dành cho các trung tâm bảo vệ xã hội, nghị định dành cho các tập đoàn tài chính vi mô, nghị định dành cho các nhóm hợp tác); iv) các văn bản quy định những vấn đề về ngân sách, tài chính và thuế (ví dụ luật ngân sách, luật thuế thu nhập cá nhân, luật thuế thu nhập doanh nghiệp, quyết định về nguồn vốn cho các hiệp hội, và v) các văn bản quy định những quyền cụ thể và sự tham gia của các CSOs (ví dụ pháp lệnh về quyền dân chủ cơ sở, các văn bản về việc cung cấp các dịch vụ công). Khoảng 20 đầu mục đã được liệt kê và hơn 50% trong số những văn bản này đã được chỉnh sửa trong năm 2007 và 2008 (được lựa chọn ngẫu nhiên trong 2 năm gần đây). Một vài văn bản mới được thông qua (Nghị định dành cho các tổ hợp tác) hay đang được xây dựng (Luật truy cập thông tin)

Có hai thông điệp chính mà người thuyết trình đã đưa ra trong buổi giao lưu này đó là: có bao nhiêu người tham dự biết về những sự thay đổi đó và/hoặc đã có cơ hội tham gia đóng góp vào việc phác thảo những thay đổi cho các văn bản đó; và những người tham gia cần phải làm gì để thúc đẩy sự tham gia và đóng góp vào quá trình làm luật.

## **2. Những hoạt động dự kiến của PPWG trong nửa sau năm 2009**

Trong nửa sau năm 2009, các nhóm làm việc khác nhau của PPWG sẽ tiếp tục tổ chức các hoạt động liên quan đến các chủ đề/vấn đề sau:

- Nghị định 151 về tổ chức và hoạt động của tổ Hợp tác
- Luật truy cập thông tin
- Thay đổi khuôn khổ pháp lý vì sự tham gia của nhân dân và xã hội dân sự (Nhóm làm việc CS)
- Chống tham nhũng
- Quản lý nhà nước cấp địa phương

PPWG sẽ tổ chức 2 hội thảo chuyên đề trong nửa sau năm 2009. PPWG đang lập kế hoạch để tập trung một trong 2 hội thảo vào việc chuẩn bị thông tin cho Diễn đàn Nhân dân Châu Á, được tổ chức ở Việt Nam vào năm 2009.

Cuối cùng, PPWG cũng sẽ tổ chức thêm những buổi họp mặt giao lưu chia sẻ. Các vấn đề được bàn thảo trong 2 buổi họp mặt này sẽ được công bố sau.

Để có thêm thông tin về PPWG, xin truy cập:

<http://www.ngocentre.org.vn/node/119>



# NHÓM ĐỐI TÁC Y TẾ

## Báo cáo đối tác cho Hội nghị CG giữa kỳ 6/2009

### I. Giới thiệu chung

Theo Văn bản thỏa thuận chung giữa Bộ Y tế và các đối tác phát triển về tăng cường hiệu quả viện trợ cho lĩnh vực y tế, cuộc họp Nhóm Đối tác Y tế (sau đây gọi là cuộc họp HPG) đầu tiên do Bộ trưởng Bộ Y tế và một đại sứ đồng chủ trì, các cuộc họp tiếp theo sẽ do một Thứ trưởng cùng một đối tác thay mặt chủ trì. Đây là một diễn đàn đối thoại chính sách và chia sẻ thông tin giữa Bộ Y tế Việt Nam và các Đối tác Phát triển nhằm mục đích tăng cường tính hiệu quả tổng thể của viện trợ nước ngoài cho lĩnh vực y tế.

Trong 6 tháng đầu năm 2009, Nhóm Đối tác Y tế đã tổ chức được 2 cuộc họp HPG. Cuộc họp đầu tiên do Bộ trưởng Y tế Nguyễn Quốc Triệu và Ngài Sean Doyle, Đại sứ/Trưởng phái đoàn Ủy ban Châu Âu tại Việt Nam diễn ra vào ngày 31/3/2009 và cuộc họp thứ hai do Thứ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến và Ngài Jean-Marc Olivé, Trưởng đại diện Tổ chức Y tế Thế giới tại Việt Nam chủ trì.

### II. Cuộc họp Nhóm Đối tác Y tế ngày 31/3/2009

#### 2.1. Người chủ trì: Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Quốc Triệu

Đồng chủ trì: Ngài Sean Doyle, Đại sứ/Trưởng Phái đoàn Ủy ban Châu Âu tại Việt Nam.

#### 2.2. Mục tiêu:

- (1) Cập nhật các ưu tiên phát triển ngành y tế Việt Nam và một số ưu tiên hợp tác với các đối tác nước ngoài trong thời gian tới;
- (2) Chính thức thông qua Văn bản thỏa thuận chung giữa Bộ Y tế và các đối tác phát triển về tăng cường hiệu quả viện trợ cho lĩnh vực y tế (SOI) và thống nhất Kế hoạch chung nhằm thực hiện văn bản này.

#### 2.3. Các nội dung chính:

Tại cuộc họp Nhóm Đối tác Y tế ngày 31/3, Bộ Y tế Việt Nam và các Đối tác Phát triển hoạt động trong lĩnh vực y tế đã thông qua Văn bản thỏa thuận chung về tăng cường hiệu quả viện trợ cho lĩnh vực y tế.

Phát biểu tại cuộc họp, Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Quốc Triệu cho biết: Năm 2009, Chính phủ dự kiến chi cho ngành y tế 23.360 tỷ đồng. Hiện nay, tổng chi cho y tế ở Việt Nam khoảng 5-6% GDP và tính theo đầu người khoảng 45 USD/người/năm. Tuy nhiên, chi công chỉ chiếm khoảng 30% tổng chi y tế, là một tỷ lệ thấp so với các nước có thu nhập thấp và trung bình trên thế giới.

Khó khăn lớn nhất của ngành Y tế Việt Nam hiện nay là vấn đề hoàn thiện chính sách và đầu tư phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Do vậy, Bộ Y tế kêu gọi các đối tác phát triển tiếp tục hỗ trợ cho ngành y tế Việt Nam, tập trung vào hai nội dung ưu tiên là chính sách y tế và đầu tư phát triển.

Về chính sách y tế, Bộ Y tế mong muốn cộng đồng quốc tế hỗ trợ nâng cao năng lực

quản lý và hoạch định chính sách phát triển ngành y tế như hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật cho ngành y tế về các lĩnh vực như tài chính y tế, khám chữa bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo hiểm y tế...

Về đầu tư phát triển, Bộ Y tế mong các đối tác sẽ tăng cường hỗ trợ phát triển y tế cơ sở, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; đầu tư phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu và phát triển y học công nghệ cao; đầu tư phát triển mạng lưới y tế dự phòng, an toàn vệ sinh thực phẩm và khám chữa bệnh.

Bộ Y tế cũng mong muốn các đối tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng, chất lượng và đào tạo nhân tài, trong đó có đầu tư cho hệ thống các trường đại học, trung học, cao đẳng và trung cấp y-dược. Ngoài ra, Bộ Y tế cũng ưu tiên kêu gọi đầu tư hỗ trợ phát triển công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe bà mẹ-trẻ em nhằm đạt và vượt các chỉ tiêu phát triển thiên niên kỷ trong lĩnh vực này.

Theo văn bản thỏa thuận chung đã được thông qua, Bộ Y tế và các đối tác (bao gồm 8 nhà tài trợ song phương, 3 tổ chức quốc tế, 4 tổ chức liên hợp quốc và 8 tổ chức xã hội dân sự hoạt động trong lĩnh vực y tế tại Việt Nam) cam kết: Tăng cường vai trò làm chủ quốc gia đối với quá trình phát triển; Xây dựng quan hệ đối tác có hiệu quả và rộng rãi về phát triển; Cung cấp viện trợ và trách nhiệm giải trình về kết quả phát triển.

Ông Sean Doyle, Đại sứ, Trưởng Phái đoàn Ủy ban Châu Âu tại Việt Nam khẳng định: Việc thông qua văn bản này là hết sức đúng lúc, khi mà khó khăn về kinh tế tài chính khiến ngân sách nhà nước trở nên eo hẹp hơn và nhu cầu sử dụng viện trợ một cách hiệu quả hơn là vô cùng quan trọng.

Cũng trong cuộc họp lần này, Thứ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến trình bày kế hoạch chung giữa Bộ Y tế và các đối tác phát triển nhằm thực hiện bản thỏa thuận về tăng cường hiệu quả trong lĩnh vực y tế (kế hoạch chung kèm theo).

Để tăng tính hiệu quả trong việc đầu tư hỗ trợ phát triển ngành y tế, các đầu tư hỗ trợ này cần tránh trùng lặp (overlap) với các đầu tư đã có của chính phủ, cũng như tránh tình trạng có những lĩnh vực, địa bàn còn chưa hoặc ít được hỗ trợ.

Cam kết của các đối tác nước ngoài tính đến ngày 31/3 với con số lên tới 805,5 triệu USD và còn có thể tiếp tục tăng lên. Các đối tác phát triển lớn gồm World Bank (với cam kết thực đã, đang và tiếp tục thực hiện lên tới 290 triệu USD, tính từ 2002-2015), ADB (147 triệu USD, giai đoạn 2008-2015), EC (54,75 triệu EUR, 2009-2015). Điều này thể hiện sự ủng hộ, quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với y tế nước ta. Các đối tác nước ngoài đánh giá cao những thành tựu mà ngành y tế Việt Nam đã đạt được trong những năm vừa qua. Những chỉ tiêu y tế cơ bản và quan trọng đều đã đạt mục tiêu quốc gia đề ra. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang theo sát tiến độ Mục tiêu Thiên niên kỷ liên quan tới y tế như tỷ lệ chết ở trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi ngày càng giảm... Tuy nhiên, sự phát triển không đồng đều về y tế giữa các vùng miền, tiến độ không đồng đều giữa các chỉ số khác nhau đòi hỏi Chính phủ phải nỗ lực hơn nữa trong công cuộc xây dựng một hệ thống y tế theo hướng “công bằng, hiệu quả và phát triển”, với trọng tâm nhằm vào người nghèo và những người có hoàn cảnh khó khăn.

Bộ Y tế cũng sẽ xây dựng quan hệ đối tác có hiệu quả và phát triển, còn nhà tài trợ cung cấp viện trợ và trách nhiệm giải trình về kết quả phát triển của hai phía. Trong bối cảnh

suy thoái toàn cầu như hiện nay, sự quan tâm và cam kết mạnh mẽ của các đối tác quốc tế thực sự là nguồn cổ động lớn cho sự phát triển của ngành y tế Việt Nam.

### **III. Cuộc họp Nhóm Đối tác Y tế ngày 28/5/2009**

**3.1. Người chủ trì:** Thứ trưởng Bộ Y tế, Nguyễn Thị Kim Tiến

Đồng chủ trì: Ngài Jean-Marc Oilvé, Trưởng Đại diện Tổ chức Y tế Thế giới tại Việt Nam

#### **3.2. Mục tiêu của cuộc họp:**

- (1) Đối thoại chính sách:
  - a. Chia sẻ các kết luận mới nhất của Bộ Chính trị Việt Nam (Kết luận số 42, 43, 44) về tình hình và định hướng phát triển ngành y tế Việt Nam.
  - b. Cập nhật tình hình mới các vấn đề y tế của Việt Nam và khu vực, trong đó đề cập đến việc ứng phó với đại dịch cúm A/H1N1 hiện nay và thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- (2) Báo cáo tình hình thực hiện các hoạt động nhằm thực hiện Văn bản thỏa thuận chung giữa Bộ Y tế Việt Nam và các Đối tác Phát triển về tăng cường hiệu quả viện trợ cho lĩnh vực y tế (Kế hoạch thực hiện kèm theo).
- (3) Chia sẻ thông tin của các thành viên HPG:
  - a. Phản hồi của các đối tác từ Hội thảo tư vấn Lập kế hoạch y tế: các vấn đề mới phát sinh, hỗ trợ của các đối tác cho Kế hoạch y tế 5 năm 2011-2015.
  - b. Cập nhật tiến trình đàm phán về Chương trình xóa đói giảm nghèo (PRSC) lần thứ 8 và 9 và các hoạt động khởi động trong lĩnh vực y tế.

#### **3.3. Các nội dung chính của cuộc họp:**

3.3.1. Thông báo các kết luận 42,43, 44 KL/TW của Bộ Chính trị:

##### **Những thành tựu đạt được:**

Theo các Kết luận của Bộ Chính trị, sau 3 năm thực hiện Nghị quyết 46, 47 và 5 năm thực hiện Chỉ thị 06, ngành y tế - dân số đã có những phát triển khả quan, như: Nhiều dịch bệnh được khống chế và đẩy lùi, hệ thống y tế ngày càng được củng cố, hành lang pháp luật ngày càng được hoàn thiện, công tác xã hội hóa chăm sóc sức khỏe nhân dân đã đạt được nhiều kết quả tích cực, quy mô và năng lực cung ứng dịch vụ của hệ thống y tế được nâng cao, người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế ngày càng dễ dàng hơn, bước đầu thực hiện đổi mới cơ cấu và cơ chế phân bổ ngân sách y tế... Bên cạnh đó, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cũng đạt được một số thành tựu quan trọng, như: đã có sự chuyển biến về hôn nhân và sinh đẻ của người dân, ngày càng có nhiều người kết hôn, sinh con phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và hoàn cảnh kinh tế và đẻ ít hơn, chất lượng dân số từng bước được nâng cao...

##### **Những khó khăn hạn chế:**

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và dân số - kế hoạch hóa gia đình vẫn còn nhiều tồn tại, như: mô hình tổ chức hệ thống y tế còn chưa phù hợp và không ổn định, nhất là hệ thống y tế cơ sở và y tế dự phòng; chưa có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ, nhân viên y tế, công tác kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm còn yếu, quản lý cơ sở y tế ngoài công lập, quản lý thuốc chưa

thật chặt chẽ, diện bao phủ bảo hiểm y tế vẫn còn ở mức thấp... Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình còn nhiều hạn chế, như: mức sinh giảm chậm, chưa vững chắc, có sự khác biệt giữa các vùng miền; tình trạng mất cân bằng giới tính của trẻ sơ sinh đã đến mức báo động; tuổi thọ bình quân tương đối cao nhưng chất lượng tuổi thọ khá thấp...

### **Các quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị nêu trong các Kết luận:**

Trong các Kết luận số 42, 43, 44, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội và toàn xã hội tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu và giải pháp mà các Nghị quyết đã đề ra để thực hiện thắng lợi Chi thị số 06, Nghị quyết số 46 và 47.

### **Các trọng tâm cần chú ý là:**

*Về Đề án Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương và giá dịch vụ y tế) đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập của Bộ Y tế (theo kết luận 42):*

- Về quan điểm, Bộ Chính trị nhấn mạnh hệ thống y tế công lập phải giữ vai trò chủ đạo và đổi mới cơ chế tài chính trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập gắn với việc thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân, đồng thời theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ y tế.
- Về một số nội dung đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, Bộ Chính trị nhất trí việc Chính phủ ưu tiên chi từ ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ, nguồn vốn ODA để đầu tư nâng cấp và phát triển hệ thống y tế công lập; đồng ý dựa trên cơ sở kết quả thực hiện việc tự chủ sẽ tiến hành phân loại các bệnh viện và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đồng ý về nguyên tắc xây dựng khung giá và giá dịch vụ y tế theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ y tế; cho phép thực hiện chế độ phụ cấp hợp lý đối với cán bộ y tế theo nghề, theo vùng miền, theo các chuyên gia ngành độc hại, nguy hiểm với sức khỏe cán bộ y tế; nhất trí thực hiện chính sách luân phiên cán bộ và thực hiện nghĩa vụ xã hội của cán bộ y tế đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn và vùng khó khăn...
  - o *Về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở (theo Kết luận 43):*
- Tổ chức sắp xếp hệ thống y tế công, tạo ra mô hình hợp lý và ổn định dựa trên quản lý theo ngành đối với y tế địa phương (từ tuyến tỉnh trở xuống). Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm khuyến khích phát triển và mở rộng các cơ sở y tế tư nhân.
- Tích cực chỉ đạo và thực hiện nghiêm các chính sách đối với người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người già, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách xã hội.
- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước về y tế.
- Cơ cấu lại nguồn tài chính cho y tế để tiến đến nguồn tài chính công (ngân sách nhà nước và bảo hiểm y tế) chiếm một tỷ trọng cao (ít nhất là trên 50%) trong tổng ngân sách chi tiêu y tế từ tất cả các nguồn.
- Triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác thông tin, giáo dục, truyền thông, thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, chính sách pháp luật, các chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình (theo Kết luận 44):
- Kiên trì thực hiện mục tiêu gia đình ít con để nuôi dạy cho tốt.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược tổng thể nâng cao toàn diện các thành tố của chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần.
- Chủ động kiểm soát và giải quyết các nguyên nhân sâu xa làm mất cân bằng giới tính của trẻ sơ sinh, tận dụng cơ hội của thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” để phát triển đất nước
- Cải tiến quản lý dân số theo phương thức quản lý dịch vụ công, ứng dụng công nghệ hiện đại xây dựng hệ cơ sở dữ liệu dân số - kế hoạch hóa gia đình thống nhất trong phạm vi toàn quốc.
- Sớm xây dựng và ban hành Luật Dân số, Chiến lược Dân số - Sức khỏe giai đoạn 2011-2020.

### **3.3.2. Cập nhật tình hình cúm A H1N1 trên thế giới và đối phó của Việt Nam với dịch cúm này**

Tình hình dịch đến ngày 28/5/2009: Tổng số mắc cúm A(H1N1): 13.948 trường hợp, 95 trường hợp tử vong tại 48 nước: Tại Châu Á: Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan, Kuwait, Philippines, Bahrain, Đài Loan – TQ, Một số nước có số mắc cao: Mỹ 6764/10, Mexico 4541/83, Canada 921/1, Nhật Bản 360/0.

#### **1. Dự báo tình hình dịch:**

Số trường hợp mắc mới tăng nhanh, tiếp tục bổ sung các nước mới có cúm A(H1N1), Số trường hợp nhập cảnh từ các vùng có dịch ngày càng tăng, có thể có những trường hợp mắc bệnh. Nguy cơ dịch xâm nhập vào Việt Nam là rất lớn. Các hoạt động chống dịch đã triển khai:

#### **Công tác chỉ đạo:**

Chính phủ trực tiếp chỉ đạo công tác phòng chống dịch (Thủ tướng có Công điện số 639/CĐ-TTg ngày 29/4/2009, Công điện số 732/CĐ-TTg ngày 14/5/2009), UBND các cấp chịu trách nhiệm về công tác phòng chống dịch tại địa bàn quản lý, Ngành y tế tham mưu về các hoạt động chống dịch, trực tiếp chỉ đạo việc triển khai các hoạt động kiểm soát dịch.

Bộ Y tế tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo QG PCDD cúm ở người, tổ chức họp thường kỳ hàng tuần và đột xuất, hàng ngày họp Trưởng các Tiểu ban – Ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch phòng chống đại dịch cúm ở người theo từng giai đoạn.

#### **Công tác giám sát:**

Tăng cường các biện pháp kiểm dịch y tế biên giới tại các cửa khẩu, thực hiện giám sát, quản lý và cách ly các trường hợp nghi ngờ (đã phát hiện 98 trường hợp nghi ngờ, hiện chưa có trường hợp nào dương tính với cúm A(H1N1)); tăng cường giám sát các trường hợp cúm tại cộng đồng; xây dựng và ban hành hướng dẫn giám sát và phòng chống dịch cúm A(H1N1); xây dựng và ban hành hướng dẫn thu thập, bảo quản và vận chuyển mẫu bệnh phẩm cúm A(H1N1); tổ chức tập huấn cho các cán bộ hệ y tế dự phòng về nội dung giám sát, thu thập bệnh phẩm.

#### **Công tác điều trị:**

Bộ Y tế đã chỉ đạo củng cố hệ thống điều trị các tuyến, sẵn sàng thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế, khu vực cách ly để thu dung điều trị bệnh nhân; xây dựng hướng dẫn điều trị và

phòng lây nhiễm cúm A(H1N1), tổ chức tập huấn cho các cán bộ hệ điều trị; Xây dựng kế hoạch thu dung điều trị bệnh nhân trong tình huống đại dịch.

### **Công tác truyền thông:**

Bộ Y tế đã xây dựng các thông điệp truyền thông, phóng sự phát trên hệ thống thông tin đại chúng; xây dựng các tờ rơi phát cho khách nhập cảnh, người nước ngoài tại Việt Nam, cộng đồng về cúm A(H1N1); tập huấn cho cán bộ truyền thông tại các tỉnh, thành phố về các biện pháp và nội dung truyền thông phòng chống đại dịch cúm.

#### **3.1. Hợp tác quốc tế:**

- Phối hợp chặt chẽ với WHO, US CDC trong việc trao đổi thông tin tình hình dịch, các biện pháp phòng, chống dịch.
- Đề nghị WHO hỗ trợ Việt Nam về kỹ thuật, thuốc, trang thiết bị phục vụ công tác chống dịch.
- Tham gia hội nghị thượng đỉnh Bộ trưởng Y tế các nước ASEAN + 3 về cúm A(H1N1)

#### **2. Kiến nghị**

- ❖ Hỗ trợ về kỹ thuật (chia sẻ thông tin, cung cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, cử chuyên gia).
- ❖ Hỗ trợ thuốc, hoá chất, trang thiết bị, phòng hộ: máy kiểm tra thân nhiệt, Tamiflu, PPE, phương tiện vận chuyển, phương tiện chẩn đoán, phòng thí nghiệm...
- ❖ Hỗ trợ về tài chính

#### **3.3.3. Cập nhật tình hình thực hiện các hoạt động đề ra trong Văn bản Thỏa thuận chung SOI:**

##### ***Các hoạt động do Vụ HTQT làm đầu mối: hoạt động số 1, số 2 và số 5***

*Hoạt động số 1 (Milestone 1):* Xây dựng một Bảng ma trận chi tiết các hoạt động của nhà tài trợ trên cơ sở hàng năm theo một hình thức đã được thống nhất. Mục đích của hoạt động này là cung cấp một bức tranh/bảng thống kê tổng hợp tất cả các dự án có vốn viện trợ nước ngoài trong lĩnh vực y tế. Ngoài ra, đây cũng là 1 chỉ số đầu ra đóng góp cho quá trình lập kế hoạch y tế của phía Việt Nam và các đối tác. Tuy nhiên, có một thực tế hiện nay, Bộ Y tế chỉ quản lý khoảng 70% số dự án đầu tư trong lĩnh vực y tế (theo Báo cáo JAHR 2008), còn lại do Ủy ban Nhân dân các tỉnh/thành phố và các cơ quan khác (đoàn thành niên, hội phụ nữ...) quản lý.

Đối với hoạt động này, Bộ Y tế đã và đang nhận được sự hỗ trợ về kỹ thuật của WHO. Hiện nay, chúng tôi đã bước đầu dự thảo được mẫu biểu Bộ số liệu thống kê các hoạt động của các nhà tài trợ và đã gửi cho các đối tác để góp ý. Sau khi hoàn thành, Bảng ma trận này sẽ được công bố để giúp cho Chính phủ, các cơ quan liên quan và các nhà tài trợ theo dõi được các dự án nước ngoài đã, đang và sắp được thực hiện tại Việt Nam. Mục tiêu của việc xây dựng Bảng số liệu này là (1) Đưa ra cái nhìn tổng quát về các dự án đầu tư vào lĩnh vực y tế và xu hướng qua thời gian, (2) Chỉ ra sự hỗ trợ của các đối tác trong các lĩnh vực y tế (3) Chỉ ra sự hỗ trợ của các đối tác đối với các tỉnh khác nhau, xây dựng bản đồ viện trợ (4) Chỉ ra những khoảng cách giữa việc cam kết và thực hiện.

Hoạt động số 2 (Milestone 2): Thực hiện một nghiên cứu để đánh giá mức độ sự hài hòa và liên kết của hỗ trợ kỹ thuật trong ngành y tế. Chúng tôi rất vui mừng nhận được sự hỗ trợ của GTZ, JICA. Hiện nay, nhóm làm việc chung mới đang bước đầu thảo luận về cách thức triển khai hoạt động, trong đó có việc xác định phạm vi và nội dung nghiên cứu, các nguồn lực cần thiết để triển khai hoạt động (hỗ trợ kỹ thuật, tài chính...), sự điều phối các nguồn lực... Mục tiêu của nghiên cứu này (dự thảo) bao gồm: (1) Xác định các thành phần của Hỗ trợ kỹ thuật (2) Xác định tỷ lệ gói hỗ trợ ODA dành cho Hỗ trợ kỹ thuật (3) Đánh giá sự hài hòa và phù hợp của các hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ với nhu cầu của Việt Nam. (4) Đánh giá nhu cầu về hỗ trợ kỹ thuật tại Việt Nam (5) Đánh giá tác động của các Hỗ trợ kỹ thuật đối với lĩnh vực y tế của Việt Nam (6) Đánh giá sự phối hợp của các nhà tài trợ đối với các gói hỗ trợ kỹ thuật mà các nhà tài trợ cung cấp. (7) Đánh giá sự hài hòa về các cách tiếp cận của các đối tác về hỗ trợ kỹ thuật, sự chia sẻ thông tin về các dự án “nâng cao năng lực” tại Việt Nam.

Hoạt động số 5 (Milestone 5): Chính phủ phê duyệt chính thức diễn đàn HPG với việc thiết lập một cơ chế tài chính phục vụ cho các hoạt động của diễn đàn, trong đó có Ban thư ký HPG. Đối với hoạt động này, Bộ Y tế nhận được các cam kết tham gia và hỗ trợ của AusAIDS, WHO, Đại sứ quán Mỹ, EC và Pathfinder. Theo đó, nhóm làm việc chung sẽ sớm được thành lập để cùng thảo luận cách thức triển khai hoạt động này. Tuy nhiên, hiện nay để chuẩn bị cho hoạt động này, Vụ HTQT đã và đang tham vấn ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn vì Bộ này đã thành công trong việc xây dựng các diễn đàn tương tự, như Diễn đàn phòng chống cúm gia cầm (PAHI), Nhóm hỗ trợ quốc tế (ISG)... với việc thành lập các quỹ ủy thác phục vụ các hoạt động của các diễn đàn. Theo đó, diễn đàn HPG cần được kiện toàn lại, có điều khoản tham chiếu phù hợp và cụ thể, có một quỹ tài chính riêng để hoạt động. Tại diễn đàn này, các thành viên đã đóng góp ý kiến cho hoạt động số 5 này.

Cuộc họp cũng thống nhất việc thành lập một nhóm làm việc chung đối với từng hoạt động, để tiếp tục bàn thảo cách thức và nội dung triển khai sao cho hiệu quả, thiết thực, đúng tiến độ và phản ánh tinh thần hợp tác giữa Bộ Y tế và các đối tác phát triển nhằm thực hiện Bản thỏa thuận chung về tăng cường hiệu quả viện trợ cho lĩnh vực y tế.

***Các hoạt động còn lại do Vụ Kế hoạch – Tài chính làm đầu mối:***

Hoạt động số 3: Ban hành Hướng dẫn về việc cung cấp hỗ trợ ngân sách trong ngành Y tế.

Hoạt động số 4: Rà soát các quy trình phê duyệt, mua sắm và giải ngân để sử dụng cho viện trợ Y tế.

Hoạt động 7: Hoàn thiện kế hoạch chi tiêu gắn với Kế hoạch 5 năm với thông tin về tổng thu nhập từ các nguồn trong nước và ngoài nước cho ngành y tế. Trong hoạt động này, Vụ KHTC đã xây dựng nhóm làm việc với trưởng nhóm là ThS. Nguyễn Nam Liên phòng tài chính sự nghiệp.

Hoạt động 8: Hoàn thành Kế hoạch 5 năm khả thi, có ước tính kinh phí cho ngành Y tế và gắn với khung theo dõi. Hoạt động này đã được Vụ trưởng Vụ KHTC PGS.TS. Phạm Lê Tuấn trực tiếp đứng ra chỉ đạo

Hoạt động 10: Báo cáo chung Tổng quan ngành Y tế được thực hiện, với sự tham gia của tất cả các cấp chính quyền, các tổ chức dân sự và các đối tác tài trợ và được phổ biến. Năm 2010, bên cạnh các thống kê tổng quan của ngành, Vụ sẽ đi sâu vào chủ đề Nguồn nhân lực y tế.

3.3.4. Phản hồi về hội thảo Lập kế hoạch y tế tháng 4: các vấn đề phát sinh, hỗ trợ của các đối tác cho Kế hoạch y tế 5 năm 2011-2015.

3.3.4. Cập nhật thông tin về chương trình xóa đói giảm nghèo trong đó có nội dung nâng cao sức khỏe người dân.

#### **IV. Các cuộc họp Nhóm nòng cốt của HPG (HPG Core Group)**

Ngoài các cuộc họp Nhóm Đối tác Y tế thường xuyên diễn ra 3 tháng 1 lần, còn có các cuộc họp Nhóm nòng cốt của HPG (HPG Core Group) bao gồm một số thành viên HPG chủ chốt. Các cuộc họp Nhóm nòng cốt này được triệu tập khi cần thiết, nhằm bàn thảo và chuẩn bị cho các cuộc họp HPG thường xuyên, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động và đưa ra những phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo.

#### **V. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2009:**

Trong 6 tháng cuối năm 2009, sẽ tiếp tục tổ chức 2 cuộc họp HPG, một cuộc họp vào quý III 2009 và một cuộc họp vào quý IV 2009.

Đồng thời, Ban Thư ký HPG sẽ tổng kết báo cáo năm 2009 và dự kiến gửi Ban Thư ký CG, góp phần chuẩn bị cho Cuộc họp CG cuối năm 2009 do Lãnh đạo Chính phủ chủ trì.





**ISGE**

## **NHÓM HỖ TRỢ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **Báo cáo quan hệ đối tác**

#### **A. TỔNG QUAN**

Từ năm 2008, Nhóm Hỗ trợ quốc tế về Tài nguyên và Môi trường (ISGE) đã bước sang một giai đoạn mới khi các mục tiêu và cơ cấu tổ chức của Nhóm đã được điều chỉnh để đáp ứng những nhu cầu thay đổi nhanh chóng của công cuộc phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam nói chung và ngành tài nguyên và môi trường (TNMT) nói riêng. Kết quả của sự điều chỉnh là một Bản thỏa thuận khung (TTK) giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) và Đại sứ quán các nước Đan Mạch, Thụy Điển và Canada tại Việt Nam về cơ cấu tổ chức cũng như hoạt động của ISGE trong giai đoạn 2008-2010 đã được soạn thảo và ký kết chính thức vào cuối tháng 6 năm 2008.

Theo Thỏa thuận khung, mục tiêu tổng thể của ISGE trong giai đoạn 2008-2010 là tiếp tục tăng cường hiệu quả hỗ trợ phát triển và các tài trợ khác cho ngành TNMT phù hợp với các chính sách ưu tiên của Chính phủ thông qua quan hệ đối tác và đóng góp tích cực cho quá trình thực hiện các ưu tiên quốc gia về TNMT phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp được nêu trong Tuyên bố chung Hà Nội về Hiệu quả Viện trợ.

Để hoàn thành tốt mục tiêu tổng thể và các mục tiêu cụ thể nêu trong kế hoạch công tác ISGE giai đoạn 2008-2010, thay vì hỗ trợ dàn trải cho tất cả các mục tiêu, ISGE sẽ tăng cường tập trung hỗ trợ Bộ TNMT và các cơ quan đơn vị của Bộ vào các mục tiêu sau đây:

- Hỗ trợ Bộ TNMT thông qua Diễn đàn đối thoại chính sách về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường giữa các Bộ/ngành, cơ quan, các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự;
- Hỗ trợ phân bổ hiệu quả các nguồn lực cho những vấn đề ưu tiên cao nhất đồng thời giảm thiểu sự trùng lặp chồng chéo và đa dạng hoá các nguồn ngân sách hỗ trợ cho các chương trình và hoạt động về TNMT;
- Hỗ trợ Bộ TNMT tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện nhằm thúc đẩy các mối liên kết công tác đa ngành về môi trường một cách sâu rộng và giữa các cấp khác nhau của Chính phủ;

#### **B. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2009**

##### **1. Hỗ trợ Diễn đàn đối thoại chính sách**

Thay vì tiếp tục tập trung thúc đẩy các Nhóm công tác chỉ giới hạn trong 3 chuyên đề, bao gồm nhóm công tác về tài nguyên nước, nhóm chiến lược tăng trưởng

và giảm nghèo toàn diện gắn với bảo vệ môi trường và nhóm tăng cường năng lực cho ngành tài nguyên và môi trường, ISGE đã bước sang một giai đoạn hoạt động mới 2008-2010. Từ năm 2008, các diễn đàn ĐTCS sẽ hoạt động một cách linh hoạt và mở hơn để hỗ trợ các cơ quan đơn vị liên quan của Bộ TNMT giải quyết các vấn đề phát sinh, các chính sách ưu tiên và các chương trình quan trọng liên quan tới ngành TNMT một cách hiệu quả. Kết quả là trong năm 2009 Bộ TNMT sẽ tập trung vào bốn diễn đàn ĐTCS và một số hoạt động về ĐTCS đã được thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2009 như sau :

#### ***Diễn đàn đối thoại chính sách về biến đổi khí hậu***

Trong tháng 6, Cục Khí tượng thuỷ văn và Biến đổi khí hậu (KTTV-BĐKH) đang tích cực thúc đẩy các bên tham gia tổ chức Hội thảo công bố kịch bản chính thức về biến đổi khí hậu để thực hiện Chương trình MTGQ về biến đổi khí hậu tới các Bộ/ngành, các tổ chức quốc tế và các bên liên quan.

#### ***Diễn đàn đối thoại chính sách về bảo vệ môi trường***

Cuối tháng 6 Viện khoa học quản lý môi trường/VEA sẽ tổ chức Hội thảo tham vấn về chiến lược nghiên cứu khoa học về quản lý môi trường trong bối cảnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá của Việt Nam.

#### ***Diễn đàn đối thoại chính sách về tài nguyên nước***

Mặc dù Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Tài nguyên nước đến năm 2020 và Bộ TNMT đã được giao nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tài nguyên nước, Việt nam đang phải đương đầu với nhiều thách thức để quản lý tổng hợp tài nguyên nước và bảo đảm cung cấp nước cho phát triển kinh tế xã hội. Trong bối cảnh đó, Cục quản lý tài nguyên nước (QLTNN) Bộ TNMT đã đề xuất thành lập diễn đàn ĐTCS về Tài nguyên nước do Cục QLTNN chủ trì để tạo điều kiện chia sẻ thông tin và bảo đảm điều phối hiệu quả phương thức tiếp cận với tài nguyên nước ở Việt nam. Diễn đàn ĐTCS về tài nguyên nước bắt đầu khởi động vào giữa tháng 12 năm 2008. Trong 6 tháng đầu năm 2009 Cục QLTNN đã và đang tích cực các hoạt động chuẩn bị để tổ chức Hội thảo về quy hoạch, quản lý và điều tra tài nguyên nước.

#### ***Diễn đàn đối thoại chính sách về tăng cường năng lực cho ngành TNMT***

Ngày 17 tháng 3, 2009 Bộ TNMT đã tổ chức Hội thảo khởi động Diễn đàn ĐTCS về tăng cường năng lực ngành TNMT. Tại Hội thảo, đề án “*Tăng cường năng lực hệ thống quản lý Nhà nước về biển và hải đảo*”, chương trình “*Xây dựng pháp luật về TNMT*” và chương trình “*Cải cách thủ tục hành chính trong ngành TNMT*” đã được chia sẻ, thảo luận và nhận được nhiều ý kiến tham vấn quý báu từ các đại biểu tham gia Hội thảo .

## ***2. Phiên họp thường niên***

Ngày 15 tháng 1, 2009 Bộ TNMT đã tổ chức phiên họp thường niên. Phiên họp đã công bố với các nhà tài trợ, các Bộ/ngành về Chương trình MTQG về quản lý bền vững tài nguyên nước.

**3. *Đánh giá và giám sát (hài hoà các qui trình, thủ tục viện trợ của nhà nước và các nhà tài trợ)***

Cuối tháng 3, 2009, Bộ TNMT đã hoàn thành công tác kiểm toán cho năm tài khoá 2008. Đồng thời, kết quả kiểm toán năm tài khoá 2008 của ISGE đã được phê duyệt và báo cáo cho các nhà tài trợ chính của ISGE.

**4. *Hỗ trợ Bộ TNMT tăng cường năng lực quản lý***

Trong 6 tháng đầu năm 2009, Tổng Cục biển và hải đảo/VASI, Viện CLCS, Cục KTTV-BĐKH, Cục QLTTNN và các cơ quan đơn vị khác của Bộ TNMT đã được hỗ trợ một cách tích cực để chuẩn bị triển khai công tác đánh giá nhu cầu đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo. Dự kiến, đến cuối năm 2009 công tác đánh giá nhu cầu đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo của các cơ quan đơn vị liên quan của Bộ TNMT sẽ được hoàn thành.

**5. *Chia sẻ, trao đổi và phổ biến thông tin về các hoạt động liên quan tới ngành TNMT***

Bản tin số 14-15 của ISGE đã được phát hành và gửi cho các tổ chức và cá nhân có liên quan. Các tài liệu và thông tin về ĐTCS của Bộ TNMT và các hoạt động viện trợ ODA đã được cập nhật thường xuyên trên trang Web của ISGE. Bên cạnh đó một ma trận/danh sách các dự án về biết đổi khí hậu triển khai tại Việt Nam đang thường xuyên được duy trì và cập nhật trên trang Web của ISGE.

**6. *Tăng cường năng lực hoạt động hỗ trợ cho ISGE***

Bên cạnh việc Bộ TNMT điều động một cán bộ kế toán sang làm việc cho ISGE vào đầu tháng 9 năm 2009, vị trí Điều phối viên ISGE chính thức được tuyển dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC**

Ngoài các hoạt động thực hiện trong khuôn khổ TTK về hoạt động của ISGE giai đoạn 2008-2010, trong 6 tháng đầu năm 2009, Bộ TNMT đã thực hiện một số các hoạt động hợp tác, đối tác như sau:

- Các tài liệu và thông tin về ĐTCS của Bộ TNMT và các hoạt động viện trợ ODA đã được cập nhật thường xuyên trên trang Web của ISGE. Bên cạnh đó một ma trận/danh sách các dự án về biết đổi khí hậu triển khai tại Việt Nam đang thường xuyên được duy trì và cập nhật trên trang Web của ISGE.
- Về hỗ trợ của tổ chức JICA cho Việt Nam, ngày 26 tháng 3, 2009, Viện CSCL/Bộ TNMT đã tổ chức Hội thảo tham vấn về chiến lược quốc gia 3 R (Giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng). Hội thảo đã công bố dự thảo chiến lược quốc gia về 3 R tới các đại biểu tham dự từ các Bộ/ngành trong đó có Bộ Xây Dựng, Y Tế, và NN-

PTNT. Tham vấn và các kiến nghị của các đại biểu đã được thu thập và tổng hợp để hoàn thiện tài liệu chính thức chiến lược quốc gia về 3 R.

- Trung tuần tháng 4 2009, Bộ TNMT đã tích cực tham gia hỗ trợ đoàn công tác JICA Tokyo để chuẩn bị công tác xây dựng giai đoạn đầu của chương trình vốn vay về BDKH tại Việt Nam với mục tiêu hỗ trợ quá trình thực hiện các chiến lược chính sách về BDKH trên cơ sở Chương trình MTGQ về BDKH. Cuối tháng 4, Bộ TNMT đã tổ chức một số buổi làm việc và tạo điều kiện hỗ trợ đoàn công tác JICA Tokyo làm việc với Bộ TNMT và các Bộ/ngành liên quan để đoàn công tác có thể làm việc với các đối tác Việt Nam về BDKH một cách thuận tiện.
- Trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ASEM lần thứ 9 (FMM 9), Bộ TNMT đã có bài trình bày với chủ đề đối thoại “*Phát triển bền vững TNMT trong khuôn khổ hợp tác, đối tác toàn diện VN-EU*” tại “*Diễn đàn Á – Âu về hợp tác kinh tế và phát triển*” tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 6 tháng 5, 2009. Tại FMM 9 tổ chức trong hai ngày 25-26 tháng 5, 2009, Bộ TNMT đã tích cực tham gia với vai trò đồng chủ trì tuyên bố chính của Hội nghị với chủ đề “*Tăng cường quan hệ đối tác Á - Âu nhằm ứng phó với khủng hoảng kinh tế - tài chính và các thách thức toàn cầu*”, bên cạnh đó Bộ trưởng Bộ TNMT đã trình bày báo cáo tóm tắt các thách thức mang tính toàn cầu về BDKH. Tại Hội nghị Bộ TNMT cũng đã đề xuất sáng kiến hợp tác về “*Biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng*”.
- Về Chương trình MTGQ-BDKH, Viện KTTV-MT/Bộ TNMT đã tổ chức Hội thảo tham vấn cuối cùng về kịch bản BDKH và nước biển dâng vào cuối tháng 3. Về Dự án tăng cường năng lực cho cơ quan đầu mối Quốc gia về BDKH ở Việt Nam (CD4-CCFP), để nâng cao nhận thức về BDKH cho các cán bộ của Bộ TNMT ở cấp trung ương và địa phương, cuối tháng 4, 2009 tại thành phố Ninh Bình Bộ TNMT đã tổ chức Hội thảo về tác động của BDKH tới tài nguyên nước, hệ sinh thái vùng ven biển và các biện pháp ứng phó. Bên cạnh đó cuối tháng 5, 2009 tại Sapa, Bộ TNMT đã tổ chức Hội thảo về BDKH và quá trình xây dựng, triển khai chiến lược và kế hoạch phát triển trong lĩnh vực TNMT. Tất cả các hoạt động này đều do Danida hỗ trợ và thuộc dự án CD4-CCFP.
- Hoạt động đối tác cuối cùng, từ tháng 2, 2009 Vụ HTQT/Bộ TNMT đã bắt đầu hợp tác với Bộ NN-PTNT để học tập kinh nghiệm về sáng kiến “*Mua sắm công bền vững*” (SPP) do Vụ HTQT/Bộ NN-PTNT đang thí điểm thực hiện, và từ những bài học kinh nghiệm về SPP của Bộ NN-PTNT, Bộ TNMT sẽ cân nhắc việc thực hiện thí điểm sáng kiến SPP trong ngành TNMT.

#### **D. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP TỤC TRIỂN KHAI TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2009**

Về các hoạt động hợp tác, đối tác, các hoạt động sẽ triển khai trong 6 tháng cuối năm 2009 được nêu trong kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm của ISGE như sau:

### KẾ HOẠCH CÔNG TÁC ISGE 6 THÁNG CUỐI NĂM 2009

<b>Mục tiêu 1: Hỗ trợ diễn đàn đối thoại chính sách (ĐTCS) các vấn đề về tài nguyên và môi trường (TNMT)</b>				
<i><b>Kết quả 1.1. Các diễn đàn ĐTCS về TNMT được thiết lập và hoạt động nhằm hỗ trợ Bộ TNMT xây dựng chính sách quản lý và bảo vệ TNMT.</b></i>				
<b>Hoạt động</b>	<b>(M)</b>	<b>(I)</b>	<b>(C)</b>	<b>Thời gian</b>
<i><b>Hỗ trợ thiết lập diễn đàn ĐTCS về Bảo vệ môi trường</b></i>				
1.1.2. Hỗ trợ Viện Khoa học quản lý Môi trường (VEA) tổ chức hội thảo tham vấn về chiến lược nghiên cứu khoa học quản lý môi trường trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa của Việt nam	ISGE/Vụ HTQT và VEA- Bộ TNMT phối hợp với các đối tác liên quan	Dự thảo cuối cùng về chiến lược nghiên cứu khoa học về quản lý môi trường	Ban Thư ký ISGE	Tháng 9
1.1.3. Hỗ trợ VEA hoàn thiện ý tưởng và tổ chức hội thảo đề xuất thành lập Trung tâm Á Đông về Nghiên cứu, Đào tạo và Thông tin Môi trường (ACERTC)	Ban Thư ký ISGES, Vụ HTQT và VEA phối hợp với các đối tác liên quan hoàn thiện ý tưởng thành lập ACERTC	Dự thảo cuối cùng về ý tưởng thành lập ACERTC	Như trên	Tháng 8
<i><b>Thiết lập các diễn đàn ĐTCS về Quản lý bền vững Tài nguyên nước</b></i>				
1.1.4. Hỗ trợ Cục Quản lý Tài nguyên nước (QLTNN) tổ chức hội thảo về qui hoạch, quản lý và khảo sát tài nguyên nước	ISGE phối hợp với Cục QLTNN và các Vụ liên quan của Bộ TNMT	Tài liệu, báo cáo	Như trên	Tháng 7
1.1.5. Hỗ trợ Cục QLTNN tổ chức hội thảo quảng bá kế hoạch hành động của CTMTQG về tài nguyên nước	ISGE phối hợp với Cục QLTNN và các Vụ liên quan của Bộ TNMT	Tài liệu, báo cáo	Như trên	Tháng 8
<b>Mục tiêu 2: Lồng ghép các vấn đề về TNMT vào các kế hoạch và chương trình của Chính phủ ở cấp trung ương và địa phương</b>				
<i><b>Kết quả 2.1. Những ưu tiên hàng đầu được xác định thông qua các diễn đàn ĐTCS được lồng ghép vào kế hoạch và chương trình ngành TNMT ở các cấp trung ương và địa phương</b></i>				
<b>Hoạt động</b>	<b>(M)</b>	<b>(I)</b>	<b>(C)</b>	<b>Thời gian</b>
2.1.1. Hỗ trợ Vụ Kế hoạch và ISPONRE	ISGE và Vụ Kế	Báo cáo đánh	Như trên	Nửa năm

hoàn thành việc rà soát lại kế hoạch 5 năm ngành TNMT 2006-2010 và xác định các hạng mục ưu tiên hàng đầu trong kế hoạch 5 năm tiếp theo của ngành TNMT giai đoạn 2011-2015.	hoạch chủ trì với sự tham gia của các cơ quan, đơn vị Bộ TNMT và ISPONRE	giá, các hạng mục ưu tiên		
2.1.2. Hỗ trợ Vụ Kế hoạch và ISPONRE xây dựng, chia sẻ và tham vấn về qui trình/phương pháp lồng ghép những ưu tiên về môi trường vào các kế hoạch và chương trình sắp tới của ngành TNMT	ISGE phối hợp với các đối tác liên quan dự thảo qui trình; Vụ Kế hoạch và ISPONRE	Tài liệu, báo cáo	Như trên	Nửa năm
<b>Mục tiêu 4: Phân bổ hiệu quả các nguồn lực cho các hoạt động ngành TNMT nhằm giảm thiểu sự chồng chéo và đa dạng hoá các nguồn tài trợ cho các hoạt động về TNMT</b>				
<b><i>Kết quả 4.1. Cơ sở dữ liệu (danh mục) các dự án và chương trình ODA được cập nhật và phổ biến tới các cơ quan đơn vị của Bộ TNMT, cộng đồng các nhà tài trợ và các đối tác</i></b>				
<b>Hoạt động</b>	<b>(M)</b>	<b>(I)</b>	<b>(C)</b>	<b>Thời gian</b>
4.1.1. Quản lý cơ sở dữ liệu (WB) của các dự án về BDKH, duy trì và thường xuyên cập nhật danh mục các dự án ODA	Ban Thư ký ISGE duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu các dự án ODA và BDKH trên trang thông tin điện tử (trang web) của ISGE	Cập nhật cơ sở dữ liệu danh mục các dự án ODA và BDKH	Như trên và Trung tâm thông tin của Bộ TNMT	Nửa năm
<b><i>Kết quả 4.2. Thỏa thuận về hợp tác giữa ISGE và PGAE được dự thảo và ký kết</i></b>				
4.2.1. Thảo luận và nhất trí với Nhóm đối tác tư vấn về Hiệu quả tài trợ (PGAE) về nội dung dự thảo thỏa thuận (EIA/SIA)	Ban Thư ký ISGE hợp tác với PGAE về qui trình xây dựng dự thảo thỏa thuận	Thỏa thuận được ký kết bởi ISGE và PGAE về EIA/SIA	Như trên	Tháng 7
<b><i>Kết quả 4.3 Xác định được các ưu tiên ngành TNMT và phổ biến tới các đối tác tham gia</i></b>				
4.3.1 Phối hợp các diễn đàn ĐTCS, các hội nghị với sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng các nhà tài trợ và các đối tác liên quan.	Ban Thư ký ISGE và các diễn đàn ĐTCS phổ biến thông tin qua trang web của ISGE, qua các bản tin và các hội nghị, hội thảo của ISGE	Trang web, các tài liệu liên quan và bản tin của ISGE	Như trên	Nửa năm
<b>Mục tiêu 5. Hỗ trợ hài hòa các qui trình của chính phủ và các nhà tài trợ trong đó có các qui trình liên quan đến yêu cầu báo cáo và kiểm toán trong ngành TNMT</b>				
<b><i>Kết quả 5.1. Các qui trình của Chính phủ và nhà tài trợ liên quan đến báo cáo và kiểm toán trong ngành TNMT được rà soát và đề xuất giải pháp hài hòa thông qua các nhóm tư vấn và PRSC/HSC</i></b>				

<b>Hoạt động</b>	<b>(M)</b>	<b>(I)</b>	<b>(C)</b>	<b>Thời gian</b>
5.1.1. Hỗ trợ các Vụ liên quan của Bộ TNMT tiến hành rà soát các qui trình của chính phủ liên quan tới yêu cầu báo cáo và kiểm toán ngành TNMT và thu thập ý kiến của các bên tham gia.	ISGE/Vụ HTQT, các Vụ liên quan của Bộ TNMT, các nhà tài trợ quốc tế với sự hỗ trợ của nhóm giám sát và/hoặc chuyên gia giám sát nếu có thể	Báo cáo tổng kết, tham vấn và tổng hợp ý kiến	Như trên	Nửa năm
5.1.2. Hỗ trợ Cục Khí tượng Thủy văn và BDKH đưa ra hướng dẫn cụ thể về các thông tư thực hiện CTMTQG về BDKH được tài trợ bởi chính phủ và các nhà tài trợ	Ban Thư ký ISGE, Vụ HTQT, Cục Khí tượng Thủy văn và BDKH, các nhà tài trợ quốc tế và các bên tham gia liên quan của Bộ TNMT	Làm rõ phương thức của cơ chế tài trợ CTMTQG	Như trên	Nửa năm
<b><i>Kết quả 5.2. Thực hiện thí điểm các qui trình báo cáo và kiểm toán ngành TNMT có tham khảo và kết hợp các qui trình báo cáo và kiểm toán của các nhà tài trợ</i></b>				
5.2.1..Hỗ trợ Vụ liên quan của Bộ TNMT xây dựng đề xuất (liên quan tới CTMTQG về BDKH) về qui trình báo cáo và kiểm toán có tham khảo các qui trình của nhà tài trợ.	Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính chủ trì, Ban Thư ký ISGE và tham vấn của các bên tham gia (nếu có thể, nên có một tư vấn quốc tế làm việc tại văn phòng ISGE để thuận lợi cho công việc)	Qui trình báo cáo và kiểm toán được hài hòa giữa yêu cầu của chính phủ với yêu cầu của các nhà tài trợ	Như trên	Nửa năm
<b>Mục tiêu 6. Tăng cường toàn diện năng lực quản lý của Bộ TNMT để đảm bảo thúc đẩy các mối liên kết công tác về môi trường sâu và rộng giữa các ngành và giữa các cấp khác nhau của chính phủ</b>				
<b><i>Kết quả 6.1. Cán bộ của Bộ TNMT được tăng cường đào tạo tiếp cận rộng về bảo vệ môi trường với sự gắn kết và phối hợp giữa các cơ quan liên quan ở các cấp của chính phủ thông qua đào tạo, tập huấn</i></b>				
<b>Hoạt động</b>	<b>(M)</b>	<b>(I)</b>	<b>(C)</b>	<b>Thời gian</b>
6.1.1. Hỗ trợ các đơn vị của Bộ TNMT trong đó có Cục quản lý Tài nguyên nước, Cục Quản lý đất đai, Vụ Pháp chế, Cục Khí tượng Thủy văn và BDKH, VASI và các đơn vị khác nhằm hoàn thành việc đánh giá nhu cầu đào tạo cán bộ chủ chốt, sau đó xây dựng các chương trình đào tạo dựa trên kết quả Đánh giá nhu cầu đào tạo	Ban Thư ký ISGE, Vụ HTQT và các Vụ/Cục liên quan của Bộ TNMT	Báo cáo Đánh giá nhu cầu đào tạo và kế hoạch đào tạo	Như trên	Nửa năm

<b>Kết quả 6.2 Năng lực của cán bộ Bộ TNMT được nâng cao trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật, chính sách, kế hoạch và chiến lược</b>				
6.2.1. Hỗ trợ các cơ quan đơn vị hưởng lợi của Bộ TNMT (Văn phòng Bộ, Tổng Cục Bảo vệ Môi trường, Tổng cục Biển và Hải đảo, ISPONRE, Viện khoa học địa chất và tài nguyên khoáng sản Việt nam và các đơn vị khác) thông qua tham vấn, đào tạo/hội thảo về chính sách, pháp luật	ISGE hợp tác với các Vụ liên quan của Bộ TNMT và các bộ khác	Tài liệu và báo cáo	Như trên	Nửa năm
<b>Mục tiêu 7. Thúc đẩy các tổ chức phi chính phủ, các nhóm cộng đồng và khu vực tư nhân tham gia tích cực vào các chương trình về môi trường</b>				
<b>Kết quả 7.1. Xây dựng một qui trình hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ, các nhóm cộng đồng và khu vực tư nhân tham gia vào các chương trình về môi trường</b>				
7.1.1. Tham khảo Mục tiêu 1				
<b>Mục tiêu 8. Tạo ra một diễn đàn cho tất cả các bên chia sẻ và trao đổi thông tin vì lợi ích của việc thống nhất và tăng cường các hoạt động về môi trường</b>				
<b>Kết quả 8.1. Tổ chức các hội thảo và diễn đàn nhằm trao đổi thông tin và những bài học kinh nghiệm</b>				
8.1.1. Tham khảo Mục tiêu 1				
<b>Mục tiêu 9. Tăng cường năng lực hoạt động hỗ trợ</b>				
<b>Kết quả 9.1. Năng lực của Ban Thư ký ISGE được tăng cường</b>				
9.1.1. Tăng cường đội ngũ cán bộ ISGE: Thư ký, Nhân viên Thông tin và Điều phối viên	Ban Thư ký ISGE và các nhà tài trợ	Hồ sơ, lý lịch		
9.1.2. Mua sắm các thiết bị văn phòng (Bao gồm mua sắm và nâng cấp một số thiết bị/tiện nghi) và các chi phí hoạt động: thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, sửa chữa/bảo dưỡng, đi lại trong nước...)	Ban Thư ký ISGE	Danh mục mua sắm thiết bị văn phòng và chứng từ công tác		

#### CÁC TỪ VIẾT TẮT:

- ASEM                    Diễn đàn hợp tác Á-Âu
- BĐKH                    Biến đổi khí hậu
- CLCS                    Chiến lược và chính sách
- C                            Đóng góp bằng hiện vật của Bộ TNMT gồm văn phòng ISGE và nguồn nhân lực
- CD4-CCFP              Tăng cường năng lực cho cơ quan đầu mối Quốc gia về biến đổi khí hậu
- ĐTCS                    Đối thoại chính sách
- Danida                  Cơ quan phát triển quốc tế của Đan Mạch
- FMM                      Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao
- HTQT                    Hợp tác quốc tế
- KTTV-BĐKH            Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
- I                            Chỉ tiêu đánh giá/thẩm định



- ISGE Nhóm Hỗ trợ quốc tế về tài nguyên và môi trường
- KTTV-MT Khí tượng thủy văn và môi trường
- M Phương pháp hợp tác, thực hiện
- MTQG Mục tiêu quốc gia
- MTGQ-BĐKH Mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu
- NN-PTNT Nông nghiệp và phát triển nông thôn
- NRE Natural Resources and Environment
- QLTNN Quản lý tài nguyên nước
- TNMT Tài nguyên và môi trường
- TTK Thỏa thuận khung
- SPP Mua sắm công bền vững
- VASI Tổng Cục biển và hải đảo
- VEA Tổng Cục môi trường

**Địa chỉ liên hệ:**

Nhóm Hỗ trợ quốc tế về tài nguyên và môi trường  
 Phòng 215, 83 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội  
 Điện thoại: 04-37735510; Fax: 04-37735509  
 Email: [isgemonre@fpt.vn](mailto:isgemonre@fpt.vn); Website: [www.isge.monre.gov.vn](http://www.isge.monre.gov.vn)



## **ĐỐI TÁC HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP (FSSP)**

**Báo cáo 6 tháng đầu năm 2009**

Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSP) là diễn đàn hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và tất cả các bên tham gia quan tâm đến ngành lâm nghiệp Việt Nam. Văn bản Thỏa thuận Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác được ký kết từ tháng 11 năm 2001 và có hiệu lực đến năm 2010. Đến năm 2006, Đối tác Lâm nghiệp đã nhất trí hỗ trợ cho Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020, chiến lược này đã được Thủ tướng phê duyệt vào tháng 2 năm 2007.

Đối tác Lâm nghiệp là một phương tiện hữu hiệu để Chính phủ, các đối tác trong nước và quốc tế có thể trao đổi thông tin và quan điểm của mình về các vấn đề mang tính chiến lược của ngành. Đối tác Lâm nghiệp là kênh điều phối đối thoại và kỹ thuật về các vấn đề quan trọng như: Luật Bảo vệ và Phát triển rừng sửa đổi 2004, các văn bản pháp quy của ngành, kế hoạch 5 năm ngành lâm nghiệp (2006 – 2010), và Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam. Đối tác Lâm nghiệp thực hiện đối thoại thông qua các cuộc họp Diễn đàn Đối tác, Ban điều hành đối tác (PSC) và Ban điều hành chuyên môn (TEC), và có nhiều hơn các hoạt động trao đổi không chính thức bao gồm đối thoại “trực tiếp” hoặc qua thiết bị điện tử, ví dụ như phản hồi về chính sách hoặc ý kiến đánh giá về mặt kỹ thuật từ phía các đối tác quốc tế thông qua thư điện tử.

Báo cáo này do Văn Phòng Điều Phối FSSP (FSSP CO), là Ban thư ký của Đối tác Lâm nghiệp và cũng là đơn vị quản lý hoạt động của Quỹ ủy thác Ngành lâm nghiệp (TFF) chuẩn bị. Quỹ ủy thác này được sự hỗ trợ của rất nhiều đối tác FSSP. Báo cáo cập nhật các hoạt động chính của Đối tác Lâm nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2009 và một số hoạt động chính dự định trong 6 tháng cuối năm 2009.

**Thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp.** Đối tác Lâm nghiệp cam kết hỗ trợ thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam thông qua hỗ trợ thực hiện 5 chương trình chính của Chiến lược:

- Chương trình 1: Quản lý và phát triển rừng bền vững
- Chương trình 2: Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường
- Chương trình 3: Chế biến và thương mại gỗ và lâm sản
- Chương trình 4: Nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm (RETE)
- Chương trình 5: Đổi mới chính sách, thể chế, lập kế hoạch và giám sát ngành

Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt nam giai đoạn 2006-2020 đã triển khai 2 năm và theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, đợt đánh giá đầu tiên được thực hiện vào năm 2009. Theo đó, trong tháng 5/2009, lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo các Tiểu ban điều phối thực hiện chiến lược lập kế hoạch thực hiện Đợt đánh giá này nhằm:

- Đánh giá thực trạng của công tác quản lý ngành lâm nghiệp và kết quả việc triển khai thực hiện Chiến lược PTLN Việt nam tại các địa phương và trung ương
- Phát hiện và phân tích các khó khăn các địa phương đang gặp phải trong việc thực hiện Chiến lược trong giai đoạn vừa qua và những thách thức trong tương lai.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường trong ngành lâm nghiệp (căn cứ vào các chỉ tiêu chính của Chiến lược) và các tác động của việc thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, đặc biệt các tác động của lâm nghiệp trong xóa đói giảm nghèo và đóng góp vào nền kinh tế quốc dân, kinh tế địa phương và thương mại quốc tế;
- Đề xuất các định hướng, ưu tiên và chỉ tiêu chính để thực hiện Chiến lược cho giai đoạn 5 năm tiếp theo (2011-2015).

Với cam kết hỗ trợ thực hiện Chiến lược, Văn phòng điều phối FSSP và các đối tác sẽ tham gia đóng góp tài chính và kỹ thuật cho đợt đánh giá này.

Ngoài ra, các nội dung dưới đây sẽ nêu một số tiến triển quan trọng của ngành lâm nghiệp trong thời gian gần đây của từng chương trình, đặc biệt nhấn mạnh những hoạt động có sự hỗ trợ của Đối tác lâm nghiệp.

### **Chương trình 1: Quản lý và phát triển rừng bền vững**

Chương trình Quản lý và phát triển rừng bền vững là một trong 3 Chương trình phát triển của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020, với mục tiêu quản lý, phát triển và sử dụng rừng bền vững, có hiệu quả nhằm đáp ứng về cơ bản nhu cầu lâm sản cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế quốc dân, ổn định xã hội, đặc biệt tại khu vực các dân tộc ít người và miền núi, đồng thời bảo đảm vai trò phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường, góp phần phát triển bền vững quốc gia.

#### ***Quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng***

Việt Nam đã trở thành một nước xuất khẩu đồ nội thất quan trọng trên thị trường thế giới với mức tăng trưởng hàng năm trên 20% trong những năm gần đây và doanh số đạt được năm 2008 là gần 2,8 tỉ USD. Cùng thời gian này nhu cầu về đồ nội thất làm từ gỗ khai thác từ rừng được chứng nhận và quản lý bền vững đang không ngừng tăng lên khiến cho ngành chế biến gỗ Việt Nam trở thành nhà nhập khẩu lớn (giá trị nhập khẩu gỗ năm 2007 là hơn 1 tỷ USD) về gỗ được chứng nhận từ bên ngoài, theo đó tăng chi phí và khả năng cạnh tranh thấp hơn của ngành. Chiến lược lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2006-2020 có 7 nhóm mục tiêu cụ thể, trong đó có mục tiêu Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 16,24 triệu ha đất có rừng với 30% diện tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững vào năm 2020. Bảo vệ và phát triển rừng cho hiện tại và các thế hệ tương lai thông qua tìm kiếm và áp dụng các giải pháp nhằm quản lý bền vững, bao gồm chứng chỉ rừng là một trong số các giải pháp luôn nhận được ưu tiên cao của ngành lâm nghiệp. Hiện nay Cục Lâm nghiệp đang phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Đề án quản lý rừng bền vững.

#### ***Rà soát, quy hoạch 3 loại rừng và giao đất, giao rừng***

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Thông báo số 200/TB-VPCP ngày 08 tháng 8 năm 2008, số 266/TB-VPCP ngày 23 tháng 9 năm 2008 và công văn số 6791/VPCP-KTN ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn chỉnh báo cáo trình Chính phủ đề báo cáo Quốc hội về kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng hợp kết quả của các địa phương về kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng như sau:

Tổng diện tích đất lâm nghiệp: 16.247.492 ha, trong đó:

- Rừng đặc dụng	2.199.342 ha
- Rừng phòng hộ	5.552.327 ha
- Rừng sản xuất	8.495.823 ha

Với cơ cấu quy hoạch 3 loại rừng như trên thì diện tích rừng đặc dụng chiếm 14%, rừng phòng hộ chiếm 34%, rừng sản xuất chiếm 52% là phù hợp với Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 và định hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh.

**Chương trình Trồng mới 5 triệu ha rừng (5MHRP)** được thực hiện theo Quyết định 661, là chương trình lâm nghiệp quan trọng cấp quốc gia với vốn đầu tư chủ yếu từ ngân sách Chính phủ. Chương trình này hỗ trợ thúc đẩy trồng rừng sản xuất và nâng cao quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng. Quốc hội khoá X kỳ họp thứ 2 đã thông qua Nghị quyết về Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng. Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 661/QĐ/TTg ngày 29/7/1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha.

Về trồng rừng sản xuất: trên cơ sở Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 – 2015, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ trồng 50.000 ha cho các hộ gia đình với số tiền bình quân 2 triệu đồng/ha. Năm 2008 diện tích rừng sản xuất trồng được là 193.479 ha. Như vậy có khoảng 143.000 ha được trồng bằng các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Đây là tín hiệu chuyển biến tích cực, đặc biệt ở các tỉnh có nhà máy chế biến và gần nơi tiêu thụ nguyên liệu cho Nhà máy giấy hoặc nhà máy chế biến gỗ và lâm sản.

Kết quả thực hiện năm 2008:

- Khoán bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ: 2.330.202 ha/1.550.300 KH bằng 150,3% so với KH.
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh: 636.324 ha/585.600 KH đạt 108,7% (trong đó khoanh nuôi mới 164.174 ha và khoanh nuôi chuyển tiếp 472.150 ha).
- Trồng mới: 234.004 ha/ 201.500 ha KH đạt 116,1% Trong đó:
  - o Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: thực hiện 40.525 ha/41.500 ha kế hoạch, đạt 97,7%.
  - o Trồng rừng sản xuất: thực hiện 193.479 ha/160.000 ha kế hoạch, đạt 120,9 %.

Tổng vốn ước thực hiện năm 2008 là: 4.115 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách: 820 tỷ đồng, vốn vay tín dụng: 41,274 tỷ đồng, vốn ODA: 365,956 tỷ đồng, vốn tự có của các doanh nghiệp và dân tự trồng: 2.887,77 tỷ đồng.

**Chương trình giảm phát thải khí nhà kính gây ra do mất rừng và suy thoái rừng (REDD)**

Phá rừng và suy thoái rừng gây ra 15-20% tổng lượng phát thải nhà kính do tất cả các lĩnh vực kinh tế khác cộng lại và là một nguyên nhân quan trọng làm tăng lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính dẫn tới biến đổi khí hậu. Nhận thức được tầm quan trọng của công việc bảo vệ rừng chống mất rừng và suy thoái rừng, Bộ NN và PTNT đã đặc biệt quan tâm và ủng hộ việc thực hiện Chương trình REDD và tham gia vào Quỹ đối tác Các-bon trong lâm nghiệp (FCPF) do Ngân hàng Thế giới (WB) quản lý. Hiện nay, Việt Nam là một trong 6 nước đầu tiên trên thế giới được lựa chọn tham gia FCPF và Chương trình

giảm phát thải khí nhà kính gây ra do mất rừng và suy thoái rừng của Liên hiệp quốc (gọi tắt là UN-REDD).

## **Chương trình 2: Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường**

Chương trình này tập trung hỗ trợ công tác bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, tập trung vào đối tượng chính là rừng phòng hộ và đặc dụng. Chương trình này cũng hỗ trợ các hoạt động đang triển khai liên quan đến việc chi trả các dịch vụ môi trường (PES). Cục Kiểm lâm thuộc Bộ NN&PTNT là đơn vị đầu mối thực hiện chương trình này.

### ***Công tác bảo vệ rừng***

Công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học tiếp tục nhận được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ ngành và chính quyền các cấp, đã có nhiều chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho người làm nghề rừng nói chung và đồng bào các dân tộc sống ở trong và gần rừng. Các cơ quan liên qua của các Bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương, và đặc biệt là lực lượng Kiểm lâm và các chủ rừng đã quan tâm và chủ động hơn trong công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, vì vậy góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện nhiệm vụ, kịp thời ngăn chặn các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trong cả nước.

### ***Bảo tồn đa dạng sinh học và chi trả dịch vụ môi trường***

Công tác bảo tồn đa dạng sinh học đã được chú trọng và tăng cường, cơ sở pháp lý và định hướng cho các hoạt động tại các khu rừng đặc dụng tiếp tục được hoàn thiện. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định 104/2007/QĐ-BNN ngày 27/12/2007 ban hành Quy chế quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; Quyết định 2370/QĐ/BNN-KL ngày 05/8/2008 phê duyệt Đề án về chương trình đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam giai đoạn 2008- 2020. Ngoài ra, công tác rà soát quy hoạch 3 loại rừng đã làm rõ ranh giới tại một số khu rừng đặc dụng, góp phần hạn chế tranh chấp về đất đai, qua đó ổn định hoạt động của các khu rừng đặc dụng.

Về chi trả dịch vụ môi trường: Quyết định 380/QĐ-TTg ngày 10/4/2008 về chính sách thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng là một chính sách mang tính đột phá góp phần thúc đẩy và xã hội hoá công tác bảo vệ và phát triển rừng, từng bước tạo lập cơ sở kinh tế bền vững góp phần cải thiện đời sống của người dân, nhận thức được nâng cao, làm nền tảng cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái, đặc biệt là bảo đảm nguồn nước cho thủy lợi, sản xuất điện. Loại dịch vụ môi trường rừng được thí điểm gồm có: dịch vụ về điều tiết và cung ứng nguồn nước; dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn, chống bồi lắng lòng hồ; và dịch vụ về du lịch sinh thái. Sau hơn một năm nghiên cứu thí điểm mức giá cho thuê môi trường rừng ở Lâm Đồng và Sơn La, kết quả đã xây dựng và đề xuất khung giá thuê môi trường rừng tối thiểu là 100.000 đ/ha rừng đối với các nhà máy thủy điện.

## **Chương trình 3: Chế biến và thương mại gỗ và lâm sản**

Chương trình Chế biến và thương mại lâm sản nhằm mục tiêu sản xuất các sản phẩm có khả năng cạnh tranh quốc tế chủ yếu dựa vào nguồn gỗ và lâm sản ngoài gỗ nội địa bền vững; áp dụng công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng về cơ bản các nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; xây dựng công nghiệp chế biến lâm sản trở thành mũi nhọn kinh tế của ngành lâm nghiệp. Nhiệm vụ cơ bản của Chương trình

này là Tổ chức lại ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ để nâng lực sản xuất phù hợp với nguồn cung cấp nguyên liệu bền vững; Tăng cường năng lực sản xuất công nghiệp chế biến lâm sản để đáp ứng cơ bản các nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Các mục tiêu và nhiệm trên nhằm hướng tới đến năm 2020, lâm sản ngoài gỗ trở thành một trong các ngành hàng sản xuất chính, chiếm trên 20% tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp, giá trị lâm sản ngoài gỗ xuất khẩu tăng bình quân 15- 20%; thu hút 1,5 triệu lao động và thu nhập từ lâm sản ngoài gỗ chiếm 15-20% trong kinh tế hộ gia đình nông thôn.

Trong những năm qua, chế biến và xuất khẩu lâm sản của Việt Nam đã có bước phát triển nhảy vọt với giá trị sản xuất và xuất khẩu tăng trưởng liên tục hai con số qua các năm. Tuy nhiên trong suốt năm 2008, đầu năm 2009 và dự báo trong thời gian tới, công nghiệp chế biến và thương mại lâm sản sẽ còn gặp nhiều khó khăn và thách thức do tác động của khủng hoảng kinh tế và nội tại của ngành chế biến. Bộ NN&PTNT đã tích cực tham gia và phối hợp với các bên liên quan đề xuất nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp sản xuất và chế biến gỗ.

#### **Chương trình 4: Nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm**

Chương trình nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm (RETE) là một trong 2 Chương trình hỗ trợ để thực thi Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020 với mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho ngành lâm nghiệp. Lấy khoa học công nghệ làm cơ sở cho phát triển ngành, gắn nghiên cứu, đào tạo với sản xuất và thị trường nhằm nâng cao các đóng góp vào tăng trưởng kinh tế lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và nâng cao mức sống cho những người dân làm nghề rừng. Một trong những điểm trọng tâm của Chương trình là liên kết giữa Nghiên cứu – Giáo dục, đào tạo - Khuyến lâm.

Tiếp tục công tác đổi mới công tác quản lý Khoa học công nghệ, năm 2008 đã hình thành khá rõ nét các chương trình nghiên cứu của toàn Ngành nông lâm nghiệp, Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, chương trình nghiên cứu liên ngành thông qua Bộ Khoa học Công nghệ, chương trình nghiên cứu của các chương trình, dự án và các tổ chức Quốc tế. Đặc biệt đã xuất hiện các chương trình nghiên cứu từ các đặt hàng của các cơ sở sản xuất, trong đó cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh trong lĩnh vực chế biến lâm sản, cá biệt đã có hợp đồng nghiên cứu từ các trang trại lâm nghiệp về giống và phòng trừ bệnh cây rừng.

Ngày 1/7/2008, Bộ NN&PTNT đã ban hành quyết định số 78/2008-QĐ-BNN về Phê duyệt Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020, được xây dựng với sự đóng góp về tài chính và kỹ thuật của các tổ chức nghiên cứu là thành viên của FSSP. Nội dung chính của Chiến lược nghiên cứu:

- Nghiên cứu lâm nghiệp từ việc điều tra, đánh giá tài nguyên rừng để phục vụ khai thác sử dụng là chính sang các nội dung mở rộng hơn vì một nền lâm nghiệp đa mục tiêu và bền vững.
- Từ nghiên cứu ứng dụng là chính sang kết hợp giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, tăng cường áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến của nước ngoài.
- Ưu tiên vấn đề sử dụng hiệu quả đất trống đồi núi trọc, trồng rừng thâm canh;

- Nghiên cứu lâm nghiệp mang tính liên ngành và đa ngành, trong đó những vấn đề về kinh tế, xã hội và cơ chế, chính sách được chú ý nhiều hơn nhằm đáp ứng yêu cầu của sản xuất và xã hội hoá nghề rừng.
- Quan hệ quốc tế nghiên cứu lâm nghiệp ngày càng mở rộng với quy mô lớn hơn, hình thức hợp tác đa dạng hơn, góp phần nâng cao năng lực và vị thế của nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam đối với khu vực và thế giới.

### **Chương trình 5: Đổi mới chính sách, thể chế, lập kế hoạch và giám sát ngành**

Chương trình đổi mới thể chế, chính sách, lập kế hoạch và giám sát ngành nhằm mục tiêu tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động lâm nghiệp theo định hướng thị trường và hội nhập quốc tế, có sự tham gia rộng rãi của khu vực hộ gia đình, cộng đồng và tư nhân; kiện toàn hệ thống tổ chức đồng thời đổi mới công tác lập kế hoạch và giám sát ngành lâm nghiệp.

Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành năm 2008 đã thể chế hoá chủ trương, chính sách và pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp, tạo khuôn khổ pháp lý, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho việc thực hiện quản lý nhà nước về lâm nghiệp. Nội dung của các văn bản được ban hành trong năm 2008 tập trung vào việc quy định những vấn đề chính sau đây:

- Tăng cường các biện pháp tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, điều chỉnh suất đầu tư trồng rừng, phòng hộ, đặc dụng của Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, kiện toàn Ban chỉ đạo Nhà nước Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.
- Thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, thí điểm về chi trả dịch vụ môi trường rừng.
- Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm và Cục chế biến Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối.
- Định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mục đích lâm nghiệp gắn với việc lập hồ sơ quản lý rừng.
- Hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

Nhằm kiện toàn tổ chức hoạt động của Ngành, Bộ NN và PTNT đang chuẩn bị Đề án đề trình Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng cục Lâm nghiệp nhằm mục tiêu củng cố và sắp xếp tổ chức hợp lý hơn các cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp hiện có trực thuộc Bộ NN và PTNT. Theo đề án này, Tổng cục Lâm nghiệp sẽ là cơ quan trực thuộc Bộ NN và PTNT, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp và thực hiện các dịch vụ công về lâm nghiệp theo qui định của pháp luật.

Trong năm 2008 được sự hỗ trợ của Chính phủ Phần Lan và Quỹ TFF, Cục Lâm nghiệp đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Dự án Hỗ trợ kỹ thuật “Phát triển hệ thống công nghệ thông tin ngành lâm nghiệp”. Dự án này đã được Bộ NN và PTNT tiến hành thẩm định và đang tiến hành các thủ tục để phê duyệt.

**Ban thư ký đối tác (Văn phòng Điều phối FSSP).** Công việc của Ban thư ký Đối tác, hay Văn phòng Điều phối FSSP, được tổ chức theo 4 phạm vi kết quả chính: (1) các hoạt động điều phối; (2) Thông tin và truyền thông; (3) Hoạt động quản lý Quỹ TFF; và (4) Quản lý Văn phòng Điều phối FSSP.

## Các hoạt động chính do Đối tác và Văn phòng Điều phối FSSP thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2008

### Các hoạt động điều phối

- **Ban điều hành chuyên môn.** Ban điều hành chuyên môn FSSP (TEC) đã tổ chức cuộc họp thứ 39 vào ngày 19 tháng 12 năm 2008. Cuộc họp này tập trung vào đánh giá thực hiện kế hoạch hoạt động và ngân sách năm 2008 và kế hoạch hoạt động và ngân sách năm 2009. Tại cuộc họp này TEC cũng thảo luận về chương trình nghị sự cuộc họp thường niên FSSP năm 2009 được tổ chức vào tháng 1/2009.
- **Cuộc họp đánh giá thường niên FSSP** đã được tổ chức vào ngày 15/1/2009. Hơn 100 đại biểu đại diện cho các ban ngành có liên quan của Chính phủ ở các cấp trung ương và cấp tỉnh, các tổ chức quốc tế đa phương và song phương, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và đại diện của khu vực tư nhân đã tham dự cuộc họp này. Tại cuộc họp này Báo cáo phát triển ngành Lâm nghiệp năm 2008 do Thứ trưởng Hứa Đức Nhị trình bày cung cấp bức tranh tổng quan về tiến triển của ngành lâm nghiệp Việt Nam trong năm 2008 qua việc thực hiện các Chương trình của Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam. Cũng tại cuộc họp này, Bộ NN&PTNT và các Đối tác cũng đã tiến hành đối thoại chính sách về các vấn đề phát triển ngành.
- **Sáu Mạng lưới Lâm nghiệp vùng:**
  - *Các cuộc họp mạng lưới trong 6 tháng đầu năm 2009:* Với sự hỗ trợ của Văn phòng Điều phối FSSP, 6 cuộc họp mạng lưới vùng (Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ) đã được tổ chức trong tháng 3 và đầu tháng 4 năm 2008. Tại các cuộc họp này, các thành viên mạng lưới đã tiến hành chia sẻ thông tin và thảo luận về các hoạt động lâm nghiệp trong vùng. Các vấn đề liên quan đến việc thực hiện các Dự án lâm nghiệp trong vùng cũng được các thành viên thảo luận.
  - Ngoài ra, với chủ trương tìm kiếm nguồn lực hỗ trợ từ các Đối tác có hoạt động tại các địa phương, Văn phòng điều phối FSSP đã dẫn chuyển giao nội dung hoạt động của 2 mạng lưới Tây Nguyên và Bắc Trung cho 2 dự án FLITCH (Phát triển Lâm nghiệp để cải thiện sinh kế người dân Tây Nguyên – Forests for Livelihood Improvement in the Central Highlands) và PPFPP (Lâm nghiệp hướng tới người nghèo vùng sinh thái Bắc Trung bộ - Pro-poor Forestry project in North Central Agro-Ecological Zone). 2 dự án này được kỳ vọng sẽ giữ vai trò dẫn đầu trong hỗ trợ các hoạt động của 2 mạng lưới vùng này.
- **Hỗ trợ 5 Tiểu ban điều phối Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam.** Như được đề cập ở trên, trong năm 2009, Văn phòng Điều phối FSSP cùng các đối tác sẽ tích cực tham gia và hỗ trợ Đợt đánh giá 2 năm thực hiện Chiến lược, dự kiến từ tháng 5 đến tháng 7/2009. Kết quả của đợt đánh giá này sẽ là đầu vào quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch hoạt động 5 năm (2010 – 2015) của ngành và sẽ được chia sẻ rộng rãi đến các bên liên quan.
- **Điều phối các hoạt động khác.** Đối tác Lâm nghiệp đã thực hiện nhiều hoạt động điều phối và chia sẻ thông tin với các chương trình, các Bộ, ngành, tổ chức đối tác và chuyên gia khác nhau.



- Hội thảo Quốc gia “Gắn kết bảo tồn rừng, phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo - Các Vấn đề và Phương thức tiếp cận ở Việt Nam” là kết quả của sự hợp tác giữa Cục Lâm nghiệp với hai tổ chức Nghiên cứu quốc tế về lâm nghiệp là Tổ chức Nông Lâm Thế giới (ICRAF) và Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Thế giới (CIFOR) tại Việt Nam, và hỗ trợ của Đối tác FSSP thông qua Văn phòng điều phối. Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm của các cơ quan quản lý, nghiên cứu cũng như các nhà tài trợ.
- Cuộc họp điều phối về REDD được tổ chức vào tháng 4/2009 nhằm tìm ra cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong các hoạt động về REDD tại Việt Nam. Sau cuộc họp, các bên nhất trí sẽ thành lập một tổ công tác về REDD với sự tham gia của các bên liên quan. Hiện nay Đề cương nhiệm vụ cho tổ công tác đang được xây dựng và lấy ý kiến. Dự kiến Tổ công tác REDD sẽ có cuộc họp đầu tiên trong tháng 6/2009.
- Hỗ trợ các các tổ chức phi chính phủ Việt Nam trong việc tiếp cận với các khoản hỗ trợ của Chương trình Lâm nghiệp Quốc gia (NFP) thông qua tổ chức FAO. Cho tới nay, đã có 5 đề xuất nhận được hỗ trợ từ NFP với tổng kinh phí gần 200.000 đô-la Mỹ. Thông qua các khoản hỗ trợ này, nhiều hoạt động nghiên cứu, khảo sát đã được triển khai.

#### **Các hoạt động truyền thông và thông tin.**

- **Hệ thống Thông tin và Giám sát Ngành Lâm nghiệp (FOMIS).**
  - Cơ sở dữ liệu mở đang được xây dựng để quản lý bộ chỉ số và phân tích số liệu. Phần mềm ứng dụng web-GIS cũng đang được xây dựng để đưa toàn bộ số liệu, báo cáo và bản đồ lên web.
  - Số liệu năm 2007 và 2008 đang được thu thập và cập nhật cho bộ chỉ số giám sát ngành.
  - Cơ sở dữ liệu văn bản pháp quy ngành lâm nghiệp hiện đang được xây dựng với giao diện web. Đó sẽ là nơi lưu trữ và chia sẻ các văn bản pháp quy của ngành lâm nghiệp với giao diện và văn bản song ngữ.
- **Truyền thông.** Văn phòng Điều phối FSSP tiếp tục hỗ trợ chia sẻ thông tin qua các hoạt động thường nhật, như vận hành trang web, và cung cấp thông tin tóm lược cho các đoàn, khách tới thăm văn phòng về các hoạt động của ngành và Đối tác.
  - Bản tin FSSP số 22-23 tập trung vào chủ đề “Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng” đã được xây dựng và phân phát cho các đối tác và các bên liên quan tại các Cục, Vụ, Viện và các tỉnh tại Cuộc họp thường niên vào tháng 1/2009. Hiện nay, Văn phòng điều phối FSSP đang tiếp tục chuẩn bị nội dung cho số tiếp theo tập trung vào chủ đề “Các cơ hội tài chính cac-bon cho Lâm nghiệp”.
  - Thông tin về các hoạt động của ngành lâm nghiệp và FSSP được phổ biến thông qua việc hợp tác với các đối tác và các cơ quan thông tin đại chúng như Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) và báo chí.

- Trang web FSSP vẫn được duy trì với các hoạt động của FSSP và Quỹ ủy thác Ngành lâm nghiệp (TFF). Việc nâng cấp trang web đã được hoàn tất. Phiên bản mới của trang web FSSP đã được vận hành.

### **Quỹ ủy thác ngành lâm nghiệp (TFF)**

Từ năm 2009, TFF tổ chức hoạt động trên 5 lĩnh vực: (1) Lập kế hoạch chiến lược, (2) Huy động tài trợ và quan hệ với nhà tài trợ, (3) Tăng cường năng lực và công cụ quản lý, (4) Sử dụng Quỹ và Quản lý danh mục dự án, (5) Lập kế hoạch hoạt động và báo cáo.

- **Lập kế hoạch Chiến lược:** bao gồm tầm nhìn dài hạn mà TFF cần đạt tới sau giai đoạn đầu, mối quan hệ của TFF với Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng (VNFF), xác định vị trí của TFF trong ngành lâm nghiệp và nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vai trò của TFF đối với Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam và những thách thức mới như biến đổi khí hậu. Theo thỏa thuận giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và các nhà tài trợ, đợt đánh giá lần thứ 2 Quỹ TFF được tiến hành từ giữa tháng 5/2009 nhằm xây dựng và thống nhất với Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ về "Lộ trình tương lai". Để đánh giá vai trò của TFF trong ngành lâm nghiệp Việt Nam, bao gồm cả vai trò của Quỹ trong Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp FSSP, đồng thời đánh giá hoạt động của TFF so với các mục tiêu và các kết quả dự kiến, đưa ra các khuyến nghị cụ thể và thực tế cho những người có thẩm quyền ra quyết định và các bên liên quan về các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả và hiệu suất hoạt động của TFF, đoàn đánh giá độc lập TFF đã tiến hành đợt đánh giá từ ngày 7/5 đến ngày 30/6/2009.
- **Huy động tài chính và Quan hệ với nhà tài trợ:** gồm những công việc cần thiết để đảm bảo nguồn tài chính cho TFF (việc này giống như hoạt động của “bộ phận bán hàng”) và những công việc của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ (TFF MU) thực hiện với vai trò là Ban thư ký cho Hội đồng quản lý Quỹ (BoD) và cơ quan liên lạc với các nhà tài trợ. Vào tháng 3/2009, Biên bản ghi nhớ TFF mới (MoU) cho giai đoạn 2009 – 2012 đã được các nhà tài trợ và Bộ Nông nghiệp và PTNT ký kết vào tháng 3/2009. Theo đó, tổng cam kết của các nhà tài trợ cho TFF là 32,6 triệu EUR. Vào đầu tháng 5/2009, cơ quan quản lý nghiệp vụ Quỹ đã phối hợp tổ chức chuyến tham quan thực địa cho các nhà tài trợ đến dự án Phát triển ngành lâm nghiệp do TFF đồng tài trợ.
- **Tăng cường năng lực và Công cụ quản lý:** là những hoạt động nhằm cung cấp và cập nhật “các công cụ” đảm bảo TFF thực hiện các nhiệm vụ, bao gồm quy chế, các tài liệu hướng dẫn cũng như phát triển nguồn nhân lực. Theo đó từ đầu năm 2009, cùng với việc ký kết MoU mới, hiện nay TFF đang tiến hành sửa đổi Quy chế TFF và Hướng dẫn vận hành TFF - PIM (trên cơ sở bản PIM cũ). Ngoài ra, cơ sở dữ liệu TFF được đưa vào sử dụng phục vụ cho việc quản lý danh mục TFF.
- **Sử dụng Quỹ và Quản lý Danh mục dự án:** là mảng hoạt động chính của TFF, bao gồm giải ngân cho các dự án được xác định theo Biên bản ghi nhớ (MoU) sử dụng các công cụ đã được xây dựng để giám sát việc thực hiện các dự án, công việc này đòi hỏi phần lớn thời gian và nhân lực của TFF vào các nhiệm vụ khác nhau theo chu trình quản lý dự án. Trong năm 2009, dự án mới về Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp (MIS) chính thức được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua việc tài trợ từ TFF với mức tài trợ lên đến gần 1,8 triệu EUR. Cơ quan quản lý Quỹ cũng tích cực tham gia vào các đợt đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ của các dự án do TFF tài trợ.

- **Lập kế hoạch hoạt động và Báo cáo:** đây là những hoạt động liên quan đến lập kế hoạch hàng năm và các kế hoạch ngắn hạn hơn, xây dựng các báo cáo định kỳ ở cấp Quỹ.

**Các hoạt động chính sẽ được Đối tác Lâm nghiệp và Văn phòng Điều phối FSSP thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2009**

**Các hoạt động điều phối.**

- Các cuộc họp đối tác
  - Diễn đàn Lâm nghiệp cộng đồng khu vực Châu Á – Thái Bình Dương vào tháng 8/2009 sẽ được tổ chức tại Hà Nội trong khuôn khổ hợp tác với tổ chức RECOFTC; và
  - Các cuộc họp TEC sẽ được tổ chức định kỳ nhằm thảo luận về các vấn đề của ngành và đối tác.
- Hỗ trợ thực hiện chiến lược: Hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện đợt đánh giá 2 năm thực hiện Chiến lược và sau đó là lập kế hoạch 5 năm (2010-2015).
- Tiếp tục hỗ trợ hoạt động của các Mạng lưới lâm nghiệp;
- Hỗ trợ hoạt động của Tổ công tác về REDD;
- Hỗ trợ .

**Các hoạt động truyền thông và thông tin.** Việc phát triển **Hệ thống Thông tin và Giám sát Ngành lâm nghiệp (FOMIS)** trong năm 2009 sẽ có một số điều chỉnh cho phù hợp với tình hình ứng dụng công nghệ thông tin chung của Ngành. **FOMIS sẽ tiếp tục được phát triển và hoàn toàn không trùng lặp với Dự án CNTT** của Ngành. Các chức năng nâng cao về tích hợp dữ liệu, khai thác và phân tích số liệu bằng các công cụ như biểu đồ và đặc biệt là bản đồ sẽ được xây dựng. Cơ sở dữ liệu ODA ngành Lâm nghiệp sẽ tiếp tục được cập nhật và chia sẻ. Bên cạnh đó, cơ sở dữ liệu về FDI trong Lâm nghiệp cũng sẽ được xây dựng và thu thập số liệu. VPĐP sẽ tiếp tục hỗ trợ và tham gia trong việc triển khai Dự án CNTT Ngành Lâm nghiệp. Ngoài ra, Đối tác Lâm nghiệp sẽ tiếp tục hoạt động chia sẻ thông tin thường nhật thông qua trang web và bản tin của Đối tác...v.v.

**Một số chỉ số dự kiến đạt được trong 6 tháng cuối năm 2009**

- Hỗ trợ thực hiện thành công đợt đánh giá 2 năm thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam, bao gồm việc tổ chức thành công hội thảo lập kế hoạch cho 5 chương trình;
- Cùng RECOFTC tổ chức thành công Diễn đàn vùng lần thứ 3 về Lâm nghiệp Cộng đồng Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương;
- Hỗ trợ mạnh mẽ của FSSP đối với việc phân cấp các hoạt động
- Đối tác FSSP tham gia và đóng góp tích cực vào hoạt động của Tổ công tác về REDD;
- Những bài học và kinh nghiệm về thực hiện Chi trả dịch vụ môi trường sẽ được tổng hợp và phổ biến tới các độc giả qua bản tin FSSP;
- Cơ sở dữ liệu về hỗ trợ ODA và FDI cho ngành lâm nghiệp được xây dựng và hoàn thiện và đưa lên trang web của FSSP.
- Phổ biến thông tin về các hoạt động chính của Đối tác và ngành.
- “Lộ trình tương lai” cho Quỹ TFF được xác định và thống nhất giữa Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ;

- Việc quản lý Quỹ Ủy thác Ngành Lâm nghiệp được củng cố và gắn kết với hệ thống hành chính của Bộ NN&PTNT. Quỹ Ủy thác Ngành Lâm nghiệp sẽ hỗ trợ những ưu tiên chiến lược (được xác định rõ trong Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam, Kế hoạch 5 năm của ngành và kế hoạch hoạt động 2008)
- Tiếp tục phát triển Hệ thống Thông tin Giám sát Ngành (FOMIS) ở cấp quốc gia để giám sát việc thực hiện Chiến lược Lâm nghiệp và kế hoạch 5 năm, đồng thời cung cấp thông tin cho việc chuẩn bị báo cáo về các cam kết quốc tế về môi trường..v..v.

*Để biết thêm thông tin chi tiết về Đối tác Lâm nghiệp xin hãy liên lạc với Văn phòng Điều phối FSSP theo địa chỉ: Tầng 3, nhà A8, số 10 Nguyễn Công Hoan, Hà Nội.*

*Điện thoại: (84-4) 37629412; Email: [fssp@hn.vnn.vn](mailto:fssp@hn.vnn.vn). Website:*

*[www.vietnamforestry.org.vn](http://www.vietnamforestry.org.vn)*



## ĐỐI TÁC GIẢM NHẸ THIÊN TAI

Phòng 407, Nhà A9, Bộ NN&PTNT, Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

ĐT: (84-4) 3 733 6658, Fax: (84-4) 3 733 6641, Email: [ndmp@ccfsc.org.vn](mailto:ndmp@ccfsc.org.vn), Website: [www.ccfsc.org.vn/ndm-p](http://www.ccfsc.org.vn/ndm-p)

### Báo cáo tiến độ hợp nhóm tư vấn giữa kỳ 2009

#### A. GIỚI THIỆU

Đối tác giảm nhẹ thiên tai được thành lập sau trận lũ lịch sử tại 7 tỉnh miền Trung Việt Nam năm 1999. Trận lũ lớn chưa từng có xảy ra trùng với thời điểm diễn ra cuộc họp Nhóm tư vấn các nhà tài trợ. Điều này đã thúc đẩy Chính phủ Việt Nam, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ quan tâm nhiều hơn tới vấn đề giảm rủi ro thiên tai thay vì chỉ chú trọng tới đối phó với thiên tai như trước đây

Giai đoạn chuẩn bị (Giai đoạn 1) của Đối tác GNTT được tiến hành đối với các tỉnh Miền Trung của Việt nam trong các năm 2002-2003. Giai đoạn 2 của Đối tác được phê duyệt trong thời gian 2,5 năm, bắt đầu từ tháng 7, 2006, nhằm vào các mục tiêu sau đây:

***“Hỗ trợ Chính phủ đạt được mục tiêu phát triển quốc gia thông qua phương pháp tiếp cận đa ngành, chiến lược, và có sự điều phối trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở Việt Nam”***

Mục tiêu cụ thể của Đối tác giảm nhẹ thiên tai:

1. Quản lý và chia sẻ thông tin liên quan đến lĩnh vực phòng chống thiên tai nhằm tăng cường sự hợp tác và nâng cao nhận thức về những vấn đề liên quan đến giảm nhẹ thiên tai
2. Tư vấn cho Chính phủ và thúc đẩy các đối thoại về chính sách, chiến lược và pháp luật về giảm nhẹ thiên tai
3. Xúc tiến nâng cao năng lực thể chế trong việc áp dụng phương thức tiếp cận tổng hợp vào quản lý thiên tai và trong việc thực hiện Đối tác giảm nhẹ thiên tai
4. Điều phối việc phân bổ nguồn lực và hỗ trợ việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong quản lý thiên tai (bao gồm việc thúc đẩy và tài trợ cho các dự án ưu tiên trong quản lý thiên tai).

Đối tác Giảm nhẹ thiên tai được cấu thành bởi một Ban chỉ đạo và một Ban thư ký với một số các Nhóm làm việc phối hợp. Ban chỉ đạo hướng dẫn quản lý Đối tác Giảm nhẹ thiên tai theo Biên bản thỏa thuận đối tác bao gồm đại diện cấp quốc gia (Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông, Bộ Xây dựng, Bộ Lao động thương binh và xã hội), cấp tỉnh (Nam Định, Quảng Ngãi và An Giang) và các nhà tài trợ

Đối tác Giảm nhẹ thiên tai có 5 nhà tài trợ chính: UNDP, AusAID, SIDA, Sứ quán Hà Lan và Sứ quán Luxembourg. Chính phủ Việt Nam cũng hỗ trợ Đối tác Giảm nhẹ thiên tai thông qua việc cung cấp trụ sở làm việc, nguồn lực và một số cán bộ cho Ban thư ký

## **B. CÁC KẾT QUẢ CHÍNH**

Từ khi bắt đầu hoạt động vào tháng 10 năm 2006, Đối tác Giảm nhẹ thiên tai đã đạt được một số thành quả trong lĩnh vực giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu. Bao gồm:

- Luật Đê điều được thông qua qua kỳ họp Quốc hội lần thứ 11 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2007
- Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được phê chuẩn vào tháng 11/2007.
- Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, Thủ tướng chính phủ phê chuẩn vào tháng 12/2008
- Xây dựng và hoàn thiện kế hoạch hành động của các bộ ngành và tỉnh nhằm triển khai Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 vào tháng 11/ 2008.
- Cập nhật đầy đủ thông tin về các thiên tai lớn như các cơn bão từ năm 2006 tới 2008 (Bão Xangsane, Durian, Kamuri, Hagupit, v..v).

## **C. ĐÀU RA, TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM NÀY**

Đối tác Giảm nhẹ thiên tai đã thực hiện thành công nhiều hoạt động nhằm thực hiện 4 mục tiêu đã đề ra:

### **1. Quản lý và chia sẻ thông tin nhằm cải thiện cơ chế điều phối và nâng cao nhận thức về quản lý thiên tai**

- Trang web của Đối tác giảm nhẹ thiên tai được xây dựng và cập nhật liên tục các thông tin về quản lý và giảm nhẹ thiên tai ([www.ccfsc.org.vn/ndm-p](http://www.ccfsc.org.vn/ndm-p)). Sau đánh giá giữa kỳ vào tháng 7/2008, trang web đã được đánh giá là một công cụ chia sẻ thông tin hữu hiệu về lĩnh vực quản lý thiên tai tại Việt Nam. Cho đến tháng 6/2007 đã có 1,970,000 lượt người truy cập vào trang web để tìm kiếm thông tin về quản lý thiên tai
- Bản tin Đối tác nêu đủ các thông tin về hoạt động giảm nhẹ thiên tai được xuất bản hàng tháng và gửi cho 63 tỉnh, thành và hơn 100 tổ chức khác. Bản điện tử cũng được chia sẻ với các bên liên quan thông qua hệ thống thư điện tử và website.
- Hỗ trợ Nhóm làm việc về quản lý thiên tai và nâng cao vai trò của Đối tác Giảm nhẹ thiên tai qua việc xây dựng các điều khoản tham chiếu cho Nhóm làm việc này. Hơn nữa, Đối tác Giảm nhẹ thiên tai cũng tham gia hỗ trợ một nghiên cứu về việc áp dụng cách tiếp cận theo ngành tại Việt Nam.
- Hai cán bộ hỗ trợ từ dự án JANI đã được Đối tác GNTT tuyển dụng nhằm nâng cao hệ thống chia sẻ thông tin và đặc biệt là cải thiện Thư viện trực tuyến về CBDRM trang web của Đối tác Giảm nhẹ thiên tai và Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương.
- Tham gia các cuộc họp Nhóm làm việc về quản lý thiên tai, Sáng kiến mạng lưới vận động chính sách, Ngân hàng thế giới v..v

## **2. Hỗ trợ đối thoại chính sách, chiến lược và pháp luật về giảm nhẹ thiên tai**

- Hỗ trợ Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương xây dựng hướng dẫn lồng ghép quản lý thiên tai và biến đổi khí hậu vào lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội
- Hỗ trợ Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương hướng dẫn các tỉnh và thành phố xây dựng kế hoạch hành động nhằm triển khai *Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai tới năm 2020*, Đối tác Giảm nhẹ thiên tai phối hợp với Trung tâm quản lý thiên tai làm việc với các tỉnh và các bộ ngành liên quan.

Tháng 5 năm 2009, Nhóm làm việc liên ngành được tổ chức với các nội dung chính như sau i) Kinh nghiệm và các bài học sau 10 năm hoạt động của Đối tác Giảm nhẹ thiên tai; ii) Chuẩn bị cho giai đoạn sắp tới của Đối tác Giảm nhẹ thiên tai, và iii) Khả năng về diễn đàn thảo luận tương lai hoặc diễn đàn quốc gia cho Việt Nam về quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai

## **3. Nâng cao năng lực trong việc áp dụng cách tiếp cận tổng hợp trong quản lý thiên tai và trong việc thực hiện Đối tác Giảm nhẹ thiên tai**

- Đối tác GNTT đã tham gia hỗ trợ một loạt các cuộc họp giữa Cục QLDD và PCLB với các bộ khác, UNDP, các tổ chức phi chính phủ và cố vấn kỹ thuật của Ban thư ký ASEAN, v.v..
- Với hỗ trợ tài chính từ Đối tác GNTT, cán bộ của Cục QLDD và PCLB cộng tác chặt chẽ với Dự án QLRRTT của Ngân hàng Thế giới xây dựng kế hoạch lồng ghép QLRRTT tại các tỉnh thí điểm như Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam vào tháng 8 năm 2008.
- Giám đốc và Quản lý của Đối tác GNTT đã tham dự hội thảo về “Tăng cường khả năng chống lũ cho các hộ nghèo thuộc cụm tuyến dân cư tại An Giang” được UNDP hỗ trợ. Tóm tắt báo cáo của hội thảo được chia sẻ thông qua bản tin của Đối tác GNTT.
- Đối tác GNTT cũng tham gia vào một số cuộc họp giữa Cục QLDD và PCLB và DIPECHO cũng như nhóm đánh giá Dự án QLRRTT của Ngân hàng Thế giới.
- Đưa ra một số khuyến nghị cho báo cáo về đề xuất Sáng kiến Indônêxia – Úc của Trung tâm giảm nhẹ thiên tai Vùng và báo cáo về việc triển khai khung Hyogo do tư vấn kỹ thuật ASEAN thực hiện.
- Thực hiện các bước hỗ trợ các tỉnh xây dựng kế hoạch hành động nhằm triển khai Chiến lược quốc gia về quản lý thiên tai qua dự án của Ngân hàng thế giới

## **4. Điều phối phân bổ nguồn lực và sử dụng hiệu quả trong quản lý thiên tai**

- Tiếp tục việc xây dựng ma trận quản lý thiên tai, chương trình, dự án phòng chống và giảm nhẹ thiên tai: Phiên bản mới của ma trận được kết hợp một số chức năng mới như hoạt động trực tiếp trên trang web, giao diện tiếng Anh và hệ thống dữ liệu cập nhật. Tính đến thời điểm hiện tại, ma trận được thiết kế trên mạng tận dụng và lồng ghép ứng dụng GIS đã được hoàn tất và cài đặt trên trang web của Đối tác GNTT từ giữa tháng 9 năm 2008. Thông tin về các dự án về quản lý thiên tai được thu thập và cập nhật trong ma trận để điều phối tốt hơn các nguồn lực tại Việt Nam
- Đối tác GNTT đã cung cấp thông tin để điều phối nguồn lực cứu trợ nhân đạo cho các nạn nhân sau cơn bão số 4 và số 6 ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam và các thiên tai khác.

- Phối hợp chặt chẽ với PACCOM, WB, ADB, UNDP để điều phối nguồn lực.

#### **Về công tác quản lý**

- Cuộc họp Ban chỉ đạo Đối tác GNTT lần thứ 4 đã được tổ chức vào ngày 30 tháng 7 năm 2008 tại Hà Nội. Tại cuộc họp này, thành viên BCD và các nhà tài trợ của Đối tác GNTT đã thông qua báo cáo tiến độ của Đối tác 6 tháng đầu năm 2008 và đề xuất kế hoạch hành động cho giai đoạn còn lại của Đối tác. Ngân sách mở rộng của Đối tác GNTT cho 6 tháng từ (tháng 1 đến tháng 6 năm 2009) đã được thông qua trong cuộc họp. Biên bản cuộc họp được hoàn tất và gửi cho các bên liên quan. Các thống nhất và quyết định trong cuộc họp đã được xác định kèm với các hoạt động tiếp theo.
- Khung lô gíc chi tiết của Đối tác GNTT tính đến tháng 6 năm 2009 đã được dự thảo với các kết quả mong đợi cụ thể cùng các chỉ báo và công cụ kiểm tra.
- Một cán bộ thông tin được Đối tác GNTT tuyển dụng vào tháng 7 năm 2008 để nâng cao công tác quản lý và chia sẻ thông tin thông qua trang web của bản tin cũng như các công cụ khác.
- Đối tác GNTT với sự hỗ trợ của UNDP đã tuyển dụng một chuyên gia quốc tế bắt đầu làm việc từ tháng 8 năm 2008.
- Khung Giám sát và Đánh giá của Đối tác GNTT và Ban thư ký được hoàn tất và đang được triển khai.
- 6 tháng gia hạn của Đối tác GNTT được Chính phủ Việt Nam cùng các nhà tài trợ của Đối tác GNTT thông qua.

#### **D. KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI**

Báo cáo giữa kỳ của Đối tác GNTT thực hiện vào tháng 7/2008 đã đưa ra một số khuyến nghị cụ thể về việc nâng cao năng lực thực hiện của Đối tác GNTT trong tương lai cũng như cách thức Đối tác GNTT nên sử dụng. Theo kế hoạch làm việc 6 tháng cuối của Đối tác GNTT đã được Ban chỉ đạo phê chuẩn, Đối tác GNTT cần tiếp tục hỗ trợ Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương và Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, đặc biệt là về:

- Tiếp tục phát triển trang web và Bản tin nhằm chia sẻ thông tin về quản lý thiên tai.
- Hỗ trợ điều phối, phân bổ nguồn lực. Xây dựng ma trận về dự án quản lý thiên tai.
- Tiếp tục hỗ trợ công việc xây dựng kế hoạch hành động nhằm triển khai Chiến lược quốc gia về giảm nhẹ thiên tai tới năm 2020.
- Hỗ trợ Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và các ban ngành khác về các vấn đề về biến đổi khí hậu. Tập trung lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu vào phát triển đất nước.
- Hỗ trợ công tác xây dựng luật quản lý thiên tai, đặc biệt là thiết lập nhóm làm việc chính sách
- Góp phần nâng cao năng lực thể chế và hỗ trợ đối thoại chính sách về quản lý thiên tai thông qua việc hỗ trợ Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan trong việc đánh giá nhu cầu.



# NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỀ XÚC TIẾN DNNVV VÀ PHÁT TRIỂN KHU VỰC TƯ NHÂN (SMEPG)

**Cập nhật các hoạt động triển khai, tháng 5 năm 2009**

## **1. Tiến độ các hoạt động xúc tiến phát triển khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME/PSD) của Chính Phủ**

Với việc ban hành Nghị định Số 116/2008/ND-CP ngày 16 tháng 11 năm 2008 về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Phát triển Doanh nghiệp hiện hoạt động ở phạm vi rộng hơn về phát triển DNNVV.

Những tháng đầu năm nay, Bộ KHĐT ban hành Thông tư số 01/2009/TT-BKH về sửa đổi bổ sung Nghị định số 03/2006/TT-BKH về việc đăng ký của các hộ gia đình và là cơ sở cho Nghị định 88/2006/ND-CP về đăng ký kinh doanh (Nghị định mới thay thế Nghị định 88). Hiện nay SMEPG đang trong giai đoạn 2 về cải cách đăng ký kinh doanh, trong đó 3 qui trình đăng ký kinh doanh sẽ được hợp nhất thành một qui trình ngắn hơn và mất ít thời gian chờ đợi phê duyệt hơn cho những đối tượng muốn thành lập doanh nghiệp.

Bộ KHĐT đã trình Chính Phủ Dự thảo Nghị định mới để thay thế Nghị định 90 về phát triển DNNVV và nhận được sự đồng thuận về những chính sách và cơ chế mới trong phát triển DNNVV. Nghị định mới dự kiến sẽ sớm được ban hành. Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ đạo Bộ KHĐT dự thảo thông tư mới về triển khai các biện pháp cấp bách để hỗ trợ DNNVV trong ngữ cảnh hiện nay.

Đầu năm nay, cán bộ lãnh đạo của Nhóm đã tham gia vào các đoàn làm việc của Chính Phủ do các Bộ trưởng phụ trách để giám sát đánh giá tình hình thực hiện các gói kích cầu kinh tế và đề có cái nhìn thực tế về tình hình kinh tế địa phương. ASMED cũng tích cực lập nhiều báo cáo quan trọng trình Quốc Hội, Chính phủ và các Cơ quan hữu trách khác.

Theo Báo cáo hàng năm của Bộ KHĐT năm vừa qua về DNNVV ở Việt Nam, ASMED đang tập trung xây dựng báo cáo có chất lượng mang tên Sách trắng về DNNVV (SME White Paper). Đây là một nỗ lực phù hợp với sáng kiến Châu á về một Sách trắng về DNNVV ở Đông Nam Châu Á.

ASMED tham gia cuộc họp Nhóm công tác DNNVV Châu Á tổ chức tại Mã-lai-xi-a vào cuối tháng 5. ASMED sẽ tham gia vào cuộc họp Nhóm công tác DNNVV APEC và hội thảo 'DNNVV ở APEC và khủng hoảng tài chính toàn cầu' tổ chức tại Đài Bắc - Trung Quốc vào đầu tháng 6.

Ba dự án tài trợ được thiết lập và hoạt động: Dự án ADB Hỗ trợ Kỹ thuật cho Chương trình Phát triển DNNVV - Khoản vốn vay 2, Dự án UNIDO/Na Uy Hỗ trợ kỹ thuật về Cải cách Đăng ký Kinh doanh và Dự án UNIDO/Ý về Phát triển bộ phận DNNVV.

## **2. Tiến độ các hoạt động xúc tiến DNNVV/Phát triển khu vực tư nhân do các nhà tài trợ thực hiện**

Do chưa tổ chức cuộc họp SMEPG nào trong 6 tháng qua, tuy nhiên, phần này đã được

lồng ghép vào các phản hồi của cá tổ chức/dự án trong lĩnh vực DNNVV.

**Chương trình Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp của Danida** bao gồm các hoạt động thuộc 05 hợp phần.

Hợp phần 1: Cải thiện môi trường kinh doanh tiếp tục triển khai các hoạt động ở các tỉnh Lâm Đồng, Khánh Hoà và Nghệ An. Do tỉnh Hà Tây sát nhập với Hà Nội nên không còn triển khai nhiều hoạt động ở Hà Nội nữa. Ngoài ra còn hỗ trợ cho ASMED (bây giờ là EDA) để xây dựng Nghị định mới về phát triển DNNVV, nghị định mới sẽ thay thế nghị định 90. Các hoạt động của hợp phần tập trung vào cải cách khung pháp lý và đơn giản hoá các thủ tục hành chính, đào tạo và toạ đàm khu vực tư nhân và khu vực công.

Hợp phần 2: Cải thiện điều kiện lao động, do Bộ LĐTB&XH, VGCL và VCCI thực hiện, tiếp tục các chương trình nhằm cải thiện an toàn và sức khoẻ lao động (OHS) ở các doanh nghiệp nhỏ. Đồng thời hỗ trợ Tuần An toàn và Sức Khỏe lao động Quốc gia. Chương trình do VCCI thực hiện sẽ hướng đến các vấn đề HIV/AIDS trong các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và hiệp hội để xây dựng những chính sách và giảm thiểu nhiễm bệnh tại nơi làm việc.

Hợp phần 3: Quỹ Cạnh tranh Toàn cầu: vừa tiến hành đánh giá và kết quả cho thấy GCF được triển khai thành công ở Việt Nam góp phần cải thiện khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Sau sự khởi đầu không mấy thuận lợi, Quỹ đã thu hút được nhiều nhà đầu tư có hướng nghiệp và sáng kiến tiềm năng. Đặc biệt tại các tỉnh thuộc Chương trình, Quỹ đã giúp kết hợp các dịch vụ kinh doanh mới tại các doanh nghiệp địa phương và thể hiện sự quan tâm của các nhóm mục tiêu đối với các hoạt động doanh nghiệp thông qua BAs để tăng cường.

Hợp phần 4: Hỗ trợ giải quyết tranh chấp thương mại: tiếp tục với các hoạt động xây dựng năng lực cho Toà án Nhân dân Tối cao và Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (trực thuộc VCCI). Tiếp tục hỗ trợ Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (Hợp phần 5), là đơn vị sẽ công bố về Điều tra DNNVV và Điều tra Hộ gia đình theo luôn phiên năm.

Giai đoạn hiện tại của chương trình sẽ triển khai đến cuối năm 2010 và sau đó giai đoạn 2 và là giai đoạn cuối cùng của Chương trình Hỗ trợ Phát triển doanh nghiệp sẽ được triển khai trong thời gian từ 2011-13.

**Chương trình Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Đức** kết thúc vào ngày 30 tháng 4 sau 4 năm triển khai thực hiện, do Hợp tác Phát triển Đức quyết định rút khỏi hoạt động Phát triển Khu vực tư nhân tại Việt Nam. Các ấn phẩm liên quan đến Chương trình có thể xem tại trang điện tử [www.sme-gtz.org.vn](http://www.sme-gtz.org.vn)

Tại Việt Nam, các **Dịch vụ tư vấn IFC** được triển khai với sự hợp tác với các đối tác Úc, Ca-na-da, Phần Lan, Ai-xơ-len, Nhật Bản, Niu-zi-lon, Hà Lan, Na Uy, Thụy Điển và Thụy Sĩ.

**Tại cấp tỉnh:** IFC hỗ trợ các cơ quan địa phương ở các tỉnh Bắc Ninh và Thừa Thiên Huế (sau này liên kết với EU VPSSP) về cải cách quản lý đất đai. Trong 6 tháng vừa qua cho thấy dự án thiết kế một qui trình giản đơn trong việc tiếp cận quỹ đất trong mỗi liên

kết với phê duyệt đầu tư, lựa chọn địa điểm, giải toả môi trường, giấy cấp đất và giấy phép xây dựng. Thiết kế này dựa trên những phát hiện từ các quá trình lập bản đồ và chuẩn đoán ở giai đoạn trước đó và được kết lại thành những đề xuất đơn giản phù hợp với từng tỉnh. Đơn giản hoá các thủ tục tiếp cận đất đai góp phần giảm thiểu sự trùng lặp trong khâu thủ tục do được cắt giảm khoảng 30 loại thủ tục theo yêu cầu (từ 60 loại thủ tục) và giảm 20 số lần các nhà đầu tư phải đến các cơ quan công quyền (trước đây là gần 40 lần). Đồng thời, cần tăng cường điều phối liên ngành, áp dụng các phương thức phù hợp như giao dịch một cửa (Chỉ một điểm tiếp nhận), và giảm một nửa số thời gian mà các nhà đầu tư phải bỏ ra để đi làm thủ tục (hiện trung bình khoảng 400 ngày).

Tháng 7 năm 2008, IFC ký Biên bản Thỏa thuận với Tổng cục Thuế, trong đó xác định những hoạt động và vai trò của các bên trong dự án đơn giản hoá các thủ tục thuế. Tháng 10/2008, các đơn vị quản lý thuế và các nhà hoạch định chính sách đã giới thiệu **thuế suất hiệu quả biên (METR)** và phân tích về METR của Việt Nam là yếu tố tác động đến chính sách thuế trên vốn. Một số những đề xuất sau này cũng được Tổng cục và Bộ Tài chính tiếp nhận. Bên cạnh đó, IFC và Tổng cục Thuế bắt đầu hợp tác toàn diện để lập biểu đồ các thủ tục hành chính thuế hiện tại và đánh giá tất cả các loại phí và lệ phí từ trung ương tới các ngành. Các biểu đồ quá trình chi tiết của 37 cấp và bản kê đầu tiên các loại phí và lệ phí đã được xây dựng.

**Cấp trung ương:** Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục vai trò hỗ trợ cho quá trình phát triển khu vực tư nhân tại Việt Nam thông qua những đóng góp và khuyến nghị đối với một số luật định và qui định quan trọng. Một số kết quả nổi bật gần đây gồm:

- Một hệ thống quản lý tỷ giá linh hoạt hơn (biên độ FX nới rộng từ 1% đến 3%),
- Nâng cao nhận thức về quản trị doanh nghiệp và quy tắc thị trường thông qua phương pháp mới về công bố hình thức phạt vi phạm và mức phạt nặng hơn
- Ban hành các quy định về giao dịch OTC theo hướng tổ chức và quy định chặt chẽ về thị trường OTC.
- Hoàn thiện và ban hành Chiến lược marketing đối với ngành Du lịch Việt Nam
- Cấp giấy phép cho ba thành viên tập đoàn ngân hàng thiết lập mạng lưới của họ tại Việt Nam, tiến hành những nỗ lực quảng bá WG để đẩy nhanh tiến độ cấp giấy phép. Khi ba công ty con này đi vào hoạt động sẽ có mức đầu tư ít nhất US\$ 180 triệu đô la Mỹ (1 nghìn tỷ đồng một công ty con) vào Việt Nam.

Là một thành viên của Hội đồng Tư vấn Cải cách thủ tục Hành chính (ACAPR), IFC đã tiến hành rà soát 2.569 loại giấy tờ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, trên cơ sở danh mục do Nhóm Công tác Đặc biệt của Dự án cung cấp. Việc rà soát tập trung vào đầu tư, đất đai, tài chính và xây dựng. Ngoài ra, những phát hiện từ quá trình lập biểu đồ tất cả những lần tiếp cận để giải quyết các thủ tục về đất đai ở tỉnh Bắc Ninh cũng được báo cáo bởi Hội đồng Tư vấn.

**Việc làm tốt hơn IFC/ILO:** Chương trình Việc làm Tốt hơn tại Việt Nam được chính thức triển khai từ tháng 10/08. Cùng thời điểm, IFC và ILO chủ toạ cuộc họp đầu tiên của Diễn đàn Người mua, qua đây 17 chi nhánh quốc tế bày tỏ cam kết đối với Việt làm Tốt hơn Việt Nam và sứ mệnh của Chương trình. Dự án này hỗ trợ hợp tác giữa người lao động và người quản lý hướng tới cải thiện các điều kiện tại nơi làm việc, năng suất và tuân thủ các tiêu chuẩn lao động quốc tế. Lợi ích đối với các doanh nghiệp sản xuất có thể mong đợi từ việc cải thiện thông tin với người mua về các tiêu chuẩn lao động, giảm chi phí thông qua giảm thiểu các công việc kiểm toán và các chương trình cải thiện khác,

và tiếp cận tới các dịch vụ đào tạo và tư vấn trong nước. BWV trước tiên sẽ hướng mục tiêu vào ngành may mặc tại khu vực TP.HCM và sẽ mở rộng ra các địa bàn và ngành khác trong năm thứ ba của dự án. Dự án đang trong giai đoạn thiết lập văn phòng và tuyển dụng cán bộ. Biên bản ghi nhớ về thiết lập Ban Tư vấn Dự án được ký giữa ILO, IFC, MOLISA, VGCL và VCCI trong tháng 5 năm 2009.

**ILO** hỗ trợ kỹ thuật trong khu vực DNNVV thông qua các dự án sau:

a) Dự án **PRISED** (VCCI/ILO) sẽ kết thúc vào tháng 9 năm 2009 sau 4 năm triển khai thực hiện. Trong 6 tháng vừa qua, PRISED tiếp tục hỗ trợ đào tạo các doanh nghiệp tiềm năng, nâng cấp hai chuỗi giá trị, tăng cường các hiệp hội doanh nghiệp và đào tạo các cán bộ địa phương trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Nỗ lực cuối cùng của PRISED trong việc khuấy động văn hoá doanh nghiệp là tiến hành một chiến dịch marketing xã hội sẽ được triển khai ở Trà Vinh. Chiến dịch nhằm nâng cao giá trị các doanh nghiệp và đóng góp của khu vực DNNVV vào nền kinh tế địa phương. Dự án còn thiết lập các diễn đàn nhằm tăng cường đối thoại và hợp tác giữa khu vực công và khu vực tư nhân.

b) ILO vừa bắt đầu triển khai dự án **WEDGE** (Phát triển Doanh nhân nữ và Bình đẳng Giới). Dự án hướng tới mục tiêu i) cải thiện môi trường hoạt động cho các doanh nhân nữ, ii) nâng cao năng lực của các nhà cung cấp dịch vụ phát triển doanh nghiệp giúp cung cấp các dịch vụ tới các doanh nhân nữ, và iii) nâng cao năng lực tạo thu nhập, năng suất và cạnh tranh của các doanh nhân nữ.

c) Từ tháng 11 năm 2008, ILO và MOLISA sẽ phối hợp nhằm nâng cao sản lượng và tính cạnh tranh của các DNNVV thông qua cải tiến An toàn nghề nghiệp và Sức khoẻ. Họ cũng đã hợp tác tiến hành thử nghiệm Đào tạo Giảng viên về **WISE** - Cải thiện hoạt động cho các Doanh nghiệp Nhỏ và các hoạt động tiếp theo ở ba vùng trong cả nước. Một mạng lưới với 98 giảng viên WISE được thiết lập tại 18 tỉnh thành phố. ILO và MOLISA có kế hoạch mở rộng chương trình WISE tới nhiều doanh nghiệp hơn và ở nhiều tỉnh trong vài năm tới và sẽ sử dụng tối ưu mạng lưới giảng viên WISE hiện có.

d) ILO và VCCI tiếp tục triển khai **Chương trình Cải tiến Nhà máy (FIP)** nhằm mục đích tăng cường tính cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua thúc đẩy trao đổi thông tin tại nơi làm việc.

Ngoài ra, ILO triển khai các dự án liên quan đến các hoạt động tạo thu nhập và tài chính nhỏ đối với các nhóm rủi ro (thanh niên, người tàn tật, và các hộ gia đình nghèo) với các đối tác tham gia như VCCI, VCA, VGCL và MolISA.

Với sự phối hợp với Khu vực doanh nghiệp Nhật bản tại Việt Nam, **JICA** đang hỗ trợ phát triển công nghiệp từ các quan điểm khác nhau như 'chính sách', 'phát triển nguồn nhân lực công nghiệp', 'hỗ trợ kỹ thuật' và 'tài chính DNNVV'. Ví dụ, một tư vấn chính sách DNNVV hiện đang làm việc về cách thức triển khai hiệu quả Nghị định 90 sắp ban hành với Cục Phát triển Doanh nghiệp (EDA); Các chuyên gia/tình nguyện viên của Nhật đã giảng dạy nhiều khoá đào tạo kỹ thuật và kinh doanh và cung cấp tư vấn tại chỗ; một số dự án hỗ trợ kỹ thuật về xây dựng năng lực được dự kiến cho các trường học công nghiệp và các tổ chức liên quan; Khoản vay hai bước DNNVV đang được triển khai cho các DNNVV địa phương thông qua Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại.

JICA cũng đang giữ vai trò chủ đạo trong PRSC 8 và một kế hoạch hành động được xây dựng với mục đích cải thiện các quy định và điều phối sự phát triển của DNNVV. Tiếp theo kế hoạch hành động, Cục phát triển doanh nghiệp đang điều phối việc rà soát và chỉnh sửa Nghị định 90 và cải thiện hệ thống bảo lãnh tín dụng DNNVV bên cạnh thực tế là Bộ CT bày tỏ mong muốn thực hiện sáng kiến của Bộ để thúc đẩy SI.

**Chương trình Hỗ trợ Khu vực tư nhân Việt Nam (VPSSP) - MPI/EU** đã chính thức kết thúc vào cuối tháng 12 năm 2008.

**KfW** hiện đang hỗ trợ xúc tiến DNNVV, đặc biệt là chứng khoán hoá các khoản phải thu cho thuê tài chính trong khuôn khổ Chương trình Vốn vay Phát triển DNNVV (SDPL). Cam kết của KfW sẽ kết thúc qua việc kết thúc giai đoạn 1 trong năm 2009.

Dự án **UNIDO** "Hỗ trợ thiết lập Hạ tầng hỗ trợ DNNVV cấp trung ương và địa phương" kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2008. Tại cấp tỉnh, 04 Phòng giao dịch một cửa (FSS) đã đi vào hoạt động ổn định. Các phòng giao dịch này được triển khai ở Thái Nguyên, Lào Cai, Bình Thuận và Quảng Bình. Trang FSS trở thành một công cụ hữu hiệu hỗ trợ các doanh nghiệp tại các tỉnh. Giai đoạn 2 của dự án với tiêu đề "Phát triển cụm DNNVV", do Chính phủ Ý tài trợ sẽ đã được khởi xướng vào ngày 21 tháng 1, 2009.

Dự án "Hỗ trợ kỹ thuật Cải cách đăng ký Kinh doanh", do Chính phủ Na Uy và UNIDO tài trợ, đang được triển khai theo kế hoạch. Hệ thống vi tính hoá đăng ký kinh doanh trên toàn quốc và kết nối tới 63 tỉnh thành được kỳ vọng sẽ được hoàn thiện vào tháng 2 năm 2010. Bản sửa đổi Nghị định 90 về phát triển DNNVV đã hoàn thiện với sự trợ giúp của UNIDO. Nghị định này đã được trình Thủ tướng Chính phủ và sẽ sớm được ban hành. Cổng thông tin thương mại của Cục phát triển Doanh nghiệp thường xuyên được cập nhật.

Một dự án của GEF đang trong giai đoạn chuẩn bị, Dự án này sẽ hỗ trợ các DNNVV triển khai các biện pháp tiết kiệm và hiệu quả năng lượng thông qua tối ưu hoá hệ thống và các tiêu chuẩn quản lý năng lượng. Dự án này mới được khởi động bởi Bộ CT và UNIDO trong tháng 5 năm 2009.

Dự án **USAID/VNCI** hoàn thành Giai đoạn I vào 30 tháng 12 năm 2008. Giai đoạn II bắt đầu vào tháng 10 năm 2008, Dự án sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho các Bộ, tỉnh và các tổ chức khu vực tư nhân đến hết tháng 2 năm 2013. VNCI tiếp tục triển khai các hoạt động về quản lý pháp chế, phát triển và đầu tư hạ tầng cơ sở, cạnh tranh cấp tỉnh và quảng bá chính sách. VNCI kết hợp với OOG nhằm hỗ trợ Kế hoạch Tổng thể do Thủ Tướng chính phủ ký duyệt với mục tiêu đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước từ 2007 đến 2010 ở 21 Bộ, 63 tỉnh thành và trên 700 huyện và 10.000 xã. OOG phối hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách và Bảo hiểm xã hội do đây là những chủ thể chính thực hiện chương trình cứu trợ kinh tế và các chương trình về việc làm. USAID/VNCI còn điều phối hoạt động với sự tham gia của các nhà tài trợ khác trong hoạt động cải cách theo yêu cầu của OOG. Một khía cạnh quan trọng khác của Chương trình quản lý pháp chế của VNCI là một chương trình phối hợp với Bộ CT và các cơ quan chính quyền khác để xây dựng năng lực đánh giá tác động chính sách liên quan đến các điều khoản mới đưa vào trong Luật (tháng 11 2008), do hoạt động này yêu cầu phải tiến hành tham vấn công chúng và đánh giá tác động của tất cả các luật định, nghị định và thông tư. Ngoài ra, VNCI kết hợp với Bộ KHĐT và các cơ quan và các tỉnh

nhằm tăng cường đầu tư và phát triển hạ tầng cơ sở thông qua hỗ trợ tư vấn về luật và chính sách cho các cơ chế hợp tác công tư và trái phiếu qua việc cân đối các khoản nợ và thị trường chứng khoán nhằm đáp ứng nhu cầu khoảng trên 200 tỉ đô la Mỹ cho các yêu cầu về hạ tầng cơ sở để có thể duy trì tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững ở các vùng nông thôn và các tỉnh miền núi. PCI 2008 đã được VCCI và VNCI khởi động vào ngày 11 tháng 12 năm 2008 tại Hà Nội và ngày 12 tháng 12 năm 2008 tại TP.HCM với mức xếp hạng mới nhất và những đánh giá về hiệu quả chính sách và thể chế cho môi trường kinh doanh ở 64 tỉnh thành. VNCI và VCCI đã tiến hành hội thảo ở 40 tỉnh nhằm tăng cường quản lý điều hành kinh tế dựa trên những phân tích của PCI nhằm cải thiện tính cạnh tranh trong hoạt động kinh tế và kinh tế.

### **3. Một số sáng kiến chung của các nhà tài trợ**

**Chương trình kết hợp của UN về Sản xuất và thương mại xanh nhằm cải thiện cơ hội tạo thu nhập và việc làm ở vùng nông thôn nghèo** tại 4 tỉnh phía Bắc đã được xây dựng bởi ILO, UNIDO, FAO, ITC, UNCTAD cùng với VIETRADE (MOIT) và VIETCRAFT. Văn kiện Dự án được hoàn thiện vào ngày 10 tháng 5 năm 2009 và được gửi tới các nhà tài trợ để phê duyệt chính thức. Chương trình sẽ hướng đạt được mục tiêu a) nâng cao hiểu biết và nhận thức về nghề thủ công và các chuỗi giá trị của đồ gia dụng nhỏ; b) cải thiện thu nhập bền vững cho các thợ thủ công và những người trồng/thu lượm nguyên liệu thô cho sản xuất đồ gia dụng nhỏ; c) cải thiện thu nhập bền vững cho thợ thủ công nghèo vùng nông thôn và các hộ và doanh nghiệp sản xuất đồ gia dụng nhỏ; và d) tăng cường khung chính sách và thể chế cấp trung ương và địa phương nhằm thúc đẩy quá trình xoá đói nghèo thông qua nghề đan thủ công và sản xuất đồ gia dụng nhỏ.

Qua **Chương trình phối hợp về Bình đẳng giới** giữa Chính phủ và UN (được Chính phủ phê chuẩn ngày 19 tháng 3 năm 2009), ILO và UNIDO cùng với Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam xúc tiến tăng cường quyền quyết định kinh tế cho phụ nữ. Một số hoạt động chính bao gồm: i) hỗ trợ tăng cường hợp tác giữa VCCI, các cơ quan chính phủ và các tác nhân chính trị và dân sự để xây dựng các cơ chế thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nữ phù hợp với GEL; ii) Hỗ trợ doanh nghiệp nữ và hoạt động mạng lưới từ cấp cơ sở và những nỗ lực quảng bá nhằm thúc đẩy các tổ chức quản chúng và các cơ quan chính phủ tăng cường hoạt động về các chính sách tăng cường quyền quyết định kinh tế cho phụ nữ

# NHÓM ĐỐI TÁC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Tháng 6 năm 2009

## 1. Đánh giá Đối tác

### 1.1. Hiện trạng của nhóm đối tác

Kể từ khi được thành lập tháng 7 năm 2000 đến nay, nhóm đối tác đã cùng cố thông tin và kinh nghiệm về các dự án và chương trình trong ngành giao thông vận tải nhằm khuyến khích liên kết hỗ trợ và cải thiện tính hiệu quả của viện trợ. Nhóm đối tác hiện đang hướng tới là một diễn đàn để thảo luận tích cực về các vấn đề của ngành và phối hợp xây dựng chính sách. Ngoài ra, cuộc thảo luận tiếp theo về “tái cơ cấu Cục Đường bộ Việt Nam”, “Quản lý bảo dưỡng cầu, đường”, “An toàn giao thông” và “Chiến lược phát triển đường cao tốc”, “Hành lang kinh tế tiểu vùng Mêkông mở rộng” và dự thảo báo cáo cuối cùng của “VITRANSS 2” đã diễn ra tại hội nghị nhóm đối tác giao thông vận tải lần thứ 18.

### 1.2. Cơ cấu của nhóm đối tác

Trong những năm trước, Bộ Giao thông vận tải và JBIC đã đồng chủ tọa các hội nghị nhóm đối tác với các bên tham gia từ các cơ quan trực thuộc của Bộ Giao thông vận tải và các nhà tài trợ đầu tư cho ngành như ADB, AusAID, DfID, JICA và WB. KEXIM tham gia kể từ Hội nghị nhóm đối tác giao thông vận tải lần thứ 18. Các hội nghị nhóm đối tác được tổ chức một năm hai lần trước Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ hoặc trước cuộc họp giữa kỳ của nhóm tư vấn các nhà tài trợ.

## 2. Kết quả đạt được của nhóm đối tác trong 6 tháng đầu năm 2009

### 2.1. Hội nghị nhóm đối tác giao thông vận tải lần thứ 18

Hội nghị nhóm đối tác giao thông vận tải lần thứ 18 được tổ chức ngày 26 tháng 5 năm 2009. Hội nghị tập trung chủ yếu vào 4 vấn đề sau: (i) “Tăng cường năng lực cho Cục Đường bộ Việt Nam” để tiếp tục tái cơ cấu thể chế của Cục Đường bộ Việt Nam và thông báo tiến bộ đạt được trong việc thành lập quỹ bảo dưỡng đường và kết quả nghiên cứu về hệ thống bảo dưỡng đường do JICA hỗ trợ, (ii) “An toàn giao thông” nhằm báo cáo những tiến bộ đạt được trong việc lập Quy hoạch tổng thể và các hoạt động dự án do các nhà tài trợ hỗ trợ, và (iii) “Chiến lược phát triển đường cao tốc” để thông tin về tiến độ thực hiện phát triển đường cao tốc của Bộ Giao thông vận tải. Dự thảo báo cáo cuối cùng của VITRANSS2 và (iv) kinh nghiệm của ADB trong hỗ trợ “Phát triển hành lang kinh tế tiểu vùng Mêkông mở rộng chú trọng và giao thông vận tải xuyên biên giới”. Cuối cùng JICA thông báo tiến hành một nghiên cứu tập trung vào cơ chế đối tác chiến lược trong ngành giao thông vận tải để thực hiện giám sát độc lập Tuyên bố Hà Nội.

### 2.2. Tiến độ của nhóm đối tác và hỗ trợ thực hiện KHPTKTXH

#### (1) Tăng cường năng lực cho Cục Đường bộ Việt Nam

Theo Nghị định 51/2008/NĐ-CP, Cục Đường bộ Việt Nam được nâng cấp thành Tổng Cục đường bộ (GRA). Trong quá trình tái cơ cấu Cục Đường bộ Việt Nam, một số Ban Quản lý dự án thuộc Bộ Giao thông vận tải (PMU18, PMU5, PMU9 và PMU Biển Đông) được chuyển sang Cục Đường bộ Việt Nam từ năm 2008. Dự thảo quyết định chính thức về chức năng của GRA bao gồm thành lập các Cục, vụ mới thuộc GRA đã được trình lên

Thủ tướng Chính phủ và được đăng tải trên trang web của Văn phòng Chính phủ (VPCP) để lấy ý kiến nhân dân. Theo cơ cấu mới do Cục Đường bộ Việt Nam đề xuất, GRA gồm 8 Cục, Vụ, 4 Ban quản lý đường bộ khu vực (2, 4, 5 và 7), 4 trường kỹ thuật giao thông vận tải, 1 nhà xuất bản Tạp chí đường bộ và 5 Ban Quản lý dự án (2, 4, 5, 6 và 7). Một số Cục, Vụ sẽ được thành lập mới, đó là Cục An toàn giao thông, Phòng Quản lý xây dựng, vv...

Cục Đường bộ Việt Nam đã soạn thảo một đề xuất chính thức về thực hiện quỹ bảo dưỡng đường, quỹ này được thành lập theo Luật Đường bộ mới được phê duyệt tháng 11 năm 2008 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2009. DfID yêu cầu Cục Đường bộ Việt Nam xây dựng kế hoạch khả thi lập và phê duyệt cơ chế quản lý quỹ bảo dưỡng đường có tham vấn chặt chẽ các cơ quan liên quan và không đưa ra kết luận vội vàng về vấn đề này. Các thành viên nhóm đối tác kiến nghị Cục Đường bộ Việt Nam tiếp tục nỗ lực soạn thảo đề xuất thực hiện quỹ bảo dưỡng đường một cách cẩn thận với sự hợp tác chặt chẽ với các cơ quan liên quan đặc biệt là Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính.

Tại Hội nghị nhóm đối tác giao thông vận tải lần thứ 18, Cục Đường bộ Việt Nam và nhóm JICA SAPI-2 đã thông báo kết quả nghiên cứu thiết lập quản lý và bảo dưỡng cầu, đường bền vững. Nhóm SAPI-2 kết luận rằng HDM 4 hiện nay là phần mềm thích hợp cho mô đun quy hoạch bảo dưỡng đường so với phần mềm ROSY PLAN hiện hành, ROSY PLAN đòi hỏi phải nâng cấp và bảo dưỡng đường lớn để chạy được chương trình. ROSY Base sẽ tiếp tục được sử dụng làm cơ sở dữ liệu về cơ sở hạ tầng đường bộ để HDM 4 quy hoạch, chức năng của HDM 4 không có trong cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, cần tiếp tục cải tiến cơ sở dữ liệu ROSY Base để vận hành HDM 4 trôi chảy và chính xác. Về kiến nghị của SAPI-2, Cục Đường bộ Việt Nam sẽ cố gắng tạo thuận lợi cho quá trình cấp phép cho các phần mềm được chọn cho quản lý cầu, đường và củng cố mối liên kết giữa quy hoạch bảo dưỡng đường và hệ thống ngân sách nhằm đảm bảo ngân sách bảo dưỡng phù hợp. JICA thừa nhận tầm quan trọng của việc lập kế hoạch ngân sách phù hợp cho bảo dưỡng đường ở cấp quốc gia. Tuy nhiên, JICA cũng thừa nhận tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực bảo dưỡng đường ở cấp địa phương, như Khu Quản lý đường bộ khu vực (RRMU) hoặc Trung tâm kỹ thuật đường bộ (RTC) trong việc kiểm tra điều kiện đường, nhập số liệu vào một hệ thống đơn giản, sử dụng hệ thống đó cho công việc hàng ngày của RRMU và RTC như chẩn đoán điều kiện đường và lựa chọn phương pháp sửa chữa phù hợp. JICA bày tỏ sẵn sàng thảo luận với Cục Đường bộ Việt Nam về hợp tác kỹ thuật trong nâng cao năng lực ở cấp địa phương. DfID đã chia sẻ kinh nghiệm hỗ trợ cho bảo dưỡng và quản lý đường nông thôn và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc Chính phủ và các nhà tài trợ cần thống nhất về một giải pháp kỹ thuật bền vững cho hệ thống bảo dưỡng đường nông thôn.

## **(2) An toàn giao thông**

Tại hội nghị lần thứ 18, Cục An toàn giao thông mới được thành lập thuộc Bộ Giao thông vận tải đã chia sẻ những thách thức mới về tăng cường năng lực trong lĩnh vực an toàn giao thông, đặc biệt về khung luật pháp và xây dựng năng lực thể chế. NSTC thông báo những nội dung của dự thảo báo cáo cuối cùng của nghiên cứu Quy hoạch tổng thể An toàn giao thông ở Việt Nam, quy hoạch này được tiến hành từ tháng 8/2007. NTSC thông báo tiến bộ chung trong lĩnh vực an toàn giao thông. Tại cuộc họp này, NTSC đã nhắc lại tầm quan trọng của việc 1) củng cố năng lực thể chế của NTSC, 2) bố trí đủ cán bộ chuyên trách cho NTSC để thực hiện dự án suôn sẻ và 3) tăng cường năng lực cho Cục



An toàn giao thông mới được thành lập trong Bộ Giao thông vận tải'. JICA nhắc nhở tầm quan trọng của việc 1) sớm phê duyệt Quy hoạch tổng thể An toàn giao thông quốc gia, 2) cải tiến tổ chức của NTSC, có nghĩa là nâng cấp địa vị hiện nay lên dưới quyền của Phó Thủ tướng Chính phủ và 3) sự tham gia của khu vực nhà nước/tư nhân trong việc xây dựng văn hóa an toàn giao thông. Nhóm đối tác khẳng định sự cần thiết phải sớm phê duyệt Quy hoạch tổng thể An toàn giao thông dựa trên đề xuất của nghiên cứu phát triển của JICA.

### **(3) Chiến lược phát triển đường cao tốc**

Tại hội nghị lần thứ 18, Bộ Giao thông vận tải đã cập nhật tiến độ thực hiện các dự án hiện nay và kế hoạch cho các tuyến đường ưu tiên tiếp theo trong tương lai gần. Có 9 tuyến đường đang được thực hiện, đó là Hà Nội – Hải Phòng, Cầu Giẽ – Ninh Bình, Hà Nội – Thái Nguyên, Hà Nội – Lào Cai, TP HCM – Long Thành - Dầu Giây, TP HCM – Trung Lương, Trung Lương – Mỹ Thuận – Cần Thơ, Biên Hòa – Vũng Tàu, và Láng – Hòa Lạc, với chiều dài 743km chiếm khoảng 1/3 tổng chiều dài 2.100km của mạng lưới đường cao tốc. Những dự án này dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động vào năm 2015. Các dự án tiềm năng khác được đưa vào danh mục PPTA của ADB gồm có Hà Nội – Lạng Sơn, Hạ Long – Móng Cái, Bến Lức – Long Thành, hoặc được WB và JICA nghiên cứu là Đà Nẵng – Quảng Ngãi. Bộ Giao thông vận tải đã tìm kiếm nhiều nguồn đầu tư không chỉ hạn chế ở vốn ODA mà cả các quỹ đầu tư trong nước và tư nhân, đặc biệt cho đoạn Ninh Bình – Thanh Hoá, Dầu Giây – Phan Thiết, Dầu Giây – Đà Lạt. Quy hoạch tổng thể phát triển đường cao tốc đã được trình lên Thủ tướng Chính phủ từ tháng 4/2008, xác định chiến lược có mạng lưới tổng 5.753 km đường cao tốc trên toàn quốc và đến năm 2020 sẽ phát triển 2.639km đường cao tốc. Về phân ranh giới giữa các cơ quan liên quan về phát triển đường cao tốc, có nghĩa là VEC (Tổng công ty đường cao tốc Việt Nam) và Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải dự định soạn thảo một khung phát triển và bảo dưỡng đường cao tốc phù hợp dựa trên kinh nghiệm của các nước láng giềng và đặc biệt quan tâm tới quyền sở hữu và quản lý tài sản đường cao tốc.

Bộ Giao thông vận tải và các nhà tài trợ liên quan tái khẳng định tầm quan trọng của những ý kiến phản hồi từ VITRANSS 2 về tăng cường ưu tiên của họ. JICA bày tỏ sẵn sàng hỗ trợ cho 1) Nhà ga 2 sân bay quốc tế Nội Bài, 2) Cảng biển Lạch Huyện và 3) Đường cao tốc Bắc Nam theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và theo ưu tiên của VITRANSS 2. Nhóm đối tác khẳng định sự cần thiết phải sắp xếp hỗ trợ của các nhà tài trợ cho kế hoạch phát triển đường cao tốc của Bộ Giao thông vận tải nhằm tránh trùng lặp trong viện trợ và không nhất quán trong phát triển toàn diện đường cao tốc ở Việt Nam.

### **(4) Hành lang kinh tế tiểu vùng Mêkông mở rộng (Hiệp định giao thông vận tải xuyên biên giới)**

Khi liên kết đường bộ khu vực được phát triển thông qua các hành lang giao thông thì tầm quan trọng của các “khía cạnh mềm”, có nghĩa là tạo thuận lợi dễ dàng cho việc lưu thông hành khách và hàng hóa được chú trọng. Tại cuộc họp, ADB đã chia sẻ kinh nghiệm hỗ trợ các nước Tiểu vùng Mêkông mở rộng trong việc phát triển và thực hiện hiệp định giao thông vận tải xuyên biên giới Tiểu vùng Mêkông mở rộng (CBTA), bao gồm hiệp định khung và 20 phụ lục và nghị định thư. Mục đích cuối cùng của CBTA Tiểu vùng Mêkông mở rộng là đưa vào các SSI/SWI (điểm kiểm tra một cửa một dấu) tại các trạm kiểm soát ở biên giới của các cơ quan chức năng (hải quan, xuất nhập cảnh và kiểm dịch cũng như công an, vv...) của hai nước. Việc Việt Nam và Campuchia gần đây công nhận quyền đi lại tại trạm kiểm soát Mộc Bài – Bavet trong hiệp định song phương đã tạo ra sự khởi đầu tốt, và ngày 11/6 trên hành lang Đông-Tây, Thái Lan, Lào,

Campuchia và Việt Nam sẽ bắt đầu thực hiện CBTA về công nhận quyền đi lại và áp dụng Hệ thống quá cảnh hải quan.

**Kế hoạch hoạt động trong 6 tháng cuối năm 2009 với các mốc quan trọng**

**(1) Tái cơ cấu thể chế của Cục Đường bộ Việt Nam**

- ✓ Cục Đường bộ Việt Nam sẽ phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch thực hiện quỹ bảo dưỡng đường bộ vào cuối năm 2009.
- ✓ Cục Đường bộ Việt Nam sẽ cố gắng giữ vai trò chủ đạo để tất cả các dự án quy hoạch, thực hiện và bảo dưỡng của Cục Đường bộ Việt Nam được thực hiện trôi chảy. Để đảm bảo kinh phí cho bảo dưỡng và đầu tư mới, Bộ Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam sẽ cố gắng phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính. Các nhà tài trợ sẽ hỗ trợ nỗ lực này của Bộ Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam.
- ✓ Cục Đường bộ Việt Nam sẽ cố gắng tạo thuận lợi cho quá trình cấp phép cho các phần mềm được chọn cho quản lý cầu, đường và củng cố mối liên kết giữa quy hoạch bảo dưỡng đường và hệ thống ngân sách nhằm đảm bảo ngân sách phù hợp cho bảo dưỡng. Các nhà tài trợ sẽ tiếp tục hỗ trợ Cục Đường bộ Việt Nam cho các hoạt động tăng cường năng lực cần thiết.

**(2) An toàn giao thông**

- ✓ NTSC và TSPMU sẽ cố gắng tạo thuận lợi cho quy trình phê duyệt Quy hoạch tổng thể An toàn giao thông quốc gia dựa trên những gợi ý từ nghiên cứu phát triển của JICA.
- ✓ NTSC và TSPMU sẽ nỗ lực củng cố năng lực/chức năng chỉ đạo và điều phối trong lĩnh vực an toàn giao thông nhằm sắp xếp và huy động nguồn lực từ nhiều bên liên quan cũng như hỗ trợ của các nhà tài trợ. Các nhà tài trợ phối hợp chặt chẽ với nhau sẽ hỗ trợ nỗ lực này.

**(3) Chiến lược phát triển đường cao tốc**

- ✓ Bộ Giao thông vận tải sẽ đóng vai trò chủ đạo trong việc sắp xếp một số nguồn lực nhằm đổi đa hóa hiệu quả đầu tư và nguồn lực từ phía chính phủ, các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân và các nhà tài trợ.
- ✓ Bộ Giao thông vận tải và các nhà tài trợ sẽ tiếp tục nỗ lực duy trì đối thoại với nhau và soạn thảo một “Kế hoạch phát triển đường cao tốc toàn diện”. Các thành viên nhóm đối tác sẽ tiếp tục chia sẻ ý kiến phản hồi với VITRANSS 2.

## Phụ lục

### CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI Ở VIỆT NAM NHÓM ĐỐI TÁC GIAO THÔNG VẬN TẢI

DỰ ÁN	NHÀ TÀI TRỢ	HIỆN TRẠNG	THỜI GIAN	NGƯỜI LIÊN LẠC
Nâng cấp đường	ADB	Đã hoàn thành	1993-2001	
Cảng Sài Gòn	ADB	Đã hoàn thành	1994-2001	
Nâng cấp đường giai đoạn II	ADB	Đã hoàn thành	1997-2003	
Nâng cấp đường giai đoạn III (bao gồm thực hiện Chính sách Phát triển ngành - hợp phần thực hiện chính sách phát triển ngành)	ADB	Đã hoàn thành	1998-2005	ldthang@adb.org
Tiểu vùng Mêkông mở rộng: Đường cao tốc TP Hồ Chí Minh-Phnom Penh	ADB	Đã hoàn thành	1998-2005	ldthang@adb.org
Tiểu vùng Mêkông mở rộng: Hành lang Đông-Tây	ADB	Đã hoàn thành	2000-2006	ldthang@adb.org
Nâng cấp tỉnh lộ	ADB	Hoàn thành một phần	2001-2009	ldthang@adb.org
Mạng lưới giao thông miền Trung	ADB	Đang thực hiện	2005-2010	ldthang@adb.org
Tiểu vùng Mêkông mở rộng: Tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai	ADB/AFD	Đang thực hiện	2006-2010	akunth@adb.org salomons@groupe-afd.org megueullec@groupe-afd.org, sylvain.biard@missioneco.org
Hành lang giao thông Côn Minh - Hải Phòng: Đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai (Vốn vay kỹ thuật)	ADB	Đang thực hiện Vốn vay đầu tư	2007-2008	ytanaka@adb.org <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai (vốn vay đầu tư)		Đang thực hiện	2008-2012	
Tiểu vùng Mêkông mở rộng: Hành lang ven biển Nam bộ	ADB/EDCF (Korea)/AusAid	Thực hiện	2007-2011	sdate@adb.org <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Vốn vay kỹ thuật Đường cao tốc TP Hồ Chí Minh– Long Thành – Dầu Giây	ADB/JICA	Vốn vay kỹ thuật Đang thực hiện	2008-2009	<a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a> <a href="mailto:ytanaka@adb.org">ytanaka@adb.org</a>
Vốn vay đầu tư		Đang thực hiện	2008-2013	
Hệ thống tàu điện ngầm Hà Nội	ADB/AFD/EIB	Giai đoạn chuẩn bị	Chắc chắn 2010	<a href="mailto:rvalkovic@adb.org">rvalkovic@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>

Tuyến trung chuyển số 2 tàu điện ngầm đô thị TPHCM Cả vốn vay Hỗ trợ kỹ thuật và vốn vay đầu tư	ADB/KfW/EIB	Giai đoạn chuẩn bị	chắc chắn 2010 Dự phòng 2011	<a href="mailto:rvalkovic@adb.org">rvalkovic@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Kết nối giao thông trung tâm ĐB sông Cửu Long	ADB/AusAID/Korea	Giai đoạn chuẩn bị	Chắc chắn 2010	<a href="mailto:pbroch@adb.org">pbroch@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Mạng lưới giao thông phía Bắc Tiểu vùng Mêkông mở rộng giai đoạn II	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	Chắc chắn 2010	<a href="mailto:jmiller@adb.org">jmiller@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Đường vành đai số 2 TP Hồ Chí Minh	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	Dự phòng 2010	<a href="mailto:ytanaka@adb.org">ytanaka@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai (vốn vay bổ sung)	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	Dự phòng 2010	<a href="mailto:ytanaka@adb.org">ytanaka@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Kết nối giao thông ở các tỉnh miền núi phía Bắc	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	Chắc chắn 2011	<a href="mailto:rvalkovic@adb.org">rvalkovic@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Tiểu vùng Mêkông mở rộng: Đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	Chắc chắn 2011	<a href="mailto:ytanaka@adb.org">ytanaka@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Tiểu vùng Mêkông mở rộng: Hành lang ven biển phía Nam, giai đoạn II	ADB	Ý tưởng dự án	Chắc chắn 2011	<a href="mailto:sdate@adb.org">sdate@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ	ADB/JICA	Ý tưởng dự án	Dự phòng 2011 Chắc chắn 2012	<a href="mailto:ytanaka@adb.org">ytanaka@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Tiểu vùng Mêkông mở rộng: Đường cao tốc Hạ Long- Móng Cái	ADB	Ý tưởng dự án	Chắc chắn 2012	<a href="mailto:ytanaka@adb.org">ytanaka@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Dự án đường sắt Tiểu vùng Mêkông mở rộng	ADB	Ý tưởng dự án	Chắc chắn 2012	<a href="mailto:jmiller@adb.org">jmiller@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Đường cao tốc Bến Lức – Long Thành	ADB	Ý tưởng dự án	Chắc chắn 2012	<a href="mailto:ytanaka@adb.org">ytanaka@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Đường vành đai số 3 và 4 TP Hồ Chí Minh	ADB	Ý tưởng dự án	Dự phòng 2012	<a href="mailto:ytanaka@adb.org">ytanaka@adb.org</a> <a href="mailto:ldthang@adb.org">ldthang@adb.org</a>
Rà soát chiến lược đường nông thôn	DFID	Đã hoàn thành	5/2005 – 4/2006	Simon Lucas <a href="mailto:s-lucas@dfid.gov.uk">s-lucas@dfid.gov.uk</a>
Điều phối ngành giao thông (Tham gia xây dựng KHPTKTXH và các hỗ trợ khác)	DFID/JICA	Đã hoàn thành	11/2004 – 3/2006	Yoshifumi Omura, JICA:Omura.Yoshifumi@jica.go.jp Simon Lucas: <a href="mailto:s-lucas@dfid.gov.uk">s-lucas@dfid.gov.uk</a>
Dự án kiểm tra và sửa chữa cầu	Phần Lan/ FINNVERA	Đang thực hiện	2003-2006	<a href="mailto:thaiduckhai@cftd-group.com">thaiduckhai@cftd-group.com</a> <a href="mailto:Mauri.Mottonen@finnroad.fi">Mauri.Mottonen@finnroad.fi</a>
Nghiên cứu khả thi khôi phục cầu Long Biên	Pháp (Bộ TC)	Đã hoàn thành	2004	<a href="mailto:sylvain.biard@missioneco.org">sylvain.biard@missioneco.org</a>
Nghiên cứu khả thi tuyến xe điện	Pháp (Bộ TC)	Đã hoàn thành	2004	<a href="mailto:sylvain.biard@missioneco.org">sylvain.biard@missioneco.org</a>
Nghiên cứu khả thi tuyến giao thông đường sắt đô thị thí điểm	Pháp (Bộ TC)	Đã hoàn thành	2005	<a href="mailto:sylvain.biard@missioneco.org">sylvain.biard@missioneco.org</a>

Hiện đại hóa hệ thống biển báo và viễn thông trên tuyến đường sắt Hà Nội – Vinh (giai đoạn I)	Pháp (Bộ TC)	Đã hoàn thành		sylvain.biard@missioneco.org
Hiện đại hóa hệ thống biển báo và viễn thông trên tuyến đường sắt Hà Nội – Vinh (giai đoạn II)	Pháp (Bộ TC)	Đang thực hiện		sylvain.biard@missioneco.org
Mua sắm thiết bị để sửa chữa đầu máy	Pháp (Bộ TC)	Đã hoàn thành		sylvain.biard@missioneco.org
Khôi phục 4 hầm đường sắt tại đèo Hải Vân	Pháp (Bộ TC)	Đã hoàn thành		sylvain.biard@missioneco.org
Mua sắm thiết bị để duy tu tuyến đường sắt Hà Nội – Vinh	Pháp (Bộ TC)	Đang thực hiện		sylvain.biard@missioneco.org
Tàu điện ngầm thí điểm Hà Nội, tuyến Nhôn-Ga Hà Nội	Pháp (Bộ TC/AFD/FFEM)	Đang thực hiện	2007 - 2010	sylvain.biard@missioneco.org megueullec@groupe-afd.org salomons@groupe-afd.org
Dự án đường sắt Việt Nam	GTZ	Đang thực hiện	2001 - 2006	Nguyen Van Tau <a href="mailto:gtzvr@hn.vnn.vn">gtzvr@hn.vnn.vn</a>
Dự án khôi phục cầu đường sắt Hà Nội – TP HCM	JICA	Đã hoàn thành	1994 - 2005	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Dự án khôi phục cầu trên quốc lộ 1	JICA	Đã hoàn thành	1994 - 1999	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án nâng cấp quốc lộ 5	JICA	Đã hoàn thành	1994 - 2004	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án khôi phục cầu trên quốc lộ 1	JICA	Đã hoàn thành	1996 - 2005	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án xây dựng hầm Hải Vân	JICA	Đã hoàn thành	1997 - 2007	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án nâng cấp quốc lộ 10	JICA	Đã hoàn thành	1998 - 2007	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án khôi phục cầu trên quốc lộ 1 giai đoạn II	JICA	Đã hoàn thành	1999 - 2006	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án nâng cấp cảng Đà Nẵng	JICA	Đã hoàn thành	1999 - 2006	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Dự án hệ thống thông tin ven biển ở miền Nam VN	JICA	Đã hoàn thành	2000 - 2007	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Dự án xây dựng cầu Bính	JICA	Đã hoàn thành	2000 - 2007	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy	JICA	Đã hoàn thành	2001 - 2008	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Nghiên cứu Quy hoạch tổng thể giao thông đô thị và nghiên cứu khả thi vùng trung tâm TP Hồ Chí Minh (HOUTRANS)	JICA	Đã hoàn thành	2002 - 2004	PhanBinh.VT@jica.go.jp <a href="mailto:HoangThiTuat.VT@jica.go.jp">HoangThiTuat.VT@jica.go.jp</a>

Dự án tăng cường năng lực đào tạo cho công nhân xây dựng đường tại Trường Kỹ thuật dạy nghề xây dựng số 1	JICA	Đã hoàn thành	2001 - 2006	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp <a href="mailto:HoangThiTuat.VT@jica.go.jp">HoangThiTuat.VT@jica.go.jp</a>
Nghiên cứu thiết kế chi tiết cảng quốc tế Cái Mép - Thị Vải	JICA	Đã hoàn thành	2004 - 2006	<a href="mailto:Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp">Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp</a> <a href="mailto:HoangThiTuat.VT@jica.go.jp">HoangThiTuat.VT@jica.go.jp</a>
Chương trình phát triển đô thị toàn diện ở thủ đô Hà Nội (HAIDEP)	JICA	Đã hoàn thành	2004 - 2007	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp <a href="mailto:HoangThiTuat.VT@jica.go.jp">HoangThiTuat.VT@jica.go.jp</a>
Xây dựng bộ tiêu chuẩn kỹ thuật đường sắt	JICA	Đã hoàn thành	2007 - 2009	<a href="mailto:PhanBinh.VT@jica.go.jp">PhanBinh.VT@jica.go.jp</a> <a href="mailto:HoangThiTuat.VT@jica.go.jp">HoangThiTuat.VT@jica.go.jp</a>
Dự án mở rộng cảng Cái Lân	JICA	Đang thực hiện	1996 - 2009	Yusuke Sekiguchi, JICA <a href="mailto:Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp">Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp</a>
Dự án phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Hà Nội	JICA	Đang thực hiện	1997 - 2008	Taro Katsurai, JICA <a href="mailto:Katsurai.Taro@jica.go.jp">Katsurai.Taro@jica.go.jp</a>
Dự án nâng cấp quốc lộ 18	JICA	Đã hoàn thành	1998 - 2008	Ai Miura, JICA <a href="mailto:Miura.Ai@jica.go.jp">Miura.Ai@jica.go.jp</a>
Dự án cải thiện điều kiện sống và phát triển nông thôn giai đoạn III (đường nông thôn)	JICA	Đã hoàn thành	1999 - 2006	Nguyen Thi Van Anh, JICA <a href="mailto:NguyenThiVanAnh.VT@jica.go.jp">NguyenThiVanAnh.VT@jica.go.jp</a>
Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông ở Hà Nội	JICA	Đang thực hiện	1999 - 2010	Kenichi Kobayashi, JICA <a href="mailto:Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp">Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp</a>
Dự án khôi phục cảng Hải Phòng (giai đoạn II)	JICA	Đang thực hiện	2000 - 2010	Yusuke Sekiguchi, JICA <a href="mailto:Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp">Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp</a>
Dự án xây dựng đường cao tốc Đông-Tây Sài Gòn	JICA	Đang thực hiện	2000 - 2010	Yusuke Sekiguchi, JICA <a href="mailto:Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp">Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp</a>
Dự án xây dựng cầu qua sông Hồng (Thanh Trì)	JICA	Đang thực hiện	2000 - 2010	Ai Miura, JICA <a href="mailto:Miura.Ai@jica.go.jp">Miura.Ai@jica.go.jp</a>
Dự án xây dựng cầu Cần Thơ	JICA	Đang thực hiện	2001 - 2009	Ai Miura, JICA <a href="mailto:Miura.Ai@jica.go.jp">Miura.Ai@jica.go.jp</a>
Dự án xây dựng đường tránh quốc lộ 1	JICA	Đang thực hiện	2001 - 2009	Ai Miura, JICA <a href="mailto:Miura.Ai@jica.go.jp">Miura.Ai@jica.go.jp</a>
Dự án xây dựng cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	JICA	Đã hoàn thành	2002 - 2008	Yusuke Sekiguchi, JICA <a href="mailto:Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp">Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp</a>
Dự án phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ người nghèo quy mô nhỏ (đường nông thôn)	JICA	Đang thực hiện	2003 - 2009	Nguyen Thi Van Anh, JICA <a href="mailto:NguyenThiVanAnh.VT@jica.go.jp">NguyenThiVanAnh.VT@jica.go.jp</a>
Dự án khôi phục cầu trên quốc lộ 1 giai đoạn III	JICA	Đang thực hiện	2003 - 2009	Ai Miura, JICA <a href="mailto:Miura.Ai@jica.go.jp">Miura.Ai@jica.go.jp</a>
Vốn vay ngành giao thông để nâng cấp mạng lưới đường quốc lộ	JICA	Đang thực hiện	2004 - 2010	Ai Miura, JICA <a href="mailto:Miura.Ai@jica.go.jp">Miura.Ai@jica.go.jp</a>

Dự án cải thiện an toàn cầu trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP HCM	JICA	Đang thực hiện	2004 - 2009	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Dự án xây dựng cảng quốc tế Cái Mép-Thị Vải	JICA	Đang thực hiện	2004 - 2012	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Dự án mạng lưới đường khu vực và quốc lộ 3 mới	JICA	Đang thực hiện	2005 - 2011	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án nâng cấp hệ thống quản lý cảng	JICA	Đang thực hiện	2005 - 2009	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Nghiên cứu Quy hoạch tổng thể các trạm nghỉ dọc đường	JICA	Đã hoàn thành	2006 - 2009	BinhPhan.vt@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Dự án Phát triển nhân lực An toàn giao thông ở Hà Nội (TRAHUD)	JICA	Đang thực hiện	2006 - 2009	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Dự án phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ người nghèo quy mô nhỏ (II) (đường nông thôn)	JICA	Đang thực hiện	2006 - 2010	Nguyen Thi Van Anh, JICA NguyenThiVanAnh.VT@jica.go.jp
Dự án xây dựng cầu Nhật Tân	JICA	Đang thực hiện	2006 - 2012	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án cải thiện An toàn giao thông trên các đường quốc lộ phía Bắc Việt Nam	JICA	Đang thực hiện	2007 - 2012	Kenichi Kobayashi, JICA Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp
Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc Nam TP HCM – Long Thành - Dầu Giây	JICA	Đang thực hiện	2007 - 2012	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Nghiên cứu Quy hoạch tổng thể về An toàn giao thông	JICA	Đang thực hiện	2007 - 2009	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Nghiên cứu Chiến lược phát triển giao thông quốc gia (VITRANSS2)	JICA	Đang thực hiện	2007 - 2009	BinhPhan.vt@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Cố vấn về quy hoạch và quản lý đường sắt	JICA	Đang thực hiện	2007 - 2009	PhanBinh.VT@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Dự án xây dựng đường sắt đô thị TP HCM (Bến Thành - Suối Tiên (đường số 1))	JICA	Đang thực hiện	2007 - 2019	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Nghiên cứu quy hoạch tổng thể về phát triển hệ thống CNS/ATM mới	JICA	Đang thực hiện	2008 - 2010	<a href="mailto:Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp">Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp</a> HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Dự án xây dựng đường sắt đô thị TP Hà Nội (đường số 1) (dịch vụ kỹ thuật)	JICA	Đang thực hiện	2008 - 2017	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Xây dựng đường vành đai 3 Hà Nội	JICA	Đang thực hiện	2008 - 2013	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp

Vốn vay ngành giao thông để nâng cấp mạng lưới quốc lộ, giai đoạn II	JICA	Đang thực hiện	2009 - 2012	Ai Miura, JICA Miura.Ai@jica.go.jp
Dự án xây dựng đường sắt đô thị TP Hà Nội (tuyến Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo (đường số 2)) (I)	JICA	Đang xây dựng dự án	2009 - 2020	Yusuke Sekiguchi, JICA Sekiguchi.Yusuke@jica.go.jp
Cổ vản cho quản lý, vận hành và duy tu hệ thống đường cao tốc	JICA	Đang xây dựng dự án	2009 - 2011	PhanBinh.VT@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Dự án tăng cường năng lực cho trường cao đẳng giao thông vận tải	JICA	Đang xây dựng dự án	2009 - 2013?	PhanBinh.VT@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Dự án xây dựng lại các cầu ở miền Trung – giai đoạn II	GOJ/JICA	Chưa thực hiện	2003-2006	Hayashi.Masayuki@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Dự án xây dựng lại các cầu ở các tỉnh miền núi phía bắc	GOJ/JICA	Chưa thực hiện	2005-2008	Hayashi.Masayuki@jica.go.jp HoangThiTuat.VT@jica.go.jp
Xây dựng quốc lộ 18	KEXIM	Đã hoàn thành	1995 – 1999	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Tiểu vùng Mêkông mở rộng: Dự án hành lang ven biển Nam bộ	KEXIM/ADB	Đang thực hiện	2007 - 2011	
Đường tránh Rạch Giá	KEXIM	Đang thực hiện	2007 - 2011	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (đoạn 7)	KEXIM	Đang thực hiện	2008 - 2011	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (đoạn 10)	KEXIM	Giai đoạn phê chuẩn vốn vay	Chắc chắn 2009	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Cầu Vĩnh Thịnh	KEXIM	Giai đoạn phê chuẩn vốn vay	Chắc chắn 2009	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Đường cao tốc Lò Tè - Rạch Sỏi	KEXIM	Đang xây dựng dự án	Chắc chắn 2010	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>



Kết nối giao thông ở các tỉnh miền núi phía Bắc	KEXIM	Ý tưởng dự án	2010	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Đường vành đai số 4 TP Hồ Chí Minh	KEXIM	Ý tưởng dự án	2011	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Kết nối giao thông ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long	KEXIM	Ý tưởng dự án	2010	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn Tiểu vùng Mêkông mở rộng	KEXIM	Ý tưởng dự án	2011	Moon Jae Jeong <a href="mailto:mjj01@koreaexim.go.kr">mjj01@koreaexim.go.kr</a> Dinh Hanh Ha <a href="mailto:dinhhanhha@koreaexim.go.kr">dinhhanhha@koreaexim.go.kr</a>
Nghiên cứu khả thi hệ thống đường sắt đô thị Hà Nội	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành	1999-2000	Mr. Nguyen Van Minh <a href="mailto:NguyenVan.Minh@kfw.de">NguyenVan.Minh@kfw.de</a>
Cung cấp cần trục đường sắt hiện đại	KfW	Đang thực hiện	2000-2003	Mr. Nguyen Van Minh <a href="mailto:NguyenVan.Minh@kfw.de">NguyenVan.Minh@kfw.de</a>
Chương trình hội thảo Đà Nẵng	KfW	Đang thực hiện	1999 - 2005	Mr. Nguyen Van Minh <a href="mailto:NguyenVan.Minh@kfw.de">NguyenVan.Minh@kfw.de</a>
Đầu máy tuyến chính	KfW	Đang thực hiện	2001-2007	Mr. Nguyen Van Minh <a href="mailto:NguyenVan.Minh@kfw.de">NguyenVan.Minh@kfw.de</a>
Tàu cuốn hút bùn	KfW	Đang thực hiện	2000-2005	Mr. Nguyen Van Minh <a href="mailto:NguyenVan.Minh@kfw.de">NguyenVan.Minh@kfw.de</a>
Trung tâm điều khiển đường sắt Việt Nam	KfW	Đang thực hiện	2007-2010	Mr. Nguyen Van Minh <a href="mailto:NguyenVan.Minh@kfw.de">NguyenVan.Minh@kfw.de</a>
Dự án nâng cấp giao thông đô thị	WB	Đã hoàn thành	11/1998-6/2005	Shomik Mehndiratta <a href="mailto:smehndiratta@worldbank.org">smehndiratta@worldbank.org</a>
Dự án khôi phục cảng và giao thông thủy nội địa	WB	Đã hoàn thành	03/1998-04/2006	Simon Ellis <a href="mailto:sellis1@worldbank.org">sellis1@worldbank.org</a>
Dự án giao thông nông thôn	WB	Đã hoàn thành	1996 – 2000	Phuong Thi Minh Tran <a href="mailto:ptran1@worldbank.org">ptran1@worldbank.org</a>
Dự án giao thông nông thôn giai đoạn II	WB	Đã hoàn thành	2000 – 06/2006	Phuong Thi Minh Tran <a href="mailto:ptran1@worldbank.org">ptran1@worldbank.org</a>

Dự án khôi phục đường cao tốc	WB	Đã hoàn thành	1993 – 2001	Dung Anh Hoang dhoang1@worldbank.org
Dự án khôi phục đường cao tốc giai đoạn II	WB	Đã hoàn thành	1997 - 2005	Dung Anh Hoang dhoang1@worldbank.org
Đánh giá điều chỉnh giao thông đa thức (PPIAF)	WB	Đã hoàn thành	5/2005-1/2006	Baher El-Hifnawi melhifnawi@worldbank.org
Nghiên cứu củng cố và phát triển hệ thống xe buýt ở TP Hồ Chí Minh (PPIAF)	WB	Đã hoàn thành	6/2005-1/2006	Shomik Mehndiratta smehndiratta@worldbank.org
Nghiên cứu bề mặt đường nông thôn	WB/DFID/ SEACAP	Đã hoàn thành	05/2003 – 03/2009	Jasper Cook jaspcook@btinternet.com
Dự án phát triển đường cao tốc (Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	WB	Đang xây dựng dự án	04/2010 – 04/2016	Simon Ellis <a href="mailto:sellis1@worldbank.org">sellis1@worldbank.org</a> Phuong Thi Minh Tran ptran1@worldbank.org
Dự án giao thông đô thị Hải Phòng	WB	Đang xây dựng dự án	2010 - 2015	Reindert Westra <a href="mailto:rwestra@worldbank.org">rwestra@worldbank.org</a> Cuong Duc Dang <a href="mailto:cdang@worldbank.org">cdang@worldbank.org</a> Van Anh Thi Tran vtran@worldbank.org
Dự án chống lũ và giao thông Mêkông	WB	Đang thực hiện	10/2001-12/2010	Maria Margarita Nunez <a href="mailto:mnunez@worldbank.org">mnunez@worldbank.org</a> Dung Anh Hoang dhoang1@worldbank.org
Dự án chống lũ và giao thông Mêkông – tài trợ bổ sung	WB	Đang thực hiện	11/2007-12/2010	Dung Anh Hoang dhoang1@worldbank.org
Dự án cải thiện mạng lưới đường bộ	WB	Đang thực hiện	10/2004- 12/2009	Phuong Thi Minh Tran ptran1@worldbank.org
Dự án cải thiện mạng lưới đường bộ - tài trợ bổ sung	WB	Đang xây dựng dự án	2009 - 2012	Phuong Thi Minh Tran ptran1@worldbank.org
Dự án an toàn đường bộ	WB	Đang thực hiện	03/2006-12/2009	Van Anh Thi Tran vtran@worldbank.org
Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội	WB	Đang thực hiện	03/2008-12/2013	Reindert Westra <a href="mailto:rwestra@worldbank.org">rwestra@worldbank.org</a> Cuong Duc Dang <a href="mailto:cdang@worldbank.org">cdang@worldbank.org</a>

				Van Anh Thi Tran vtran@worldbank.org
GEF - Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội	WB	Đang thực hiện	03/2008-12/2013	Reindert Westra <a href="mailto:rwestra@worldbank.org">rwestra@worldbank.org</a> Cuong Duc Dang <a href="mailto:cdang@worldbank.org">cdang@worldbank.org</a> Van Anh Thi Tran vtran@worldbank.org
Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông Mêkông	WB	Đang thực hiện	05/2007-12/2013	Simon Ellis <a href="mailto:sellis1@worldbank.org">sellis1@worldbank.org</a> Dung Anh Hoang dhoang1@worldbank.org
Dự án phát triển giao thông đồng bằng Bắc Bộ	WB	Đang thực hiện	06/2008-06/2014	Baher El-Hifnawi <a href="mailto:melhifnawi@worldbank.org">melhifnawi@worldbank.org</a> Dung Anh Hoang dhoang1@worldbank.org
Dự án giao thông nông thôn giai đoạn 3	WB/DFID	Đang thực hiện	09/2007 – 12/2011	Phuong Thi Minh Tran ptran1@worldbank.org Simon Ellis <a href="mailto:sellis1@worldbank.org">sellis1@worldbank.org</a> Ngo Thi Quynh Hoa nq-hoa@dfid.gov.uk
Dự án giao thông nông thôn giai đoạn III – tài trợ bổ sung	WB/DFID	Đang xây dựng dự án	07/2009 – 07/2012	Phuong Thi Minh Tran ptran1@worldbank.org Simon Ellis <a href="mailto:sellis1@worldbank.org">sellis1@worldbank.org</a>